

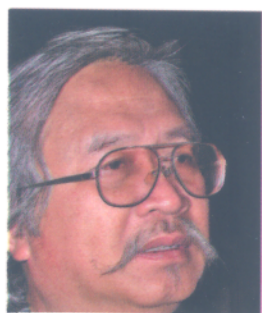
THIỀN SƯ VÔ MÔN

VÔ MÔN QUAN

Đệ nhất kỳ thư của Thiền Tông Đông Độ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



VŨ THẾ NGỌC

- Cử nhân, Cao học Văn học Việt Nam (Đại học Vạn Hạnh)
- Cử nhân và Cao học Khoa Học Xã Hội (Đại học Vạn Hạnh)
- Kỹ sư Điện tử & Sinh vật Y khoa (Boston University)
- Hậu Đại học Giáo dục Song Văn Hóa (Boston State College)
- Thạc sĩ Xã Hội Học (University of California, S.B.)
- Tốt nghiệp chuyên khoa Tiến sĩ Phát triển kinh tế (University of California, Santa Barbara)

Vô môn quan

NHA XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN

THIỀN SƯ VÔ MÔN

Vô môn quan

ĐỆ NHẤT KỲ THƯ CỦA
THIỀN TÔNG ĐÔNG ĐỘ

VŨ THẾ NGỌC

Dịch và luận chú

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP.HỒ CHÍ MINH

Lần lượt giới thiệu:

- Bồ Đề Đạt Ma** : Tuyết Quán Luận
Vô Môn : Vô Môn Quan
Đạt Ma : Huyết Mạch Luận
Viên Ngộ : Bích Nham Lục
Lão Tử : Đạo Đức Kinh
Long Thọ : Trung Quán Luận
Trần Thái Tông: Khóa Hư Lục
Vũ Thế Ngọc : Thiền Tông Việt Nam
Vũ Thế Ngọc : Kinh dịch Khoa Học

Tự

Hai mươi năm xưa Trần Tuấn Mẫn, ông bạn đồng môn của tôi rủ cùng dịch và luận chú Vô Môn Quan. Khi đó còn hào khí tuổi trẻ, tôi như một gã kiếm khách trẻ vừa xuống núi, còn tâm mải mê hăng hái mùa kiếm tịch tà giữa chốn chợ đời phiền lụy thị phi, tôi đã bỏ mất cơ hội.

Rồi chỉ sau những tháng ngày nặng trĩu với gió bụi giang hồ, mòn mỏi với những được thua còn mất, tôi lại mới có dịp quay lại về mái nhà xưa soi mình trên dòng sông cũ. Nhìn lại những buồn đau, những viễn mộng hoang đường đã trôi dài ra biển cả thời gian, tôi một lần nữa như lại tìm dần ra được những mảnh vụn của khuôn mặt mình.

Từng trang từng trang Vô Môn Quan, từng Công Ấn, từng Công Ấn... như những đợt sóng xô tôi về lại quê nhà, về lại nhà xưa tìm lại chính mình của những ngày thông dong phiêu bổng...

Viết lại những dòng luận chú cho Vô Môn Quan, đệ nhất kỳ thư của rừng thiền Đông Độ, tôi chỉ muốn cùng chia sẻ với các bạn hữu xa gần một kinh nghiệm đã chảy trong dòng máu Đông phương từ mười mấy thế kỷ qua.

Cung kính.

Bát Bát Đường
tiết Tiểu Tuyết mùa Đông 1988

Vũ Thế Ngọc

vũ thế ngọc / vô môn quan

Thiền công án thiền

1 “*Thiền*” là cách phát âm Việt Hán của chữ 禪, chữ này là chữ tắt của nguyên chữ 禪那 (thiền na). Hai chữ này lại là hai chữ phiên âm của Phạn ngữ Dhyàna. Tóm lại *thiền* chỉ là một tiếng phát âm sai lạc từ một lối phát âm sai lạc khác, của một lối phiên âm sai lạc.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa gì đối với chân lý của thiền. Thiền vẫn đũa cọt với thế giới ngôn ngữ, với luận lý triết học. Chân lý của thiền là tìm về cái chân lý thực tại. “*Cái*” mà ngôn ngữ bất lực không thể giải thích “*cái*” mà Phật học thường gọi là “*bất khả tư nghị*” của chân-lý-bồ-bên-kia.

Dường như các thiền sư chưa bao giờ giải thích *mạch lạc* về thiền. Ngay cả những học giả cự phách nhất của thế kỷ hai mươi này, những đại trí thức được đào luyện trong các đại học Âu Mỹ, rất quen thuộc với luận lý logic với phương pháp học v.v. đã cố gắng giải thích nhưng bao giờ, cuối cùng, vẫn vội vàng

xóa bỏ các lời giải thích, chú giải rất uyên bác, “*rất dễ hiểu*” đó.

Có nghĩa... thiền là một cái gì không thể giải thích được? Không thể hiểu được ?

Câu trả lời có thể nói rằng đúng... và sai.

Sai. Bởi vẫn luôn luôn có nhiều sách, luận về thiền, xưa cũng như hiện nay. Đúng, bởi cuối cùng bao giờ ngôn ngữ tri thức cũng thất bại.

Điều đó không có nghĩa là thiền chống đối tri thức, hay trí năng, mà trái lại, thiền muốn đẩy trí tuệ của hành giả xa hơn nữa, cao hơn nữa, để tiến vào một cảnh giới bất-tri, ngoài khả năng diễn đạt của ngôn ngữ (Phật học thường dùng danh từ khai mở huệ nhãn). Trong phần luận của *Công án 5*, ta sẽ có dịp nói rõ hơn.

Vì cuối cùng chân lý của thiền vẫn thuộc về thế giới kinh nghiệm. Nhưng nó không thuộc vào loại thế giới bất khả tri kiến như về “kinh nghiệm về một thiên đàng” (hay địa ngục) của các tôn giáo khác... (Một kinh nghiệm gọi là bất khả tri kiến vì đòi hỏi người ta phải chết, phải hoàn toàn từ bỏ cõi đời này). Chân lý của thiền, tức ngộ, thì không rời khỏi đời sống này, nhưng không chìm ngập, bị động. Người đạt được kinh nghiệm này, thiền gọi là ngộ, thì vẫn chấp nhận cuộc đời này nhưng siêu việt nó và không lệ thuộc vào nó. *Công án 2* diễn tả trọn vẹn kinh nghiệm này, khi thiền sư trả lời về câu hỏi: “*Người liễu ngộ rồi còn bị luật nhân quả chi phối hay không?*”.

Đó cũng là một trong ba cửa ải của thiền sư Đâu Suất Duyệt (*Công án 47*) khi ngài hỏi người tham học: “Kiến tánh thì thành Phật, thì thoát sinh tử luân hồi. Vậy khi nhắm mắt lìa đời, thì làm sao để thoát?...”.

Tóm lại, tri kiến của thiền là trí huệ (prajna) là một loại tri kiến hoàn toàn tự do, hoàn toàn tự tại, không

giới hạn, không vương mắc, không chủ quan, không khách quan, không có không *không*, không vừa có vừa *không*... Đó là tri kiến không còn đối tượng không còn chủ thể, một tri kiến của thế giới bất nhị, của... “bờ-bên-kia”. Nó không rời khỏi thế giới nhị nguyên này, không phủ nhận cảnh giới “liễu hoa xanh biếc” này... Nhưng “trong suốt”, “không vương mắc”... Thiền sư Thanh Nguyên Duy Tân đã diễn tả: “... *Khi chưa tu, sãi tôi thấy núi là núi, sông là sông. Trải qua bao năm tháng tu học, sãi tôi thấy rằng núi không còn là núi, sông không còn là sông. Đến khi được bậc thiện trí thức khai mở huệ nhãn cho thì sãi tôi lấy thấy núi là núi, sông là sông*” (xem Công án 4).

2 Khi đọc các công án, người ta sẽ thấy các thiền sư có thể ngộ bằng nhiều cách: Hương Nghiêm nghe tiếng đá chạm gốc tre mà đại ngộ. Sư Hồng Châu bị Mả Tổ đập một đập mà hốt nhiên liễu ngộ. Thiền Long đưa một ngón tay ra mà Hòa Thượng Câu Chi thoát ngộ... Người đọc có thể có cảm tưởng rất dễ ngộ thiền. Đây là một nhầm lẫn rất quan trọng.

Thứ nhất, ta phải biết *công án* có nghĩa là “một bức công văn đặt trên bàn ở công đường...” (công phủ chỉ án độc). Công án được coi như một văn kiện chính thức của khuôn phép tông môn, ví như công lệnh của nhà nước. Công án ghi lại tự sự một bài giảng, một kinh nghiệm đốn ngộ có thật của một thiền sư nào đó. *Nhưng chỉ ghi lại đoạn gay cần nhất*. Nếu đối chiếu với *Truyện Đăng Lục* ta sẽ thấy rõ điều đó. Mặc dù ngay trong *Truyện Đăng Lục* đã được viết một cách rất vắn tắt, có những trường hợp cũng thiếu đầu thiếu đuôi như công án.

Thứ hai, *công án* còn có nghĩa là *án lệ*, án lệ ở đây hiểu là nguyên do sự việc trong công án đã xảy ra một cách rất riêng biệt, rất cá nhân, rất riêng rẽ. Chỉ được

viết ra để lấy làm thí dụ, làm chứng tử, làm lệ... Muốn lý giải phải đi vào từng trường hợp riêng biệt.

Thứ ba, tất cả các thiền gia thuở xưa đều là người tự nguyện, đều là những người hiến trọn đời cho việc tu hành (lẽ dĩ nhiên đời nào cũng có những phần tử xấu). Các vị tu sĩ này đều đẩy mình đến một thử thách tuyệt cùng cùng "Ta chỉ có thể tìm giác ngộ trong cuộc đời này, không cầu mong gì khác, ngay cả cầu tái sinh lên cõi trời cao nào đó để được gần các vị bồ tát để *được* dẫn dắt mà đắc đạo..." (Công án "*sinh tử sự đại*..." là một công án lớn trong thiền học là vì vậy.) Truyền Đăng Lục cho thấy Triệu Châu Tùng Thẩm đi tham học đến 80 tuổi. Huệ Trung ẩn tu trong rừng một mình đến 40 năm. Trùng Khánh ngồi thiền suốt 20 năm, mòn hết cả 7 tấm tọa cụ. Đó là những thí dụ cho ta thấy phong thái tu hành này thật khác với các hình ảnh chúng ta thường thấy những thế hệ hiện nay.

Để có thể thấy một phần nào hình ảnh này, một tu sĩ Việt Nam nói chuyện với một số bạn học cũ, là những người đã từng quên ăn quên ngủ để học thi tú tài bản xứ thời 1950-1960 rằng, các bạn học chưa thấm thía gì với các cụ ngày xưa học thi theo lối cổ (Nếu tính số người thi đỗ kỳ thi Hội trên tổng số người dự thi kỳ thi Hương ở năm trước thi tỷ lệ đỗ có chừng 1 phần trăm). Thế mà nói về sự chuyên cần hy sinh của các cụ không bằng tới một phần lối chuyên tu của các thiền gia xả thân cầu đạo ngày xưa. (Trường hợp Huệ Khả đứng suốt đêm giữa tuyết và chặt tay cầu đạo vẫn luôn luôn là một thí dụ điển hình). Thế mà số thiền gia "đậu" kỳ thi này cũng cực kỳ hiếm hoi. Ngay ngài Lục Tổ Huệ Năng cả đời cũng chỉ truyền tâm ấn được cho độ mười vị. Đó là nói ở thời xưa, có các bậc thầy tổ vĩ đại mà còn hiếm người chứng ngộ như vậy.

Từ ba điểm ở trên, cho ta thấy bức tranh chân thật về kinh nghiệm giác ngộ, mà công án chỉ là một phần nhỏ ghi lại giai đoạn gay cấn mà thôi. Bình thường, các thiền giả đã là những người tu hành tới độ chín mùi (sách thiền thường ví với tình trạng gà con trong trứng) nhưng vẫn còn một vướng mắc cuối cùng (ví với vỏ trứng). Vị thầy chính là người đã có kinh nghiệm ngộ rồi, biết được cái vướng mắc đó của học trò và đợi đúng lúc nào khai ngộ cho đệ tử. Và như đã nói, mỗi đệ tử có một cái vướng mắc khác nhau, cho nên với Hồng Châu là một cú đá, với Hương Nghiêm là tiếng đá chạm vào gốc tre, với Câu Chi là một ngón tay... là lẽ đó.

3 Khi đọc các công án, người ta lại thấy mình bị thấy vào giữa một thế giới mâu thuẫn, vô lý.

Ngài Thanh Lương thượng đường, chỉ tấm màn tre. Tức thì có hai ông sư cùng tiến ra cuốn rèm. Ngài phán: một được, một mất (*Công án 26*).

Ngài Triệu Châu đến hỏi hai ông chủ am. Hai ông cùng giờ nắm tay lên. Ngài phán: một được một mất (*Công án 11*).

Người đọc công án, có cảm giác đây là một hí trường cho các ngài thiền sư hý lộng. Cùng một câu hỏi: "Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua Đông Độ với ý gì?" đã có hàng trăm câu trả lời của các vị thiền sư lỗi lạc nhất. Tất cả đều như không "ăn nhằm" gì đến câu hỏi.

Triệu Châu trả lời: Cây tùng trước sân. Qui Sơn trả lời: Cái lồng đèn đẹp quá. Hoài Nhượng hỏi lại: Ý anh là gì? Vân Môn bịt lỗ tai. Tuyết Phong lay hàng dậu. Thạch Đầu: Hãy hỏi cây cột kia. Mã Tổ: Ông uống hết nước sông Tây Giang xong tôi sẽ trả lời v.v.

Ở đây người viết không cất nghĩa một cách "trí thức" hay "siêu hình" mà vẫn chỉ nghĩ rằng hiện nay

các bản dịch Vô Môn Quan đã bán nhiều triệu bản trên khắp thế giới. Đã có bao vị nhờ đọc sách đó mà ngộ, chúng tôi thật không biết, nhưng tại sao người ta vẫn thích thú đọc một cách say mê những hý lộng phi luận lý kia?

Đó không phải là câu hỏi ngoài lề mà chính từ câu hỏi đó chúng ta mới thấy cái *phong cách thiền* trong các công án có vẻ như rất phi lý, rất mâu thuẫn kia, thật sự đã chứa đựng một phong cách rất sống động và vô cùng độc đáo.

Việc thấy trò đối đáp nhau khi tham vấn ở thiền đường, được thấy qua các công án, là cái phong thái chung của thiền. Phong thái này được gọi là “dương hạ chi nhất niệm”. Nghĩa là phải lập tức trả lời, câu trả lời trực tiếp đưa ra từ vô niệm, từ trực giác. Không qua lý luận phân tích, gọt giũa. Nhờ phong thái này người ta đo lường được trình độ tâm linh của người đối thoại. Thấy được rõ cái tiềm lực trong *kinh nghiệm thực chứng* chứ không còn chỉ là qua trí thức học hỏi. Ở đây cho thấy rõ rệt sự khác biệt giữa người tu chứng với người học giả (ví như so sánh giữa con người linh hoạt với người máy hay máy điện toán có khả năng kinh khiếp về việc tàng trữ và ghi nhớ đủ mọi dữ kiện.)

Trong thiền giới còn gọi lối đối đáp này là “cơ phong vấn đáp”. Vì sự vấn đáp trong trạng thái “dương hạ chi nhất niệm” đòi hỏi người trong cuộc phải lộ đầy đủ bản lĩnh tâm linh. Ví như võ sĩ đấu kiếm, mỗi mũi kiếm tung ra là một mũi nhọn trí mạng, dịch thủ không có thời giờ suy nghĩ hay tính toán. Thành ra trong thiền học còn có thuật ngữ “*hoạt cú*” (lời sống động) và “*tử cú*” (lời chết).

Tử cú chỉ các câu nói không trực tiếp, không thuần nhiên, các câu nói đúc khuôn, có dấu vết của lý luận

phân tích... Lễ dĩ nhiên thiền không chấp nhận các *lời chết*, không sinh khí này. *Tử cú* ở đây, trong Vô Môn Quan, là trường hợp chủ tiểu bắt chước Câu Chi đưa ngón tay lên (*Công án 3*), là lời đáp của ông thủ tòa trong *Công án 40*, là câu nói của 2 ông tăng trong *Công án 29* v.v. Tuy nhiên, đừng lầm lẫn tất cả những “khuôn đúc” đều là *tử cú*. Nhiều “khuôn đúc” luôn luôn sống động, thuần phát và tinh khiết trong tay các bậc thiền sư lỗi lạc. Đọc *Công án 3*, ta sẽ thấy mỗi lần Câu Chi Hòa Thượng đưa ra ngón tay, là mỗi lần mỗi mới như chưa bao giờ có. Nhiều trường hợp “khuôn đúc” được các thiền sư lập lại một cách trong suốt và sống động:

Có ông tăng từ tổ đường Quy Sơn (thầy của Hương Nghiêm) lại tham vấn, thiền sư Hương Nghiêm hỏi:

– Gần đây Hòa thượng có dạy gì đặc biệt?

Nhà sư trả lời:

– Có người hỏi “ý của Tổ sư Đạt Ma qua Trung Nguyên là gì?” thì Hòa thượng đưa cây phất tử lên.

Hương Nghiêm hỏi tiếp:

– Các huynh đệ ở đó hiểu ý Hòa thượng ra sao?

Nhà sư đáp:

– Ý của Hòa thượng là “túc sắc minh tâm, phụ vật hiển lý”.

Hương Nghiêm không chịu:

– Hiểu thì hiểu liền, giải thích dài dòng vô ích.

Ông tăng liền hỏi:

– Ý của tổ sư Đạt Ma qua Trung Nguyên là gì?

Hương Nghiêm tức thì đưa cây phất tử lên.

4 Một câu hỏi nữa được người đọc công án ngày hôm nay thường hỏi là: *Ngộ là gì? Ngộ có phải là giác ngộ không?*

Câu hỏi này tiềm tàng ý so sánh liễu ngộ của các thiền sư với sự chứng ngộ thành Phật của Phật Thích Ca.

Đầu tiên chúng ta phải biết là theo thiền học thì cứu cánh thiền giả phải đạt đến ngộ. Kiến tính là ngộ, không ngộ thì không có thiền. Kinh điển thiền tông và các thiền sư đã đều nói rõ điều đó.

Ngộ là mục đích của thiền

Ngộ là trái tim của thiền

Không ngộ không thiền.

Trên bình diện ngôn từ *ngộ* (悟) hay *giác ngộ* (覺悟) thật sự không có gì khác biệt. Tuy nhiên, trên bình diện thực hành, các kinh sách thiền tông vẫn phân biệt một cách khá rõ ràng *ngộ*, *liễu ngộ*, *đại ngộ* của các thiền sư với *giác ngộ* của Đức Phật.

Giác ngộ của Phật là *sự toàn giác*, là *chánh đẳng chánh giác* (Samyaksambodhi). "*Ngộ*" là chữ trong thiền học chỉ về kinh nghiệm trực tiếp về nội tại. Thuật ngữ chuyên môn gọi là thấu triệt được *lý Bát Nhã*. Trong khi Giác ngộ là "lý sự viên thông".

Vì vậy, ta sẽ thấy rằng tại sao Đại Mai Pháp Thường đặc pháp đồn ngộ nơi Mã Tổ, ngài còn phải tiếp tục ẩn tu trong rừng sâu. Tại sao Thiền sư Triệu Châu sớm đại ngộ nơi tổ đình Nam Tuyền mà còn tiếp tục ở với thầy cho đến 57 tuổi, rồi sau khi Nam Tuyền mất, ngài còn đi tham học khắp nơi cho đến 80 tuổi mới trụ sơn. Đọc thiền phổ ta cũng thấy nhiều thiền sư đã có cơ duyên ngộ đến hơn một lần. Và cũng vì đọc được các hành trạng và chính các tự truyện

của các ngài mà ta thấy rõ giai đoạn tu luyện *sau khi ngộ rồi* rất quan trọng. Đó là nỗ lực đưa cái kinh nghiệm ngộ đó đến đoạn chín mùi gọi là “đại cơ đại dụng”. Vì vậy, sau khi Đại Ma ẩn tu, Mã Tổ cho người đi thử và sau đó Tổ đã khen “trái *Mai lớn* nay đã chín rồi”. Thiền sư Nguyên Tĩnh thì cho có đến mười bước: Sau khi nhồi thành một khối đại cơ đại dụng rồi còn phải đi vào nhiều hoàn cảnh khác nhau để thử thách và trau dồi (dị loại trung hành)...

5 Hiện nay trên thế giới đã có nhiều ngàn tác phẩm viết về thiền, đủ loại, đủ trình độ, bằng hầu hết các ngôn ngữ chính. Sách về thiền lại là một trong những loại sách bán chạy... Thế nhưng vẫn có những hiểu lầm rất sơ đẳng ít khi được giải thích rõ. Ngay ở Việt Nam, một quê hương cổ kính nhất của Thiền tông, người ta vẫn có những ngộ nhận cơ bản.

Ngộ nhận đầu tiên là thiền đồng nghĩa với phóng túng, vô kỷ luật và đến độ vô luân lý. Người ta thường nhắc đến việc thiền sư Đôn Hà chẻ tượng Phật để đốt lò, đến thiền sư Vân Môn gọi Phật là que cút khô v.v. Sự thực tất cả những công án đó có thật. Gọi là công án vì việc đó nằm ở giữa một nội dung có thật, công án được xem như án lệ là vì vậy, “án lệ” ở đây là việc đã xảy ra trong hai điều kiện có thật của một hoàn cảnh có thật. *Một:* là người làm việc đó phải là các thiền sư đã thực sự chứng ngộ, các ngài đã đạt đến tâm không còn phân biệt (Giống như các đại văn hào viết văn thì thoải mái tự do, còn trẻ em tập viết thì còn phải dò chừng văn pháp). *Thứ hai:* tất cả các việc làm “phóng túng, vô luân lý” đó đều nhằm vào mục đích để *thăng hoa, để khai ngộ người đối diện chứ không vì mình*. Các thiền sư đốt tượng, gọi Phật là que cút là để khai ngộ tâm trí quá chú trọng vào hình thức của các tu sĩ, không biết là tất cả ảnh tượng, kinh sách đều chỉ là dụng cụ, phương

tiện trợ duyên cho mục đích chính của người tu hành là “tự giác nhi giác tha”...

Tóm lại, với tâm vô phân biệt của một thiện sư, các vị này *có thể làm bất cứ gì để nhằm mục đích cứu độ người khác*. Hành vi đạo đức Thiện Ác theo Phật học không bao giờ được hiểu theo quan điểm giáo điều cố định, mà luôn luôn được đối chiếu với ảnh hưởng hay kết quả do hành vi đó tạo nên.

Trong Vô Môn Quan, ta sẽ thấy các công án như *Bách Trượng Đà Hổ* (Công án 2) cho biết các thiện sư vẫn tuyệt đối tin vào giới luật, vào kinh điển như bất cứ tông phái Phật giáo nào khác.

*
* *
*

Ngộ nhận thứ hai là Thiện chống trí thức, chống văn tự kinh điển... Sự thực không phải chỉ có thiện tông mới “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” mà tất cả các tông phái Phật giáo đều “coi thường” kinh điển, văn tự. Chính Đức Phật đã luôn luôn nhấn mạnh là lời của Phật chỉ như ngón tay chỉ mặt trăng, là lời của ngài như lá trong tay còn trí tuệ thì vô cùng như lá trong rừng... Nhưng chưa có tôn giáo nào có nhiều sách, luận như Phật Giáo. Chư tổ đã để lại hàng vạn bộ luận, ngữ lục đủ loại. “Vấn đề” thật sự ở đây là Phật giáo nói chung và cao điểm nhất là thiện tông, luôn luôn nhấn mạnh rằng “*trí thức*” có khả năng lớn *nhưng luôn luôn có giới hạn*. Cái nguy nhất của con người, Phật giáo gọi là “sở tri chướng”: cái chướng ngại vì sự nô lệ của con người vào sự hiểu biết, vào cái trí thức đã có của chính mình. Hơn nữa, người học Phật còn phải vượt qua những kiến giải của thế giới ngôn ngữ, của thế giới trí thức nhị nguyên để bước vào thế giới của *tuệ trí* (prajña). Đây mới là điểm cốt yếu của Phật học. Các thiện sư luôn

luôn nhấn mạnh vào điểm này trong công việc hướng dẫn tu học cho thiện sinh: không ngộ không thiện, ngộ rồi thì có tất cả.

Trong nhiều công án ta thấy rõ chính các vị học giả thông thạo kinh luận lại rất nhiều khi dễ liễu ngộ so với người khác. Với điều kiện là các vị đó phải buông thả tất cả những hiểu biết đó để “nhảy vọt” qua bên bờ giới hạn của ngũ ngôn kinh điển. Trong phần bình luận của *Cống án 5* ta thấy trường hợp của học giả Hương Nghiêm và trong *Cống án 28* về tam tạng đại sư Đức Sơn. Đó là hai công án điển hình thuật về kinh nghiệm liễu ngộ của hai vị học giả trí thức. Không những thế, trong kinh và ở đây, trong *Cống án 32*, người ta còn thấy cả những nhà học giả ngoại đạo cũng chứng ngộ tức khắc, các vị này vốn đã có những công phu tu học, khi được Phật hay các thiện sư đã giác ngộ chỉ giải cho cái vướng mắc cuối cùng của họ.

Ta thường thấy các vị thiện sư ngộ đạo rồi, các ngài vẫn tiếp tục đọc kinh, tụng kinh để tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh cái kinh nghiệm đại ngộ kia đến độ tròn đầy. Điển hình là trường hợp của Hám Sơn Đại Sư: “Tôi đọc kinh Lăng Nghiêm để hy vọng khảo sát lại kinh nghiệm ngộ của mình (Tôi chưa hề đọc kinh này từ trước với các thầy của tôi). Tôi quyết đọc kinh bằng tất cả trực giác của mình, như thế suốt tám tháng và liễu tri được nghĩa thú của kinh”...

Khi kinh nghiệm đại ngộ tròn đầy các ngài không những thông suốt những khó hiểu, thắc mắc lúc trước của họ về các điểm trong kinh mà còn thâm nhập với kinh điển, có thể giảng giải được tất cả các kinh điển dù chưa bao giờ được đọc hay nghiên cứu gì trước. Đó là trường hợp của Lục Tổ khi ngài đã đắc pháp nhưng chưa xuất gia để độ đời, giải thích kinh điển cho các ni

cô mặc dù Lục Tổ chưa hề đọc các kinh đó bao giờ (Pháp Bảo Đàm Kinh).

Tóm lại, Thiền cũng như tất cả các tông môn khác của Phật Giáo luôn luôn khẳng định cứu cánh của hành giả là phải đạt đến giác ngộ. Phật đã nói nhiều lần về lời của ngài chỉ là phương tiện giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Bồ Đề tổ sư đã khẳng định chỉ cần ngộ: kẻ mù chữ mà thấy được chân tính thì là Phật. Kẻ thông thạo giảng đủ được tam tạng kinh điển mà chưa ngộ thì vẫn là phàm phu.

Thiền cũng như tất cả các tông môn khác đều không bao giờ phủ nhận sự cần thiết của kinh sách, của trí thức. Các vị cổ đức chỉ nhấn mạnh rằng *hãy coi đó là phương tiện mà thôi*. Nhưng chúng ta vẫn thấy đời nào cũng có những trường hợp quá khích mê muội: đó là các trường hợp một số người *chưa ngộ* đã coi thường trí thức, coi thường các vị học giả. Thật đáng thương, đó là người còn đang giữa biển mà đòi bỏ thuyền vậy.

6 Một ngộ nhận khác của những người đọc vội vã sách báo viết về Thiền học, về công án... rồi có thể tưởng tượng đến các tính cách "dã man" của sinh hoạt trong thiền viện. Sự thực nếu chỉ dùng hèo mà đánh, dùng chân mà đạp, rồi hét, chửi mắng... (như nhiều công án đã kể lại) để giác ngộ thiền sinh thì có lẽ các trại trừng giới phải là các lò sản xuất ra hàng loạt các siêu nhân giác ngộ.

Thiền sư Đức Sơn đánh gãy thiền sinh, có thật. Mã Tổ hét làm Bách Trượng điếc tai đến ba ngày, có thật. Nhưng như đã nói, đây là những *công án*, phải được hiểu trong bối cảnh riêng của từng trường hợp. Thiền sư đây chúng, cũng như tất cả các bậc thầy lớn, là tùy bệnh mà cho thuốc, các Ngài theo dõi tâm linh từng

người, trình độ từng người, mà tương cố, tương duyên để “cho thuốc” từng người. Giống như gà mẹ mổ trứng đúng lúc, giống như huấn luyện viên nhảy dù đẩy học viên ra khỏi máy bay ở tận mười ngàn bộ... Vì vậy, thiền sư phải là người ngộ rồi thì mới có thể độ được người khác, và vì vậy học thiền luôn luôn phải có một vị chân sư giác ngộ thật, để theo dõi thiền sinh.

Trở lại các trường hợp đánh, la bất ngờ, nếu xét trên phương diện tâm lý học lý luận thôi, thì ta cũng dễ thấy rằng chính những tiếng hét, cú đánh bất ngờ này rất dễ tạo ra “giây phút sững sờ” cho người đối diện. Trong giây phút đó đối tượng hốt nhiên bị đẩy vào một tình thế bất ngờ, vô ý niệm, không bị kiểm tỏa bởi lý trí logic... Và vì vậy, trong giây phút đó con người rất dễ “thoát ngộ”, nếu đã được sửa soạn đúng thời, đúng lúc.

Nhân tiện, chúng ta cũng nên nhắc đến một số ngộ nhận trong sinh hoạt văn chương sách báo. Có thể nói cả ngàn năm nay, hương thiền đã tỏa ngát trong tất cả các lãnh vực văn hóa Việt Nam. Và ở thế giới Tây Âu, dù thiền mới có mặt một hai thế kỷ, nhưng cũng đã tạo nên một phong trào lớn, vì vậy đồng thời cũng gây ra nhiều ngộ nhận.

Thứ nhất, việc huấn luyện thiền sinh luôn luôn tỉnh thức trong mọi hoạt động hàng ngày, từ ăn uống vệ sinh đến lao động... là điều vẫn được nhấn mạnh trong mọi loại tu viện. Đọc *Truyện Đàng Lục* và các thiền thư khác, ta thấy quả thật có rất nhiều thiền sư đã ngộ trong nhiều trường hợp đặc biệt như Trương Cửu Thành ngộ khi đi vệ sinh, Tất Đàn Hòa Thượng trọ trong lữ điểm nghe cô gái nấu đậu hũ hát mà thoát ngộ. Thủ Đoan té hổ mà ngộ, Huệ Năng gánh củi nghe kinh mà ngộ. Hương Nghiêm làm vườn mà ngộ. Nghĩa Hoài gánh nước mà ngộ... Tuy nhiên, chưa có tương chao cơ bản và sống kỹ cương khắc khổ tuyệt đối trong giới luật mà đã

học theo các sách *thời thượng* ngày nay nhu thiền trong cách sửa xe, thiền trong nghệ thuật bắn cung, thiền trong cách cắm hoa, thiền trượt tuyết, thiền chạy, thiền đi, thiền rửa bát quét nhà... thì rất sai lầm.

Học thiền trong lúc hoạt động chưa thấy bất cứ sách vở cổ xưa nào của các tổ thiền tông truyền dạy. Tuy nhiên, đối với các hành giả tham công án, thì hành giả lúc nào cũng phải sống trọn vẹn là một với công án. Như lời khuyên của một thiền sư đã có kinh nghiệm "... Hãy chuyên tâm vào chữ *Vô* này và tìm hiểu nó. Hãy chuyên tâm vào đó ngày cũng như đêm. Dù đi dù đứng, dù nằm hay ngồi. Dù khi mặc áo hay khi ăn cơm, dù khi tắm rửa hay ỉa đái, cũng chỉ chú tâm vào công án. Hãy tận lực ghi nó trong lòng, ngày này qua ngày khác cho đến tâm của quý vị nhồi được thành một khối..." (xem Công án 1).

Thiền sư Cao Phong Diệu Tổ cũng thể rằng: "Bất cứ người nào, cử công án hay tham thoại đầu mà không khởi một niệm thứ hai, trong bảy ngày liền mà không ngộ đạo, thì tôi xin chịu cắt lưỡi và dọa địa ngục đời đời."

Đó là lời khuyên của các bậc cổ đức. Thật sự chúng ta chưa hề thấy các vị cổ đức dạy tu thiền *bằng* các hành động hằng ngày bao giờ. Từ Đỗ Đạt Ma đến chư tổ đều dạy "Bình thường tâm là Đạo". Câu đó đã được minh thị nhiều lần chỉ ý "tức tâm tức Phật", có nghĩa hằng ngày chúng ta làm đủ mọi việc, nghĩ ngàn triệu ý nhưng với tâm chấp trước không biết tự tâm trong sáng đó là Phật... chưa hề thấy chư tổ dạy thiền đi bộ hay thiền trượt tuyết bao giờ.

Ngay cả Thiền với ngồi thiền cũng dường như chỉ là một mối liên hệ rất lỏng lẻo mà ta sẽ khảo sát ở phần sau cùng của bài này.

Xin nhắc lại là các kinh sách của Phật và các bộ tât tổ sư cũng luôn luôn chỉ được coi là phương tiện để dẫn dắt người tu học. Nhiệm vụ của người tu học là *phải thực hành, phải trải nghiệm, phải thực chứng* những lời chỉ dẫn đó. Ngàn vạn kinh sách đều chỉ nói và nhấn mạnh điều đó. Tiếc thay, một số người không ít, ngày nay nghe hoặc đọc một vài bài giảng hay vài quyển sách viết về thiền học đã nghĩ rằng mình *hiểu* thiền, thật là đáng thương.

Sách báo Việt ngữ đã ít, sách nghiên cứu đứng đắn lại càng khó đọc. Đọc giả bình thường lại chỉ tò mò đọc một số sách văn chương thiền, mặc dù rất thú vị đó. Nhưng qua các tài liệu đó mà hiểu về thiền (chỉ nói trên bình diện văn tự, trí thức thôi, chưa nói đến kinh nghiệm tu chứng) thì thật sai lạc.

Tóm lại, trong những sách loại đó ở thị trường quốc tế có nhiều quyển như *Thiền và nghệ thuật bản cung*, đã bán đến hàng trăm ngàn quyển. Đây là sách có giá trị, ta nên đọc, nhưng chỉ đọc như ta đang đọc *Tam Quốc Chí* hay *Thủy Hử Truyện* mà thôi. Đừng nên bắt chước một số trí thức Việt Nam, họ lâu nay chỉ có dịp đọc một số tiểu thuyết, một số bài thơ dịch ra Việt Ngữ như các bộ tiểu thuyết *Đông Chu Liệt Quốc*, *Tam Quốc Chí*, *Thủy Hử*... và gần đây là các bộ truyện kiếm hiệp của Kim Dung, mà đã nghĩ rằng mình đã biết về lịch sử, văn hóa Trung Quốc rồi vậy.

7 Một nhầm lẫn phổ biến khác là không phân biệt giữa kinh nghiệm sáng tác văn nghệ với kinh nghiệm chứng ngộ của thiền sư.

Trong quá trình sáng tác nghệ thuật của một họa sĩ, của một thi sĩ hay bất cứ một nghệ sĩ nào, ta cũng thấy quả thực một số người đã trải qua trạng thái xuất thần. Trong trạng thái này người nghệ sĩ sáng tạo đã

có những giây phút sáng khoái khác lạ. Đó là một thứ phần thưởng, một thứ thức ăn tinh thần khiến nhiều nghệ sĩ sáng tạo đã vượt qua được nhiều giới hạn của tình cảm tầm thường hay ràng buộc tục lụy của tiền bạc công danh hay sợ hãi yếu hèn...

Phương pháp thiền định của thiền giả trong giai đoạn khởi đầu cũng rất giống người nghệ sĩ trong giây phút sáng tạo, ở giây phút đó, họ quên mất bản ngã, quên mất đối tượng là công việc vẽ, viết... tất cả đồng nhất thành một...

Người viết, trong tác phẩm viết về Thiền sư thi hào Vương Duy (*Vương Duy: Chân Diện Mục*) đã có dịp viết về bài thơ của một vị trạng nguyên Việt Nam và cũng là vị tổ thứ ba của dòng Thiền Trúc Lâm Việt Nam.

... *"Hoa tại trung đình nhân tại lầu*
Phấn hương độc tọa tự vong ưu
Chủ nhân dư vật hỗn vô cạnh
Hoa hướng quần phương xuất nhất đầu.

(Hoa ở giữa sân người trên lầu
Đốt hương ngồi lặng dứt lo âu
Chủ cùng muôn vật không chi khác
Hoa bỗng nở tung một đóa hồng)

Bài thơ diễn tiến từ cảnh trí đối đãi hoa dưới sân và chủ nhân quan sát từ trên lầu, đến giai đoạn chủ nhân chợt đánh mất bản ngã để thể nhập cùng hoa... và một bông hoa nở tung. Đây là hoa? Đây là người ngắm hoa?

Trong sự trui luyện của thiền định, hành giả cũng được dạy đồng nhất chủ thể với đối tượng, tâm thần và thể xác kết lại thành một khối... chủ đích của thiền là đạt được kinh nghiệm đó và chuyển hóa toàn diện đời

sống. Người ngộ thiền là người sống trọn vẹn với kinh nghiệm đó, trái lại người nghệ sĩ sáng tạo chỉ có thể có được những sáng khoái của kinh nghiệm xuất thần *khi họ "làm công tác nghệ thuật"*. Ở đây chưa nói đến *mức độ*, đến *nội dung*, chúng ta chỉ nói về khía cạnh tâm lý và vật lý thôi thì đã thấy có sự khác biệt lớn.

Vì vậy, ta đã thấy, có những trường hợp nhờ kinh nghiệm xuất thần trong sáng tạo, đã ảnh hưởng trên đời sống, nên ta có những nhà nghệ sĩ sáng tạo có cuộc sống đẹp như thiền sư. Trong lịch sử ta đã từng gọi Vương Duy, Tô Đông Pha, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... là thiền sư là vì vậy. Trái lại, ta cũng thấy có rất nhiều nghệ sĩ rất lớn trong công tác sáng tạo, nhưng về đời sống thì vẫn có thể tệ hơn bất cứ một người bình thường nào khác.

Ở trên chúng ta vừa nói đến các nhà văn hóa làm công việc sáng tạo nghệ thuật, nhiều khi đạt được kinh nghiệm xuất thần khi sáng tạo. Kinh nghiệm này cũng rất hiếm và không dễ gì có được. Nhưng nếu đã có được thì khiến người nghệ sĩ đó rất say mê và có thể quên đi được những cảm dỗ hay khó khăn của cuộc sống vật chất trần tục. Ở thiền định cũng vậy, các thiền sư đã kể lại các kinh nghiệm thiền định trong nhiều ngữ lục. Các kinh nghiệm đó rất khó diễn tả bằng ngôn ngữ, chúng ta đang sử dụng. Tuy nhiên, ở đây ta có thể nói rằng khi các thiền sư đã có kinh nghiệm đó thì tất cả những gì gọi là dục lạc sung sướng hạnh phúc của thế gian đều không thể so sánh được. Vì vậy, với con mắt tục lụy, ta cũng đã thấy rằng các ngài hoặc là tiếp tục ẩn ở thâm sơn cùng cốc hoặc ở nơi bần cùng nhất cũng chẳng khác nhau. Các vị đó có thị hiện làm thiền sư thì cũng là để thể hiện cái tâm cứu độ của bậc bồ tát mà thôi. Còn tất cả những bậc "đạo sư" ta vẫn thường thấy, còn bị lung lạc với các giá trị trần tục thì chúng ta

cũng có thể hiểu rằng các ngài chưa chứng ngộ được “pháp lạc” nào hết.

Sự phân biệt trên không đi ngược với nhận xét rằng thiền đã gây ra những ảnh hưởng lớn trên mọi sinh hoạt khác của người Đông Phương. Sự thực thiền như một loại hương quý đã thơm ngát, đã tỏa ngát cùng khắp bầu trời Đông Phương. Ta thấy thiền đã thể hiện trong chiều dài lịch sử cũng như trong cùng khắp các sinh hoạt của người Việt Nam cũng như các dân tộc Đông Á khác, và cả thế giới hôm nay. Ta vẫn thấy phong cách thiền đã được thể hiện trong phong cách uống trà, trong phong cách trồng hoa làm vườn... Có thể nói từ võ thuật đến y học, trong mọi sinh hoạt thường nhật và các sinh hoạt văn học nghệ thuật, thiền đã nở hoa cùng khắp... Người ta đã *áp dụng* thiền vào mọi sinh hoạt, người ta đã *thấy* hương thiền ở mọi sinh hoạt. Nhưng từ đó, để trở nên thiền gia, vẫn phải cần những nỗ lực lớn. Từ trạng thái xuất thần của kinh nghiệm sáng tác đến kinh nghiệm liễu ngộ của thiền sư, vẫn cần phải có những nỗ lực kinh khiếp.

8 Một sai lầm khác nữa là một số phong cách hoang đường, từ cuộc sống vô trách nhiệm đến vô đạo đức của một số văn nghệ sĩ và cả những tu sĩ phá giới, thường được ngụy trang dưới cái vỏ hoa mỹ “nghệ sĩ” hay “tác phong thiền gia”. Thực tế, trong lịch sử tỉnh táo chúng ta thấy xuất hiện một vài hiện tượng như Tế Diên Tăng hay Thập Đắc Hòa Thượng... với các hành trạng kỳ ngầu. Các vị “thiền sư” của hôm nay thì thật giống các bậc đại sĩ kia về các việc ăn uống thịt rượu, và phá đủ mọi giới v.v. nhưng trừ các phép lạ thì chưa thấy các ngài tỏ lộ. Thật sự các thiền sư đã chứng đắc thì mọi hành vi ngôn ngữ của các ngài đều tự tại... Đọc hành trạng thì thấy các ngài đều luôn luôn giới hạnh để làm gương sáng cho mọi người.

Có những lúc ra ngoài khuôn khổ cũng đều chỉ là để độ người mà thôi. Thiền sư sẵn sàng chẻ tượng Phật để độ người nhưng không để sưởi ấm cho mình. Thiền sư sẵn sàng chém mèo để giáo hóa người nhưng không bao giờ cắt cổ gà để làm món nhậu cho mình... Ở phần trên, chúng ta nói rõ về Thiền và giới luật đã khá rõ.

*

* * *

Tuy nhiên, một sai lầm lớn là cho rằng học Thiền để *chấp không* và để *"tẩu hỏa nhập ma"*.

Phải nói rằng không có nhận định nào ngu xuẩn hơn và phản bội tông môn hơn.

Nói là ngu xuẩn, vì bất cứ người học Phật nào cũng phải biết giáo lý vô ngã và vô thường là xương sống của tất cả các tông môn Phật giáo. Đành rằng học thuyết Vô Ngã quá cao siêu và uyên bác. Chính các đại học giả Tây phương, những người tiên phong dịch kinh sách Phật giáo qua Anh, Pháp, Đức ngữ vì đã quá quen với quan điểm chấp nhận một linh hồn thường trực, một Thượng Đế uyên nguyên, nên đều đã thất bại trong việc diễn dịch giáo lý vô ngã và vô thường này. Chính giáo lý này mới chỉ được giải thích cặn kẽ mới đây (phần lớn do các đại sư Đông Phương diễn đạt hoặc các thể hệ thứ hai của các học giả Tây Phương chuyển dịch) qua thế giới Tây Phương.

Tiếc thay, phần lớn các lớp Phật tử ngày nay chỉ được huấn luyện để *chấp nhận* giáo lý siêu đẳng này mà không có khả năng phân tích thuyết phục bằng cả hai đường: trí thức và kinh nghiệm nội tại. Nên rất dễ sa ngã vào hai con đường, hoặc là nhìn học thuyết Vô Ngã như hư vô luận, hoặc chấp nhận lý thuyết linh hồn bất tử dưới một danh từ Phật học nào đó như "Phật tính", "tâm", "tàng thức", "chủng tử" v.v.

vũ thế ngọc / vô môn quan

Nói là phản bội sư môn. Vì có thể nói là hầu hết các tư viện Phật giáo Việt Nam (trừ Tiểu Thừa ở miền Nam) đều có nguồn gốc thiền tông. Chẳng qua là trong những thế kỷ vừa qua, trong sự khó khăn chung nghiệt ngã chung của vận nước vận người mà thiền tông biến dạng ở Việt Nam. Mặc dù Phật giáo vẫn là tôn giáo chính ở Việt Nam.

Còn câu nói “tẩu hỏa nhập ma” được “nhập cảng” từ tiểu thuyết kiếm hiệp Trung Hoa. Sự thực phải tu hành đến độ nào mới “tẩu hỏa nhập ma”. Chưa tu mà bình luận về điều đó thì không khác gì hai cậu bé con sáu tuổi chưa học đến lớp 1 mà cãi nhau về trường hợp đại học Harvard dạy giỏi hay Princeton dạy giỏi hơn. Công án 32 cho thấy người ngoại đạo vẫn có chỗ hơn ông đệ tử thị giả gần ngay bên cạnh Phật là ông Anan, cũng một phần chỉ ý này.

Ngoài những người thật sự bị mắc bệnh tâm trí, chỉ có bọn lợi dụng tín ngưỡng đóng trò “tẩu hỏa nhập ma” để trốn nợ, trốn đời hoặc lừa đời mà thôi. Đó là bọn giả tu, chứ có tu đâu mà nói tu lắm đường.

Trong chương “Thiền tông và các tông môn khác” của sách *“Thiền học và Thiền tông Việt Nam”* ta sẽ có dịp đào sâu vào triết lý tánh không hay Trung Quán Luận và Thiền học, để chúng ta trả lời rõ ràng về câu hỏi môi miệng của một số người chưa tìm hiểu căn cứ về Thiền học này. Hiện nay đã có hai bản dịch xuất sắc của hai tác phẩm viết bằng Anh ngữ đang được coi là sách tiêu chuẩn của thiền học hiện nay là bộ *Thiền Luận* của Suzuki và sách *Thiền Đạo Tu Tập* của Trương Trừng Cơ (Chang-Chen-Chi). Độc giả Việt ngữ có thể yên tâm tìm đọc hai tài liệu đứng đắn này (một số nhận định khá cá nhân của Suzuki sẽ được “hóa giải” bằng các tự truyện của các thiền sư đã được dịch trong tác phẩm của Trương Trừng Cơ). Ngoài ra, đọc

giả cũng có thể đọc các sách của Hòa Thượng Thích Thanh Từ xuất bản ở Việt Nam và đã được in lại khá đầy đủ ở quốc ngoại.

Điểm cuối cùng cần thảo luận ở đây là Thiên và Thiền Quán.

Đọc *Vô Môn Quan* hay *Bích Nham Lục*, ta thấy trong các công án thiền danh tiếng này, người đọc có vẻ thấy các thiền sư coi thường việc ngồi thiền hay thiền quán.

Người ta tìm đọc đến cả *Pháp Bảo Đàn Kinh* hay *Truyền Đăng Lục* hoặc mới đây là *Tuyệt Quán Luận*, *Huyết Mạch Luận*... người ta dường như thấy thiền chẳng “ăn nhập” gì đến việc ngồi thiền hay thiền định, thiền quán.

Ngay trong quyển kinh *Pháp Bảo Đàn Kinh*, chép hành trạng của Lục Tổ Huệ Năng, thì đã thấy Lục Tổ khẳng định về nội dung trong việc nhận lãnh tâm ấn thiền từ ngũ tổ Hoàng Mai.

“Trong lời phó chúc, Hoàng Mai không truyền gì riêng. Ngài chỉ luận về phép kiến tánh thiết yếu nhất của đạo thiền. Không luận gì về giải thoát hay thiền định.”

Ngài còn chặn đứng hẳn lối tĩnh tọa, ngồi kiết già quán tưởng:

*“Khi sống chẳng nằm,
Chết rồi nằm chẳng ngồi.
Một bộ xương thối mục,
Có gì gọi công phu”.*

Trong *Truyền Đăng Lục* cũng ghi lại cơ duyên Mã Tổ được thiền sư Nam Nhạc giác ngộ cho:

“Tại Truyền Pháp Viện, Mã Tổ ngày ngày đến đó ngồi thiền. Sư Nam Nhạc thấy hỏi:

– Đại đức ngồi thiền để làm gì?

vũ thế ngọc / vô môn quan

– Để làm Phật.

Sư bèn cầm một miếng ngói đến trước chùa ngói mài trên phiến đá. Mã Tổ thấy lạ hỏi:

– Sư mài ngói để làm gì?

– Để làm gương.

– Mài ngói sao thành gương được?

Sư đáp:

– Còn ngói thiên há thành Phật được sao?

Mã Tổ hỏi:

– Vậy phải làm sao?

Sư đáp:

– Ví như người đánh xe bò, xe không chạy, nên đánh vào xe? Hay đánh vào bò?

Mã không đáp gì được.

Sư nói tiếp:

– Ông học ngói thiên? Hay học ngói Phật? Nếu học ngói Thiên thì Thiên không phải việc nằm ngói. Nếu học Phật thì Phật không có hình tướng nhất định, ở nơi pháp vô trụ chẳng giữ chẳng bỏ. Ông học ngói Phật tức giết Phật; bằng chấp vào tướng ngói, thì chẳng đạt lý.”

Người đọc Công Ấn Thiền thấy kể lại các cơ duyên ngộ đạo của các thiền sư. Có nhiều trường hợp rất kỳ lạ độc đáo. Nhưng hiếm có trường hợp kể các ngài ngói thiên mà ngộ đạo. Trái lại, người đọc sơ cơ lại dường như thể nhiều trường hợp các ngài quả khách ngói thiên. Đôi lúc ta lại có cảm giác ngói thiên còn dễ mang đến cho thiền giả nhiều tri thức hơn là giác ngộ. Như trường hợp ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng chỉ điểm cho Mã Tổ Đạo Nhất, hay bài kệ của Lục Tổ ở trên.

Có thể vì lẽ đó mà một số “thiền sư giả” khẩu-đầu-thiền, là những kẻ lừa dối hoang đường vẫn vin vào có này để tự do phóng đảng, chêm chế cho hành động của mình và còn chê cười những gì gọi là công phu, kỷ luật.

Nhưng thật ra, đọc kỹ các tư truyện của các thiền sư và quan sát sự tham học của họ, ta thấy thiền tọa luôn luôn là bài học cơ bản. Để thấy rõ hơn ta hãy theo dõi cơ duyên của thầy Trí Hoàng theo pháp Bảo Đàn Kinh. Đọc qua ta chỉ thấy thiền sư Huyền Sách, đệ tử của Lục Tổ, chê lối ngồi thiền của Trí Hoàng. Nhưng người đọc kỹ hơn sẽ thấy chủ đích của thiền chỉ là đánh đổ cái quan điểm ngồi thiền thịnh hành trước thời Thiền truyền bá. Đây là quan điểm *mặc-chiếu-thiền*. Tức là ngồi thiền một cách vô ký, thụ động, gọi là *Vô tâm, Vô niệm*.

“Trí Hoàng chuyên học ngồi Thiền dưới thời Ngũ Tổ. Sau hai mươi năm ngồi tịnh trong am, ông tự coi như đạt được chánh định. Học trò của Lục Tổ Huệ Năng là Huyền Sách nhân du phương đến Hà Sóc nghe tiếng đồn tìm đến thảo am, hỏi:

– Ông ngồi làm gì đây?

– Nhập định.

Huyền Sách hỏi tiếp:

– Ông nhập định, như vậy hữu tâm mà nhập (có ý thức khi nhập định) hay vô tâm mà nhập (không có ý thức khi nhập định). Nếu là vô tâm nhập định thì tất cả thế giới vô tình như cỏ cây ngói gạch đều có thể nhập định hết. Bằng hữu tâm mà nhập thì mọi giống hữu hình, hàm linh, có ý thức, đều cũng định được.

– Trong khi tôi nhập định thì không biết là hữu tâm hoặc vô tâm.

– Nếu ông không biết là hữu tâm hoặc vô tâm thì

vô thế ngọc / vô môn quan

lúc nào cũng là định, sao còn nói “xuất nhập”. Nếu có xuất nhập thì chẳng phải là đại định.

Trí Hoàng không đáp, giây lâu hỏi:

– Thầy của ông là ai?

– Thầy của tôi là Lục Tổ ở Tào Khê.

– Lục Tổ dạy thế nào về thiền định?

– Thầy tôi nói rằng Thiền vốn lặng im mà huyền diệu, vắng lặng mà tròn đầy, thể và dụng đều như như, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn. Thiền tánh không có chỗ trụ, chớ trụ ở chỗ vắng lặng của Thiền. Thiền tánh chẳng sanh, chớ đắm nghĩ về sự sanh diệt của Thiền. Tâm như hư không, nhưng đừng có suy lường về hư không.

Trí Hoàng nghe vậy liền đến yết kiến Lục Tổ Huệ Năng. Tổ hỏi:

– Ông là ai?

Trí Hoàng trình rõ mọi việc. Tổ nói:

– Đúng như Huyền Sách nói, ông cứ để tâm ông tự nhiên như hư không, mà vẫn không một kiến giải nào về cái hư không ấy, thì tâm sẽ ứng dụng tự do, không vướng mắc, dầu làm gì, động hay tĩnh, vẫn là vô tâm, và đó là lúc phàm hay thánh đều quên hết, chủ và khách đều dứt trọn, tánh và tướng đều như như, tức là không lúc nào chẳng là định vậy”.

Khi thiền sư ngồi thiền thì họ không gạn đục khơi trong, trừ diệt tất cả vọng động để tìm đến vô tâm (mindlessness), vô niệm (no-thought) như “các bộ xương khô” của mặc-chiếu-thiền. Thiền định trong động là một thế giới sống động (mindfulness) và chủ động (thoughtfulness). Nếu thiền định của vô tâm vô

niệm là thế giới đen tối chết chóc, là thế giới ngoan không, hư vô (nihilist) và tĩnh lặng (quietist), thì thiền ở đây là thế giới đầy màu sắc, đầy sinh động “giống như” thế giới sai biệt vô thường này, nhưng khác rằng ở đó hành giả luôn luôn chủ động, luôn luôn thức tỉnh trong từng hơi thở.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh có hai bài kệ chỉ rõ rệt quan điểm mặc-chiếu-thiền của các loại tọa thiền dứt lặng và lối tọa thiền sinh động của thiền. Bài thứ nhất của ông đạo Ngọa Luân:

*Ngọa luân hữu kỷ lương
Năng đoạn bách tư tưởng
Đối cảnh tâm bất khởi
Bồ đề thường nhật trường.*

*(Ngọa Luân có đại công
Tư tưởng thấy dứt lặng
Đối cảnh tâm không sanh
Bồ đề ngày lớn mạnh).*

Bài thứ hai của Lục Tổ Huệ Năng:

*Huệ Năng một kỷ lương
Bất đoạn bách tư tưởng
Đối cảnh tâm sở khởi
Bồ đề tác ma trường*

*(Huệ Năng không công dụng
Chẳng cắt hết tư tưởng
Đối cảnh tâm cứ sinh
Bồ đề nào tăng trưởng)*

vui thế ngọc/vô môn quan

Tóm lại đã có rất nhiều ngộ nhận về thiền. Tất cả những trình bày ở trên là ghi lại những điểm ngộ nhận căn bản thường thấy. Tất cả những trình bày, đối chiếu vừa qua, đều dựa trên kinh sách của các bậc cổ đức. Riêng những điểm nhầm lẫn, nếu có, là vì sự u tối của riêng người viết.

Hy vọng là chúng ta sẽ có dịp trở lại các đề tài trên trong một phạm vi rộng hơn, sâu hơn ở tác phẩm *Thiền học và Thiền tông Việt Nam* sẽ được giới thiệu nay mai.

*

* *

Cuối cùng người viết cũng xin nhắc lại một lời của Đức Phật mà hầu hết chúng ta đều nhớ: Đó là lời Phật nói chính những lời giáo huấn của Ngài cũng chỉ như ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi. Đó cũng là lời thiền sư Quy Sơn nói với Hương Nghiêm: “Dù ta có nói gì đi nữa đó cũng không phải là lời của anh.” (*Công án 5*)

Mục tiêu duy nhất của tất cả những người học Phật, học Thiền là tự lên đường, tự chứng nghiệm. Tất cả những ngữ ngôn của các bậc cổ đức cũng chỉ được coi là phương tiện, hướng hổ gì những lời cuồng si của một kẻ hậu học đầy mộng mị là người viết này.

Trân trọng

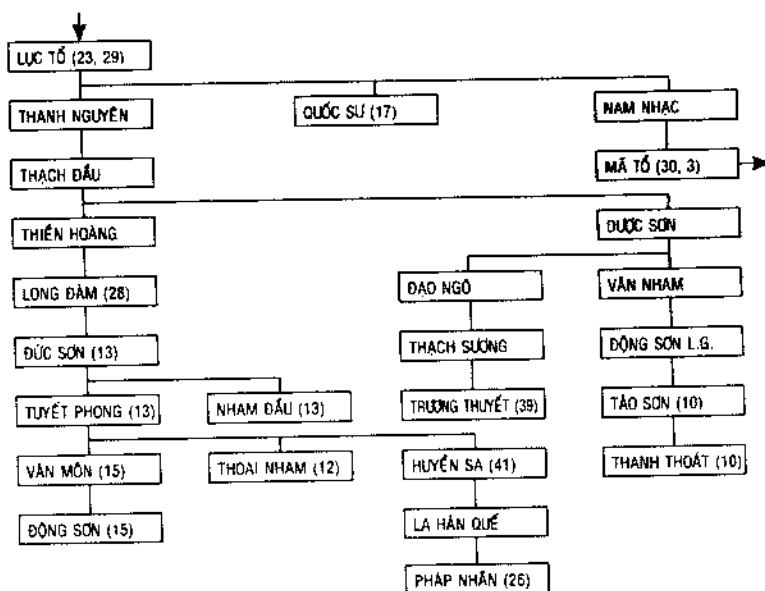
Đồng Kinh Nhật Bản

tiết Sương Giáng mùa Đông 1989,

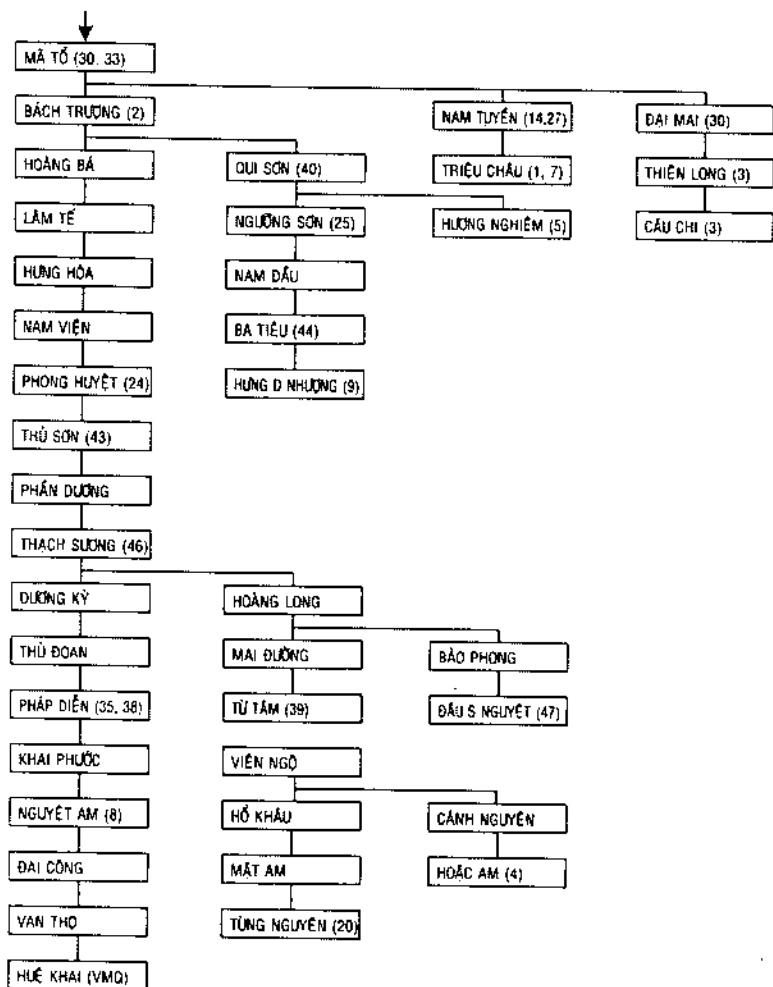
San Jose. Mùa Xuân 1990

Vũ Thế Ngọc

Phổ hệ các thiền sư xuất hiện trong các công án* của vô môn quan



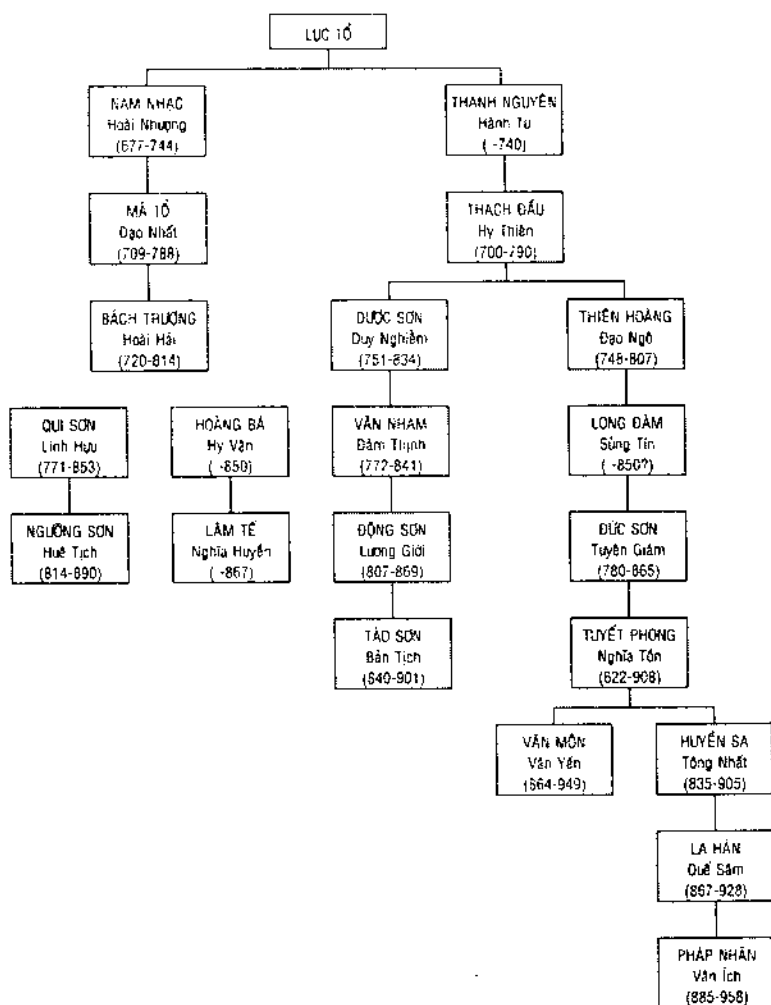
vô thế ngọc / vô môn quan



Để thuận tiện tham chiếu, chúng tôi ghi số thứ tự của Công án nằm trong ngoặc ().

vũ thế ngược/vô môn quan

Năm thiên phái



QUI NGƯỞNG
TỔNG

LÂM TẾ
TỔNG

TẢO ĐÔNG
TỔNG

VĂN MÔN
TỔNG

PHÁP NHÃN
TỔNG

vũ thế ngọc / vô môn quan

Tác giả và tác phẩm

Thiền sư Vô Môn (1183-1260) pháp danh Huệ Khai, là đệ tử đời thứ tám của chi phái Dương Kỳ, dòng Thiền Lâm Tế. Ngài sống trong thời cực thịnh cuối cùng của Thiền học và cũng là vào giai đoạn huy hoàng nhất của nhà Tống. **Truyện Đăng Lục** cho biết sư là đệ tử của Thiền sư Nguyệt Lâm Sùng Quán ở chùa Vạn Thọ. Sau khi thụ giới, sư được thầy cho tham công án chữ Vô, suốt sáu năm công phu vẫn chưa khai thông. Cuối cùng quá phần chí, sư thể rằng không ngủ cho đến khi nào linh hội mới thôi. Sư tập trung thiền quán cho đến khi quá buồn ngủ mới đứng dậy kinh hành ngoài thềm, rồi đứng tựa cột, khi đó chợt nghe thấy tiếng trống ngọ đánh, sư bất giác thấu ngộ. Sư mừng rỡ chạy tìm thầy. Thiền sư Nguyệt Lâm vừa trông thấy liền hỏi. Sư không trả lời mà quát lên một tiếng. Nguyệt Lâm Hòa Thượng cũng quát lên một tiếng.

Sư ứng khẩu đọc bài kệ hai mươi chữ “không” nổi tiếng:

vô vô vô vô vô
vô vô vô vô vô
vô vô vô vô vô
vô vô vô vô vô

vô thế ngọc / vô môn quan

và sau đó giải bày bằng bài kệ:

*Thanh thiên bạch nhật nhất thanh lời
Đại đa quần sinh nhân hoát khai
Vạn tượng sum la tế kế thủ.
Tu di bột khiêu vũ tam đài*

*(Trời quang mây tạnh sấm vang lòng
Chúng sinh khắp đất mắt mở tung
Vạn vật muôn nơi đầu cúi lễ
Núi Tu Di cũng nhảy tưng bừng)*

Trong bài tựa sách *Vô Môn Quan* cho biết Vô Môn đã dùng 48 công án trong tập này để dạy chúng khi ngài làm thủ chúng ở Long Tường vào năm 1228. Năm sau sách được khắc in và trong dịp này ngài cũng để tặng sách *Vô Môn Quan* cho vua Tống Lý Tông nhân dịp kỷ niệm bốn năm đăng vị của ông.

Sách *Vô Môn Quan* gồm 48 tác. đây là 48 công án, hầu hết là được tuyển từ *Truyền Đăng Lục*. Vô Môn viết thêm phần *binh* bằng văn xuôi và kết luận với phần *tụng* bằng văn vần. Văn pháp giản dị nhưng từ lý rất sâu sắc.

Cùng với *Bích Nham Lục*, *Vô Môn Quan* là hai khóa bằng thiền quan trọng nhất của Thiền tông. Từ nhiều thế kỷ nay, hai tác phẩm này đã song hành làm thành các bài giảng ở các thiền viện trên khắp thế giới. Riêng sách *Vô Môn Quan*, đã được dịch ra hầu hết các ngôn ngữ chính. Hiện nay đã có đến 10 bản dịch Anh ngữ *Vô Môn Quan* khác nhau, vẫn được tiếp tục tái bản thường xuyên.

Trong lần in này, ngoài 48 công án danh tiếng của *Vô Môn Quan*, chúng tôi còn thêm vào phần luận giải cho mỗi công án. Phần luận giải này giống như lời giảng

thuyết của các Thiền sư ngày xưa, khi các ngài giảng giải về Công án cho các thiền sinh. Việc thêm phần luận giải này vừa cần thiết, vừa thêm phần linh hoạt và lý thú cho người đọc. Tuy nhiên, Vũ Quân, người viết phần giảng thuyết này (cũng là người dịch chú và chủ biên toàn bộ sách) đã chỉ viết luận giải cho 10 công án đầu. Sự thận trọng và tự chế của Vũ Quân cũng là một thí dụ điển hình chung của truyền thống văn tự thiền học: Tất cả mọi hình thức văn tự chữ nghĩa luôn luôn chỉ được coi là một phương tiện cần phải vượt qua.

Vô môn quan

TỰA CỦA VÔ MÔN

Phật dạy lấy tâm làm gốc, không-của làm của pháp. Đã không của, làm sao qua? Há chẳng nghe: "Theo của mà vào thì không phải là đồ quý báu. Do duyên mà có, rồi thủy chung cũng có thành có bại." Nói như vậy thiệt chẳng khác như không gió mà nổi sóng, thịt lành mà nổi độc. Huống chi chấp vào lời vào văn mà mong tìm lý giải, thì như quơ gậy đập trăng, gãi ngứa ngoài giấy. Có ăn nhằm chi?

Huê khai tôi vào năm Thiệu Định, mùa hạ năm Mậu Tý làm thủ chúng ở chùa Long Tường, huyện Đông Gia; nhân vì học chúng tham hỏi, nên lấy công án của người xưa mượn làm viên ngói gõ cửa. Tùy căn cơ của người học mà dẫn dắt. Sao lục mãi ngẫu nhiên mà thành tập. Mới đầu chưa có thứ tự trước sau, nay gôm lại thành 48 bài gọi chung là *Vô Môn Quan*.

Nếu có kẻ hảo hán, không màng nguy vong, một dao vào thẳng thì Na Tra tám tay cũng không cản nổi, cho đến Tây Thiên hăm tám, Đông Độ sáu tổ cũng chỉ nghiêng mình xin tha mạng. Còn nếu chần chờ, khác gì nhìn ngựa qua sông, vừa chớp mắt việc đã qua rồi.

1. ĐỀ NHẤT TẮC TRIỆU CHÂU CẦU TỬ (Con chó của Triệu Châu)

CỬ:

Nhân có một thầy tăng hỏi:

– Con chó có Phật tính hay không?

Hòa thượng Triệu Châu đáp:

– Không.

BÌNH:

Tham thiền tu thấu cửa Tổ, diệu ngộ cần cùng tâm tuyệt lộ. Cửa Tổ không qua, đường tâm không dứt thì tất cả chỉ như linh tinh vật vuồng cỏ cây.

Thử hỏi thế nào là cửa Tổ? Chỉ một chữ không, đó là cửa ấy. Nên gọi là cửa-không-cửa của nhà Thiền vậy. Qua được cửa đó thì không những thấy được Triệu Châu mà còn với các bậc tổ xưa nắm tay chung bước. Thâm sâu giao kết, cũng mắt thấy, cũng tai nghe. Há chẳng thích sao? Há chẳng muốn qua cửa ấy sao?

Tận dụng ba trăm sáu mươi đốt xương, tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, thâm tâm kết thành một mối nghi, tham một chữ KHÔNG, ngày đêm nghiêng ngả. Chẳng nghi không trong nghĩa “không”, nghĩa “có”!! Như nuốt phải hòn sắt nóng, nhỏ không ra. Bỏ hết tất cả những tri giác tệ hại trước kia. Lâu ngày thuần thực, tự

vui thê ngọc / vui môn quan

nhiên trong ngoài trở thành một khối. Như kẻ cầm nằm mộng chỉ mình mình biết. Bỗng nhiên bộc phát nghiêng trời vô đất. Như đoạt được đại đao của Quan Vân Trường, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ. Tự tại giữa bờ sinh tử, dong chơi trong lục đạo luân hồi.

Thủ hồi làm sao chùi mài nghiêng ngả? Hãy dùng hết khí lực vào chữ KHÔNG đó. Nếu không gián đoạn, giống như đuốc Pháp, vừa châm đã cháy.

TỤNG:

*Chó cùng Phật tính
Chân lý tuyệt cùng
Nói có nói không
Táng thân mất mạng.*

LUẬN:

Triệu Châu nguyên là tên đất Triệu Châu ở miền Bắc Trung Hoa, phía nam vùng đó có Quan Âm viện do thiền sư Tùng Thắm làm viện chủ. Cho nên từ đó người ta gọi thiền sư Tùng Thắm là Triệu Châu hay Triệu Châu Tùng Thắm.

Thiền sư Triệu Châu (778-897) là một thiền sư lẫy lừng vào bậc nhất trong rừng Thiền và sống đến 120 tuổi. Ngài họ Hác, người Tào Châu, đắc pháp với thiền sư Nam Tuyền ở Nhữ Dương. Nam Tuyền là một đệ tử lẫy lừng của ngài Mã Tổ, mất khi Triệu Châu năm mươi bảy tuổi. Pháp nạn Vũ Đế xảy ra năm 847 khi ngài sáu mươi tuổi. Thiền sư Lâm Tế, tổ dòng Lâm Tế, mất (867) vào năm Triệu Châu chín mươi tuổi. Thiền sư Nguồng Sơn Huệ Tịch, tổ dòng Quy Nguồng, mất (890) vào năm Triệu Châu một trăm mười ba tuổi. Những chi tiết đó cho thấy ngài sống trong một giai đoạn thịnh phát nhất của Thiền Tông và là một thiền sư lẫy lừng xuất chúng với nhiều thiền thoại còn truyền tụng.

vũ thế ngục/vô môn quan

Triệu Châu xuất gia từ nhỏ, sau đến Nhữ Dương học pháp với thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên. Lần đầu gặp thấy, sư mới là chú tiểu nhỏ. Tổ Nam Tuyền đang bệnh nằm trên giường hỏi:

– Người ở đâu tới?

Sư thưa:

– Chùa Thụy Tượng.

Tổ hỏi:

– Người vẫn thấy “Bức tượng quý” (thụy tượng) đó chứ?

Sư thưa:

– Không thấy tượng quý nào hết, chỉ thấy Phật Như Lai nằm.

Tổ ngồi dậy hỏi:

– Người là sa di có chủ hay không có chủ?

Sư thưa:

– Là Sa Di có chủ.

Tổ hỏi:

– Chủ ở nơi nào?

Sư bước lại gần tổ bái lạy và thưa:

– Giữa mùa đông, thời tiết thật lạnh, con xin thấy tôn thể vạn phúc.

Tổ Nam Tuyền biết là bậc pháp khí nên cho sư ở lại học tập. Và trở nên một đệ tử thân cận và lỗi lạc nhất. Sách *Truyền Đăng Lục* có ghi lại hai kỳ duyên ngộ đạo của Triệu Châu với thấy như sau:

Triệu Châu hỏi Nam Tuyền:

– Đạo là gì?

Nam Tuyền đáp:

– Bình thường tâm là đạo.

Sư hỏi:

– Có cách nào để đến được đạo?

Nam Tuyền đáp:

– Hỏi thì đã sai (táng hướng tức quai).

Sư vẫn chưa hội mà vẫn hỏi làm sao để hiểu được đạo. Bấy giờ Thiền sư Nam Tuyền mới nói:

– Đạo không ở phần biết hay không biết. Theo biết thì chỉ có vọng kiến, không biết thì là vô tri. Nếu đạt được cái chân thật của đạo thì chẳng còn mây may nghi ngờ chi nữa, giống như thái hư bao la hư khoáng. Làm sao còn có thể khởi được cái tâm thị phi phải trái nữa.

Sư nghe rồi ngộ ngay.

Một dịp khác, sư hỏi thầy:

– Đã thấy *cái đó* thì người ta đi về đâu?

Nam Tuyền nói:

– Xuống núi làm trâu cày.

Sư nói:

– Bái tạ lời chỉ dạy của thầy.

Nam Tuyền khen:

– Tạc dạ tam canh nguyệt lại song.

Khi Thiền sư Nam Tuyền mất, lúc đó sư năm mươi bảy tuổi. Triệu Châu ở lại sơn môn thêm 4 năm nữa rồi bắt đầu đi chiêm bái khắp nơi với lời nguyện: “Nếu có đứa trẻ bảy tuổi mà có điều sở đắc hơn sơn tăng này thì lão xin nguyện theo học. Nếu có vị trăm tuổi mà sơn

tăng này có gì sở đắc hơn lão cũng xin nguyên giao truyền.” Ngài tiếp tục đi chiêm bái và tìm học cho đến năm tám mươi tuổi mới chịu trụ sơn, làm viện chủ Quan Âm viện, thu nhận đệ tử.

Triệu Châu Cầu Tử (con chó ngài Triệu Châu) là một công án danh tiếng nhất, trực tiếp nhất và đơn giản nhất. Từ xưa, các bậc cổ đức đều đã giảng giải nhiều lần.

Thiền Quang Sách Tấn của Thiền sư Chu Hoàng đòi nhà Tống bình rằng: “Chư vị hãy chuyên tâm vào chữ Vô này và cố tìm hiểu ý nghĩa của nó. Hãy chuyên tâm vào cả ngày và đêm, dù đi dù đứng dù nằm dù ngồi trong suốt 12 thời. Dù cả khi ăn cơm, mặc áo, đại tiện tiểu tiện, hãy chú tâm nhất định nơi công án. Hãy tận lực ghi nhớ mãi trong lòng. Ngày qua tháng qua, cho đến khi tâm của chư vị nhồi thành một khối, thì tâm hoa tự nhiên bùng nổ: tỏ ngộ được cái tâm cơ của chư vị Phật, chư tổ...”

Thiền sư Đại Huệ, một vị nổi tiếng là Đại luận sư về công án của thế kỷ XII cũng đã nói: “Hãy vứt bỏ tất cả những thói quen suy luận, phân tích, biện biệt, phải về ra trước mắt và hai chữ sống chết và khẳng khẳng chú tâm vào công án. Nghĩ đến nó ngày đêm, dù đang làm bất cứ chuyện gì. Hãy chú tâm vào chữ Vô đó, nhìn xem cái gì nằm trong đó. Đến lúc tâm đã định ngài sẽ thấy công án chẳng có mùi vị gì hết, nghĩa là chẳng có đường lối phân biệt nào thâm dò nó.

Nhưng cùng lúc đó, các ngài có thể thấy hoan lạc xâm chiếm trong lòng. Nhưng liền sau đó cảm giác bất an xâm nhập. Đừng để cảm giác này hay tất cả mọi cảm xúc nào khác, tiếp tục tiến tới công án...”

Thiền sư Không Cốc Thanh Long cũng đã từng bình luận về công án này: “Cái Vô của Triệu Châu, trước khi

các ngài thấu triệt ý nghĩa của nó, thì nó như một dây núi bạc, như bức tường sắt. Nhưng khi các thầy tiến tới cái Vô này qua ngày khác, bước vào lòng của nó, dùng để một giây khắc ngừng nghỉ thì thời cơ tối tượng sẽ đến, như cơn lụt tràn ngập. Rồi các thầy sẽ thấy núi bạc, tường sắt chỉ có gì đáng sợ. Điều quan trọng là đừng tin ở cái sở tri mà để tâm trí vào việc giải quyết sinh tử. Đừng phí thời giờ ngồi không suy tưởng về cái Vô, hãy *như* một tên si ngốc, đừng giải quyết bằng lý trí phân biệt, phân tích. Hãy kiên quyết để hết tâm trí mà hiểu cái **Vô**, rồi đột nhiên khi các ngài buông tay, toàn thể tâm thức đảo ngược và tất nhiên các ngài sẽ nhận thấy vô cùng minh bạch nơi chốn tận cùng của nó".

Trọng tâm của công án ở đây không phải là vấn đề con chó có Phật tính hay không có Phật tính. Ông sư hỏi câu đó chắc chắn đã đọc kinh Phật. Và trong kinh đều có nói mọi chúng sinh đều có Phật tính, không những con chó có Phật tính mà đến con dơi con bọ, con sán lải con vi trùng trong thân thể con chó kia cũng có Phật tính...

Thiền sư trả lời "không".

Câu trả lời "không" như một tiếng sét đánh tan tất cả thành tựu tri thức của ông sư. Đẩy người hỏi đến một trạng thái tiêu tán tê liệt tất cả ngôn ngữ, ý niệm... để đối diện với cửa ngõ biên giới vô phân biệt.

Nếu người hỏi đã đủ kinh nghiệm trui rèn thì tiếng "không" này sẽ giúp người hỏi bước qua cửa lớn vô môn.

Vì vậy Thiền sư Vô Môn mới bàn rằng:

Muốn lọt qua cửa tổ, điệu ngộ phải chặt đứt tâm lộ... vận dụng tâm thân thành một mối nghi, đêm ngày nghiền ngẫm không này chẳng là không không có...

bỏ hết kinh nghiệm trí hu trong ngoài thành một khối... một dao dương ra chặt đứt tất cả vọng tưởng. Dù đó là Phật, là tổ... chỉ khi đó mới thật sự tự tại giữa dòng sinh tử, dong chơi trong lục đạo luân hồi.

Phiến não nhân, đọc hết công án, vẫn chỉ thấy toàn là ngôn từ... ôi thôi. Tâm vừa động, sáu cửa luân hồi đã mở.

Than ôi.

Thì thôi hãy đọc tiếp Triệu Châu Ngũ Lục để thưởng thức một chút dư hương.

Một ông sư hỏi Thiền sư Triệu Châu:

– Con chó có Phật tính hay không?

Thiền sư đáp:

– Không.

– Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tại sao con chó lại không có?

– Bởi vì nó vô minh và chấp trước.

Một văn đáp khác:

Một ông sư hỏi Thiền sư Triệu Châu:

– Con có chó Phật tính hay không?

* **Tâm Ấn.** Danh từ được dùng nhiều ở các sách Phật học Việt Nam nhưng ít khi được giải nghĩa. Tâm Ấn (dấu in vào tâm) được hiểu lầm như là sự truyền thừa của Thiền Tông bằng cách truyền thụ pháp môn bí mật từ thầy qua trò. Thật sự ở đây chỉ sự thành tựu kinh nghiệm giác ngộ của một người (học trò) được sự kiểm chứng bởi

Thiền sư đáp:

– Có.

– Có Phật tính, tại sao nó còn mang thân xác dơ dáy đó.

– Chẳng dám ấy thôi.

một vị khác đã ngộ (thấy). Kinh nghiệm này chân thật và vì vậy thật giống như nhau, vì như các dấu ấn cùng do một con dấu đóng ra, có thể do đó mà kiểm soát sự thành tựu của người ngộ đạo. Trái lại người ngộ đạo rồi vẫn cần phải đi tìm một vị thầy để ấn chứng (kiểm soát) lại kinh nghiệm của mình. Đó là trường hợp thiền sư Huyền Sách tìm đến Lục Tổ.

vị thế ngọc / vô môn quan

2. ĐỀ NHỊ TẮC

BÁCH TRƯỞNG DÃ HỒ

(Con chồn hoang của Bách Trưởng)

CỬ:

Mỗi khi Hòa thượng Bách Trưởng giảng pháp, thường có một lão già theo lẫn chúng tăng vào nghe pháp. Chúng tăng lui, lão cũng lui. Một hôm không lui.

Sư bèn hỏi:

– Người đứng trước điện là ai đó?

Lão già thưa:

– Thưa tôi thật chẳng là người. Thời cổ Phật Ca Diếp xa xưa, tôi trụ núi này. Nhân có học tăng hỏi: “Bậc đại tu hành, còn rơi vào nhân quả không?” Tôi trả lời: “Không rơi vào nhân quả”, nên bị sinh vào thân chồn hoang năm trăm kiếp. Nay thỉnh hòa thượng cho tôi một lời chuyển ngữ để thoát kiếp chồn hoang này.

Thưa xong, lão hỏi:

– Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả hay không?

Sư đáp:

– Không mê lầm nhân quả (bất muội nhân quả).

Vừa nghe lời đáp, lão già đại ngộ, sụp lạy nói:

– Tôi đã thoát kiếp chồn hoang, thân còn tại sau núi. Dám xin hòa thượng xếp đặt theo lệ tăng chết.

Sư bảo thấy Duy Na bạch cùng đại chúng: Ăn xong sẽ làm lễ táng tăng. Tất cả tăng chúng đều bàn tán "Mọi người đều an lành, Niết Bàn Đường cũng không có ai bệnh. Tại sao có chuyện đó?"

Sau bữa ăn, chỉ thấy sư dẫn chúng tăng ra cái hang sau núi. Dùng trượng khêu ra một xác chôn hoang rồi đem hỏa táng.

Đến tối, sư thượng đường kể lại chuyện cho mọi người nghe. Hoàng Bá nhân đó hỏi:

– Cổ nhân vì đáp sai một lời chuyển ngữ, bị dọa đầy năm trăm kiếp chôn hoang. Nếu như câu nào cũng đáp không sai thì sao?

Sư nói:

– Lại gần đây ta nói cho nghe.

Hoàng Bá lại gần, tát sư một bạt tai. Sư vỗ tay cười nói:

– Tưởng rằng lão Hồ đồ râu, ai ngờ lại có lão Hồ râu đỏ.

BÌNH:

Chẳng rơi vào nhân quả, tại sao lại dọa kiếp chôn hoang? Chẳng mê lầm nhân quả, sao lại thoát kiếp chôn hoang? Nếu chớp mắt thấy liền chỗ đó thì hiểu được Bách Trượng xưa mà thành thang nhận năm trăm kiếp phong lưu.

TỤNG:

*Chẳng rơi chẳng mê
Thiên tài nhất thi
Chẳng mê chẳng rơi
Ngàn sai vạn lỗi.*

vũ thê ngọc / vô môn quan

LUẬN:

Bách Trọng tức thiền sư Hoài Hải (720-814) là một Đại Thiền sư ở thời nhà Đường, là học trò của ngài Mã Tổ. Sư xuất gia từ nhỏ, giỏi kinh luận nổi tiếng nhưng chưa ngộ đạo lớn. Sau nghe tiếng Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất, sư tìm đến theo học suốt mười một năm trời. Bách Trọng Hoài Hải là một trong những đệ tử lấy lòng nhất của ngài Mã Tổ cùng với Nam Tuyền Phổ Nguyên, Thạch Đầu Hy Thiên, Đại Mai Pháp Thường, Tây Đường Trí Tạng...

Một hôm theo Mã Tổ đi dạo. Thấy đàn ngỗng bay trên trời, tổ hỏi:

– Gì đấy?

Sư đáp:

– Dạ thua ngỗng trời.

– Chúng bay đi đâu?

Sư đáp:

– Đã bay hết rồi.

Tổ nghe đáp liền nắm mũi sư kéo mạnh. Sư kêu đau, Tổ nói:

– Người vừa nói chuyện chúng bay hết rồi.

Sư vừa nghe hốt nhiên lĩnh ngộ.

Một lần khác, sư vào tham vấn với tổ. Tổ hét một tiếng sư hốt nhiên đại ngộ và điếc tới ba ngày.

Hai thiền thoại đó rất nổi tiếng trong thiền giới nên học trò bắt đầu tìm đến sư tham học. Sau ngài về núi Bách Trọng lập thiền đường nên đệ tử còn gọi Ngài là Thiền sư Bách Trọng.

Bách Trọng thiền sư là người nổi danh giữ giới luật và trọng lao động hơn hết. Ngài đã soạn ra bộ

luật Thanh Quy cho chùa Thiền, nên còn gọi là Bách Trượng Thanh Quy. Kể từ đời ngài sinh hoạt tu thiền ở Thiền Viện mới đổi khác các chùa Tịnh Độ. Ngày nay, người ta còn nhắc đến câu “nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực” (một ngày không làm việc, một ngày không ăn) của ngài. Nguyên là khi ngài về già, dù hơn 90 tuổi nhưng ngài vẫn giữ gìn luật thanh qui là phải làm việc. Các đệ tử ái ngại nên nghĩ ra cách giấu đồ làm vườn của ngài đi. Ngài không nói gì nhưng hôm đó không ăn. Các đệ tử hoảng sợ bèn hỏi ngài, ngài trả lời câu đó.

Hoàng Bá (? - 850) là một trong những đại đệ tử đắc pháp của Tổ Bách Trượng. Thiền sư Hoàng Bá pháp danh Hy Vận, thuở trẻ xuất gia ở chùa Kiến Phúc, cũng gọi là hoàng bá Sơn Kiến Phúc Tự vì vùng núi này mọc rất nhiều cây hoàng bá dùng để nhuộm vải. Ngài Hy Vận rất thích vùng núi này nên khi Thử sử Giang Tây, một đệ tử tại gia, xây chùa Đại An ở núi Thấu Phong cho ngài, ngài gọi ngôi thiền viện mới này là Hoàng Bá.

Khi còn theo tổ Bách Trượng tu học, một hôm tổ hỏi Hoàng Bá:

– Hôm nay người đi đâu?

Hoàng Bá thưa:

– Con đi nhật nắm ở chân núi.

Tổ hỏi:

– Người có gặp lão hổ không?

Vừa nghe, Hoàng Bá tức thì găm lên như cọp nhảy xổ vào tổ. Tổ rút búa ra chém thẳng. Hoàng Bá đồ được tay búa, tạt vào mặt tổ, cười như điên dại rồi bỏ đi thẳng.

Tối đến tổ thượng đường nói với đồ chúng:

– Tại chân núi Đại Ngu có con hổ dữ. Chúng tăng lưu ý đến hẩn. Hôm nay ta vừa mới bị hẩn cắn đó.

Ngày trước, trong thiền viện, công án Bách Trượng Dã Hồ được đưa cho các thiền nhân đã có kinh nghiệm về công án, như một bài học thứ hai về kinh nghiệm “tất cả là không” để thu về một mối “không là tất cả” và thực hiện công phu thực chứng của thiền gia đối diện với biến chứng nhân quả.

Ý niệm hay quan niệm về nhân quả là một tư tưởng cổ của nền văn hóa Ấn Độ. Tư tưởng này quan niệm rằng tất cả chúng sinh đều nằm trong một quá trình trùng trùng điệp điệp sinh tử luân hồi. Chúng sinh sinh ra, già, bệnh rồi chết (*Sinh, Lão, Bệnh, Tử*) vì là kết quả của tất cả những hành vi tốt xấu trong quá khứ và rồi sẽ mất, sẽ chết và sẽ tái sinh ra cũng vì hậu quả của tất cả những hành vi tư tưởng của chính mình trong kiếp này và những kiếp xa xưa.

Phật giáo chấp nhận quan niệm luân hồi trùng trùng điệp điệp này nhưng nhấn mạnh ở hai điểm: Thứ nhất, chúng sinh bị xiềng xích vào luật nhân quả vì hư vọng cho rằng có một cái ta thường hằng bất diệt. Thứ hai, quan trọng hơn hết, là chỉ có con đường Phật dạy, qua kinh nghiệm của chính ngài, là con đường duy nhất dứt được cái xiềng xích đó mà đạt đại đạo chúng quả bồ đề, thoát vòng sinh tử luân hồi với hai chủ điểm quan yếu nhất là triết lý Vô Ngã và Vô Thường.

Bởi vậy người chúng ngộ tự tại ngoài vòng sinh tử luân hồi. Trong khi nhân quả luân hồi vẫn biểu hiện, vẫn là luật tuyệt đối cho tất cả.

Khảng định bậc đại tu hành không còn mắc phải luân hồi nhân quả là việc cường sự đoạt lý. Vì khi tâm

đã tự trôi vào đối đãi của thế giới nhị nguyên thì chẳng thể loại trừ luật nhân quả chi phối.

Bởi vậy Thiền sư Bách Trượng mới trả lời: “Bất muội nhân quả”, có nghĩa rằng bậc đại tu hành thì hiểu rõ luật nhân quả, người tu hành tới nơi tới chốn thì không mờ (bất muội), không sai lầm, không mê lầm, không bị che mờ, không bị chi phối bởi ảo ảnh, không còn nhầm lẫn chấp vào cái có (có luân hồi) cùng cái không (không vướng mắc). Khi đó người tu hành đã đạt đến cảnh giới vô phân biệt chủ / khách, ta / người, trong / ngoài thì tự tại, không vướng mắc. Không còn cái ngã để gây duyên, không có nhân duyên thì quả cũng không còn...

Vì vậy, nếu tâm còn sai biệt thì dù tu hành trăm kiếp vẫn là thân hồ ly. Nếu tâm không phân biệt thì chẳng còn ai là Bách Trượng ai là hồ ly nữa.

Hoàng Bá bước ra đặt một vấn đề khác: “Người xưa vì đáp sai một lời chuyển ngữ mà dọa năm trăm kiếp chốn hoang. Giả sử như câu nào cũng không đáp sai thì sao? (Tràng sinh hoạt thiền viện xa xưa thì đây gọi là “xung trận” trong những dịp Đại Tham giữa Thiền sư và tăng chúng.) Hoàng Bá vác dao ra trận, trận ở đây là trận chiến thử thách trình độ tâm linh, sự đưa ra một vấn nạn mới. Ở đây việc trả lời, bất cứ cách trả lời nào cũng đều chỉ có giá trị ở thế giới đối đãi, ở thế giới nhị nguyên...

Lẽ dĩ nhiên tổ Bách Trượng hiểu được điều đó, ngài thấy rõ nanh vuốt của con cọp rất yêu mến đó. Ngài nhân ý tuyện ý muốn thử lại lần nữa trình độ tâm linh của học trò.

– Lại gần đây ta nói cho nghe.

Hoàng Bá vừa bày trận “trả lời cách nào cũng sai”... Nay nếu Hoàng Bá tiến đến để nghe Bách Trượng trả lời thì chính Hoàng Bá rơi vào chính bẫy của mình.

Hoàng Bá bước lại thuận tay tát thấy một cái. Hoàng Bá quả là Hoàng Bá, tâm cơ nhanh như điện chớp. Hoàng Bá đã biết cái bẫy của thầy và phản ứng bằng cái tâm vô phân biệt của mình với cái tát vào chính thầy mình. Tổ Bách Trượng ẩn chứng sự tỏ ngộ của học trò bằng lời khen:

– Người quả thật là cái đó. (Tưởng tên Hồ đỏ râu hóa ra tên Hồ râu đỏ)

3. ĐỀ TAM TẮC CÂU CHI THỤ CHỈ (Ngón tay của Câu Chi)

CỬ:

Hòa thượng Câu Chi hễ có ai tham vấn, chỉ giơ một ngón tay lên. Có một chú tiểu nhân có người hỏi hòa thượng dạy pháp yếu nào, chú tiểu cũng giơ một ngón tay lên. Sư nghe được, lấy dao chặt đứt ngón tay chú tiểu, chú đau đớn la khóc bỏ chạy. Sư gọi lại, chú tiểu vừa quay đầu thì sư giơ ngón tay lên. Chú tiểu hốt nhiên lĩnh ngộ.

BÌNH:

Chỗ ngộ của Câu Chi và chú tiểu chẳng tại ở ngón tay. Nếu biết được chỗ đó thì xâu được cả Thiên Long, Câu Chi, chú tiểu và mình vào một mối.

TỤNG:

*Câu Chi đưa cột lão Thiên Long
Một nhát dao đưa chặt tiểu đồng
Cự Linh tay vẫy hao mấy sức
Đập nát Hoa Sơn thiên vạn trùng.*

LUẬN:

Hòa thượng Câu Chi khi còn chưa ngộ, tham thiền một mình ở một chân núi hẻo lánh. Một ngày kia, trời

còn đang chấp choạng những tia nắng heo hắt cuối cùng của một ngày, giữa cảnh rừng núi tịch mịch cuối thu bỗng xuất hiện một nữ tu sĩ. Vị sư ni đội mũ rộng vành che mặt, mặc áo da của người du tăng, tay chống thiền杖 tiến lại. Thay vì ngả nón cúi chào và trao đổi danh tánh, như tục lệ của mọi người. Vị nữ tu đi vòng quanh sư ba vòng rồi chống thiền杖 nói:

– Hãy nói một tiếng, ta sẽ bỏ mũ.

Đây là sự thách thức trong thiền giới. Nhằm mục đích đo lường trình độ của người đối diện. Câu Chi Hòa thượng cũng hòng bí lối, không thoát được lên lời. Vị nữ tu lại đi quanh ba vòng và lặp lại câu hỏi. Hòa thượng Câu Chi cũng không lời đối đãi. Đến lần thứ ba, vị nữ tu bỏ đi. Hòa thượng Câu Chi phủ phục kêu trời đã tối, xin lưu lại. Vị nữ tu quay lại hỏi lần cuối:

– Nói đúng một lời, ta sẽ lưu lại.

Hòa thượng vẫn không biết đáp như thế nào, vị nữ tu quay đi, biến mất vào bóng đêm. Cả đêm hôm đó Hòa thượng Câu Chi trực nhận mấy chục năm tu hành của mình chỉ là công trình mài ngói tim ngọc. Trần trọc suốt đêm, sư đã có chủ định ngay ngày mai sẽ lên đường tìm thầy hỏi đạo giác ngộ. Nhưng dường như sư nghe có người nói hãy ở lại vì sắp có dịp gặp bậc Bồ Tát thị hiện chỉ dẫn. Sư ở lại núi và suốt mấy ngày thức ngủ trộn với những kinh nghiệm sở đắc vô giá trị của mình trước câu hỏi của vị khách ni vô danh.

Quả nhiên mấy tuần sau Thiền sư Thiên Long đệ tử ngài Đại Mai, Thiền sư Đại Mai là một đệ tử đặc pháp của ngài Mã Tổ, nhân đi qua núi. Sư thưa lại đầy đủ câu chuyện kỳ lạ vừa qua và hỏi thiền sư:

– Cốt tủy của Phật đạo là gì?

Vừa nghe sư hỏi Thiền Sư Thiên Long đưa một ngón tay lên.

Câu Chi hốt nhiên ngộ đạo.

Trong công án thứ ba này ta thấy có ba đoạn. Đoạn thứ nhất nói về “Hòa Thượng Câu Chi hể có ai tham hỏi đều chỉ đưa một ngón tay lên”. Đoạn thứ hai nói về sự ngộ đạo của chú tiểu. Đoạn thứ ba nói về diệu dụng cả đời của “một ngón tay” mà Câu Chi Hòa Thượng thụ đắc từ thiền sư Thiên Long.

Giả dụ có ai hỏi – Phật là gì? Con chó có Phật tính hay không? Làm sao để giác ngộ? Chết rồi đi về đâu v.v. và v.v. Hòa thượng Câu Chi cũng đều đưa một ngón tay và chúng ta đều biết câu trả lời không ở ngón tay đó (và cũng không rời ngón tay đó). Khi Câu Chi khổ công học hỏi, tham thiền mà chỉ vì câu hỏi của vị khách vô danh mới chợt nhận ra rằng tất cả công phu của mình chỉ là mưa đổ lá môn. Sư rơi vào trạng thái tận cùng ngờ vực về trình độ tâm linh và kinh nghiệm thiền quán của mình. Và khi Thiền sư Thiên Long đưa một ngón tay, sư lập tức giác ngộ, rời bỏ đối đãi nhị nguyên trực bước vào cửa đạo. Ngón tay của Thiên Long như sét giáng bổ thẳng vào thân cây đã khô đúng độ và bật ra lửa đỏ, như cái mồi của gà mẹ vào vỏ trứng đã đúng ngày nở... Câu Chi bùng tỉnh ngộ và cái ngộ của Câu Chi đồng nhất với ngón tay. Ngón tay của Câu Chi bây giờ là sự bùng tỉnh, và trạng thái vô phân biệt thị phi đối đãi đồng nhất với cảnh giới giác ngộ.

Cho nên khi Hòa thượng Câu Chi khi sắp tịch nói rằng: “Ta thụ được của Thiên Long chỉ một ngón Thiền mà cả đời dùng không hết” là lẽ đó.

Chú tiểu ở đây và tất cả chúng ta, tất cả những người học Thiền và đang học “đọc Thiền”, “viết Thiền”... đều có một ngón tay *như* Câu Chi, nghĩa là

chúng ta có thể thao thao bất tuyệt về công án, về thiền, về tất cả các câu hỏi và các câu trả lời... Nhưng đến lúc nào đó khi "ngón tay trong ta" đã chín, nếu có một thiền sư nào vụt đi ngang cắt cụt ngón tay mà tưởng rằng đã chín đó, thì may ra ta sẽ rơi vào trạng thái giống như chú tiểu. Có nghĩa là hoang mang cùng độ vì tất cả sở ngộ, sở đắc của ta đã bị cắt cụt. Và khi ta không gì để nương tựa nữa...

Và nếu cùng lúc đó nếu thiền sư Câu Chi xuất hiện và giơ một ngón tay lên, thì cùng lúc đó ta sẽ hiểu rằng: "Chỗ ngộ của Câu Chi và của chú tiểu chẳng phải ở ngón tay".

Và tức khắc chúng ta sẽ cùng đứng chung với Thiên Long, Câu Chi và chú tiểu vậy.

4. ĐỆ TỬ TẮC HỒ TỬ VÔ TU (Gã Hồ không râu)

CỬ:

Sư Hoặc Am nói:

– Tại sao Lão Hồ ở Tây Trúc không có râu?

BÌNH:

Tu học thì phải thực sự tu học. Ngộ thì phải thực ngộ. Như lão Hồ kia, phải thật sự một lần thấy tận mắt. Nhưng nói thấy tận mắt thì hóa ra đã có hai người rồi.

TỤNG:

Đứng trước người không

Chẳng thể nói mê

Gã Hồ không râu

Cố tình càng mê.

LUẬN:

“Tây Thiên Hồ tử” ở đây chỉ Đạt Ma tổ sư từ Trời Tây (Ấn Độ Tây Trúc). Đó là lối văn ngược ngạo của Thiền giới, của thế giới căng thẳng giữa mê và ngộ, không có cái gì ở biên giới. Ở thế giới mê thì “tất cả những lời hoa mỹ nhất để xưng tán Phật hay tổ cũng đều là vọng ngữ” (Tuyệt Quán Luận). Ở thế giới vô phân

vui thế ngọc / vô môn quan

biệt của đốn ngộ thì người ta sẽ chê tượng Phật để đột lò, người ta sẽ gọi Phật là que cứt khô... vì “bản thể của pháp giới trùng trùng kia bản lai vốn trong sáng, không sạch không dơ, không đến không đi, không sống không chết...” (Huyết Mạch Luận).

Thế giới ngôn ngữ của Thiền chỉ là một ước để giả tạm, chúng ta sẽ thấy ở đó đầy những hý lộng mâu thuẫn...

Hoặc Am (1108-1179) trong tấn tuồng hý lộng này là một thiền sư ở vào thời nhà Tống, thuộc hàng đồ tôn của ngài Viên Ngộ, người đã viết soạn Bích Nham Lục. Huệ Khai, tác giả Vô Môn Quan, sinh ra thì Hoặc Am đã mất được 4 năm. Tuy vậy, cả hai đều thuộc vào thời đại huy hoàng cuối cùng của Thiền Tông Đông Độ. Trong các công án thời này, người ta vẫn còn thấy rõ truyền thống mạnh mẽ và trực tiếp của phong thái hoàng kim đó.

Ai cũng biết Đạt Ma sư tổ trong hình tượng là một người râu ria, ở đây Hoặc Am đưa ra một câu hỏi ngược ngạo:

– Tại sao Lão Hồ ở Tây Trúc không có râu?

Câu hỏi này giống như câu hỏi:

– Tại sao ngài Đạt Ma không có mũi?

hoặc:

– Tại sao anh không có miệng?

Trả lời cách nào cũng vướng mắc. Vì câu hỏi không phải ở chỗ Đạt Ma tổ sư có râu hay không có râu. Đạt Ma hồi 1 tuổi không râu không răng thì có khác Đạt Ma thời 50 tuổi râu ria hỗn độn? Ở đây không là Đạt Ma mà vẫn là Đạt Ma...

Nhà anh ở hướng nam hay hướng tây không là vấn đề. Vấn đề là anh đã rời nhà mới có vấn đề anh trở về.

Vấn đề đi đường A hay đường B vẫn không là vấn đề. Căn nhà tự nó cũng không là vấn đề, chỉ có khi anh biết là anh đang ở trong nhà của anh thì vấn đề đi về, đi tìm đường về tự nó không còn là vấn đề.

Khi anh không còn thấy sự phân biệt giữa *những* Bồ Đề Đạt Ma thì anh không còn hỏi và không còn trả lời.

Khi anh là một với lão già Hồ thì tất cả các câu hỏi có râu không râu có mũi không mũi hoàn toàn vô nghĩa.

Su Thanh Nguyên Duy Tín đã tóm tắt kinh nghiệm tu chứng của mình:

“Khi chưa tu tôi thấy núi là núi, sông là sông

Khi tu rồi tôi thấy núi không còn là núi, sông không còn là sông.

Khi ngộ rồi tôi lại thấy núi là núi, sông là sông.”

(Lão tăng tam thập niên tiền, vị tu thiên thời, kiến sơn thị sơn, kiến thủy thị thủy; cập chí tu lại thị kiến, thiên tri thúc hữu cá nhân xử kiến sơn bất thị sơn, kiến thủy bất thị thủy.

Nhi kim đắc cá thể biệt xứ, y nhiên, kiến sơn chi thị sơn, kiến thủy chi thị thủy).

Ở giai đoạn thứ nhất là thế giới đối đãi nhị nguyên. Lê dĩ nhiên ở thế giới này màu xanh là màu xanh, đỏ là đỏ, núi là núi, sông là sông...

Ở giai đoạn thứ hai của thế giới bất phân biệt của hành giả trong quá trình tu học và thí nghiệm. Ở thế giới này tất cả chỉ là tương đối (A có vì B có, A không có vì B không có v.v.) và tạm thời (ví như nhà hóa học nhìn đâu cũng chỉ thấy các cấu trúc nguyên tử...). Đó là giai đoạn mà người hành giả vừa có vẻ rơi vào cảnh giới vô phân biệt, rồi có vẻ như ở trạng thái ngờ vực tất

cả. Đó là lúc “đường như có đường như không” (*Tuyệt Quán Luận*)... lúc này núi không còn là núi, sông không còn là sông, mà đường như núi là sông, sông là núi. Người ở giai đoạn này không có chân sư dễ bị cái gọi là “tẩu hỏa nhập ma”, giống như người bệnh tâm trí.

Người ngộ thì vượt qua giai đoạn này để trở lại trạng thái “núi là núi, sông là sông”. Nhưng bây giờ từng vật, từng việc hiện hữu một cách tự tại. Người hành giả bấy giờ đồng hóa với lý vô ngã, vô thường trong từng cử động, trong từng ý niệm... một trạng thái được diễn tả như tận cùng tự do, tự tại, thuần nhiên, tố phác... và khi đó người ta sẽ nhìn thấy được chân tướng Đạt Ma mà không còn bị tất cả những hãm bẫy của ngôn ngữ, của nhận thức luận, của giới hạn về không gian và thời gian của thế giới nhị nguyên.

5. ĐỆ NGŨ TẮC

HƯƠNG NGHIÊM THƯỢNG THỤ

(Hương Nghiêm leo cây)

CỬ:

Hòa Thượng Hương Nghiêm nói:

– Khi ngồi trên cây, miệng cắn vào cây, tay không vin cành, chân không đạp gốc. Dưới cây có người hỏi “Tây Lai Ý”. Không đáp thì phụ câu hỏi. Đáp thì bỏ thân mất mạng. Vậy thì đúng lúc đó phải đối đáp ra sao?

BÌNH:

Dẫu có lời biện thuyết sâu sắc gì cũng đều vô dụng. Giảng thuyết được cả một đại tạng kinh cũng không dùng được gì. Nếu ngay lúc đó mà đối đáp được một lời thì có thể khơi dậy được con đường chết trước kia, diệt được con đường sống phía trước. Nếu không được vậy, thì đợi sau này hỏi Đức Di Lặc.

TỤNG:

*Hương Nghiêm thật vô lý,
Ác độc vô tận kỳ,
Khiến thấy tu câm miệng
Co thân giường mất quỷ.*

vũ thê ngợc / vô môn quan

LUẬN:

Hương Nghiêm thiền sư sống vào cuối đời nhà Đường. Sư xuất gia từ nhỏ, ở Tổ đình Bách Trượng. Tổ mất khi sư còn nhỏ, nên sư tiếp tục theo học với ngài Qui Sơn Linh Hựu, một trong những đại đệ tử lấy lòng của tổ Bách Trượng. Ngài Linh Hựu (771-853) là sư tổ dòng thiền Qui Nguống.

Hương Nghiêm từ nhỏ đã nổi tiếng là thần đồng. Sư giỏi kinh luận và có trí nhớ phi thường. Sư lớn lên, nức tiếng là một vị sư bác học, một học giả về Phật học... nhưng vẫn chưa ngộ.

Một lần ngài Qui Sơn gọi sư lên hỏi:

– Ta không muốn nghe anh nói về kinh điển hay về công phu thành tựu trí thức và cả công phu thiền quán của anh. Ta chỉ hỏi anh về các bản lai diện mục của anh khi anh chưa sinh ra, khi anh chưa biết đông tây ất giáp gì cả!

Hương Nghiêm vận dụng tất cả những kiến thức và kinh nghiệm của mình để trả lời. Câu trả lời nào ngài Qui Sơn cũng chỉ cười mà lắc đầu.

Cuối cùng sư vật vã xin tổ trả lời giùm. Ngài Qui Sơn chỉ nói:

– Dù ta có nói gì với anh thì câu trả lời vẫn không phải là của anh.

Sư buồn bã trở về duyệt lại tất cả các kinh sách để tìm cách trả lời. Cuối cùng vẫn không thể tìm ra được câu trả lời. Rồi nhiều ngày trăm tư thiền quán, câu hỏi vẫn hững hờ treo trước mắt... Sau cùng, sư đốt hết tất cả kinh sách và chú sớ của mình rồi khóc mà lạy thầy ra đi.

Sư xuống núi với một tấm lòng tan nát, tự nghĩ rằng

kiếp này cuối cùng thôi chỉ làm một đời du tăng hành khát, không còn tham vọng gì khác.

Sư lên đường, ghé lại đất Nam Dương, nơi có tháp mộ của Quốc sư Quốc Nhất Thiên sư (665-775) một đệ tử lớn của Lục Tổ. Sư dừng chân nơi đây và tự làm người coi tháp.

Không biết sư sống như vậy bao năm tháng. Nhưng thiên thoại chỉ cho biết rằng một ngày sư đang làm vườn và ném một viên đá vào gốc tre. Tiếng đá vang lên bất giác sư ngộ đạo. Sư vào lều thay áo, đốt hương hướng về tổ đường Qui Sơn bái lạy và thốt:

– Công đức ngài thật vô lượng. Nếu ngày đó ngài giải thích cho con thì làm sao có ngày hôm nay.

“Tây Lai Ý” ở đây là “Như Hà Tổ sư Tây Lai Ý” (ý chỉ của Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư khi bỏ Tây Trúc qua Đông Độ là gì?) Đây là một câu hỏi luôn luôn được các Thiên sư nhắc đến và cũng là một đề tài trọng yếu trong thiên học.

Thông điệp của ngài là gì?

Trên bình diện giáo lý học lịch sử. Trước khi Tổ Đạt Ma đến Trung Nguyên, thì ở đó Phật giáo đã bành trướng mạnh với hầu hết tất cả các tông phái khác nhau với các đại sư uyên bác nhất đã thay nhau xuất hiện và dịch kinh truyền đạo.

Thông điệp của ngài là gì?

Sứ mệnh lịch sử nhân loại cũng nằm trên câu hỏi đó.

Đạt Ma đã trả lời ra sao?

– Chín năm dài diện bích trên Tung Sơn trùng trùng điệp điệp tuyết trắng mây mù.

Mười lăm thế kỷ nay người ta vẫn tiếp tục hỏi câu hỏi đó với biết bao các thiền sư.

Hoài Nhượng đã hỏi Huệ An Quốc sư và bị hỏi lại là:

– Ý của anh là gì?

Ngũg Sơn đã hỏi và Quy Sơn trả lời:

– Cái lồng đèn đẹp quá.

Triệu Châu trả lời:

– Cây tùng ở trước sân.

Thạch Đầu Hi Thiên trả lời:

– Hãy hỏi cây cột đá.

Đại Mai khẳng định:

– Chẳng có ý mẹ gì hết.

Báo Minh Đạo Thành từ khước:

– Ta chưa từng đến Tây Thiên.

Thủy Lão hỏi Mã Tổ bị đập cho một đập.

Huyền Sa hỏi Tuyết Phong, Tuyết Phong lay hàng dậu.

Mã Tổ thì thách thức Bàng Uẩn uống hết nước sông Tây Giang.

....

Trong công án này Hương Nghiêm đưa ra một vấn nạn khác. Dồn bất cứ lối trả lời nào cũng thịt nát xương tan.

Công án thử thách, đòi hỏi hành giả phải vượt thoát thế giới tri thức nhị nguyên. Như cuộc đời Hương Nghiêm là cả một thách thức của một học giả trút bỏ được kiến

thức đối đãi phân biệt để, không phải là trở nên ngu dốt ù lì vô thức, mà là tiến thêm một bước vào một thế giới cao hơn, vi tế hơn, như Thiền sư Trường Sa Cảnh Sâm đã nói trong bài kệ:

*Đầu sào trăm thuốc đã ngồi yên
Thấy đạo nhưng chưa thật nhập chân
Đầu sào trăm thuốc cần tiến nữa
Mười phương thế giới hiện toàn thân.*

Giống như công án đã giả dụ: Nói thì mất mạng, không nói thì phụ người.

Đó là hai con đường của tử lộ nhị nguyên: Nói hay không nói, con đường sống là siêu việt nhị nguyên. Đó là con đường giác ngộ, thể nhập vào chân lý.

Nhưng kinh nghiệm chúng ngộ thì không phải là một vật có thể trao truyền được. Như lời tổ Quy Sơn "Ta có trả lời cho anh thế nào, thì câu trả lời đó vẫn không phải là của anh".

Kinh nghiệm đó không thể trao truyền, không thể giảng giải. Kinh nghiệm là đòi hỏi hành giả thực chứng. "Như uống nước, nóng lạnh tự biết" (*Huyết Mạch Luận*).

Tuy nhiên, điều bất-khả-tu-nghị này dễ bị lẫn với cái quan điểm "đã hồ thiên". Quan điểm này cho rằng kinh nghiệm giác ngộ hoàn toàn vượt khỏi khả năng con người. Nếu bị quan như thế ắt Phật không thị thiện mở đạo, chư tổ đã không mở thiên đường dạy chúng.

Sự thật, các vị tổ sư ngày xưa luôn luôn quán sát thiên sinh, chăm chăm như gà mẹ ấp trứng, như nhà nông trồng cây. Cây trồng cần đúng thời đúng tiết. Trồng sai mùa bỏ phân không đúng cây cũng chết. Gà mẹ đợi đúng giờ mới mổ trứng... Các bậc thầy luôn luôn là những giáo thụ thiện tri thức, nương theo duyên nghiệp

và công phu của đệ tử để trợ giúp. Huyết Mạch Luận cũng đã nói:

“Bậc sinh nhi tri, không thấy mà đắc, muôn người khó có một. Tất cả người khác đều phải có thấy để tham tu...”. Vì vậy khi thời đại thiếu vắng thiền sư thì thế giới cũng không còn những con người ngộ đạo.

Nhưng đầu tiên và cuối cùng, mục đích duy nhất của người học đạo vẫn phải là tìm thấy được chân tính của mình. Không ngộ không thiền.

Kinh nghiệm đó hoàn toàn riêng tư, là một nỗ lực sinh tử của thiền sinh. Một mình thiền sinh đối diện. Tất cả kinh nghiệm tri thức, những chỉ dạy của kinh sách chỉ là những phương tiện phải vượt qua. Chính Phật cũng đã nói tất cả lời của Ngài cũng chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng.

Bên này là sinh tử luân hồi, là trùng trùng duyên nghiệp và bên kia là kinh nghiệm giác ngộ, là con đường giải thoát...

Thấy được kinh nghiệm đó thì gọi là “khơi dậy được con đường chết, diệt được con đường sống... đứng vững với bờ sinh tử, rong chơi chốn lục đạo luân hồi...”.

Nhưng bây giờ thì bí mật “Tây Lai Ý” vẫn còn hồ hững treo trước mắt chúng ta.

Trong một dịp có một ông tăng từ Quy Sơn (thầy của Hương Nghiêm) đến, Hương Nghiêm hỏi:

– Gần đây hòa thượng có dạy lời gì?

Ông tăng đáp:

– Có người hỏi *Tây Lai Ý Chỉ*, thì hòa thượng đưa cây phát tử lên.

Hương Nghiêm hỏi:

– Các huynh đệ ở đó hiểu ý hòa thượng ra sao?

Ông tăng đáp:

– Ý của hòa thượng là tức sắc minh tâm, phụ vật hiển lý (lấy sắc để làm sáng cái ý về tâm, dùng vật để biểu lộ cái Lý của sự vật).

Hương Nghiêm nói:

– Hiểu thì hiểu liền, giải thích dài dòng vô ích.

Ông tăng liền hỏi:

– Như hà thị tổ sư Tây Như Lai Ý?

Hương Nghiêm tức thì đưa cây phất tử lên.

6. ĐỀ LỤC TẮC THẾ TÔN NIÊM HOA (Phật cầm hoa)

CỬ:

Xưa tại pháp hội Linh Sơn đức Thế Tôn cầm hoa giơ lên trước đại chúng. Bấy giờ mọi người đều yên lặng, riêng Ca Diếp tôn giả mặt rạng ngời mà cười. Đức Thế Tôn dạy:

– Ta có chính pháp Nhân Tạng, diệu tâm Niết Bàn, vô tướng thực tướng. Pháp môn vi diệu, chẳng lập bằng văn tự, truyền riêng ngoài giáo điển, nay trao cho ông Ma Ha Ca Diếp.

BÌNH:

Ông lão mặt vàng họ Cổ Đàm, dưới mắt không người, ép xấu ra tốt. Treo đầu dê bán thịt chó. Coi bộ cũng có tài mọn. Giả như đương thời cả bọn cười hết, thì chính pháp nhân tạng truyền thụ ra sao? Lại giả Ca Diếp không cười thì chính pháp nhân tạng truyền thụ thế nào? Nếu nói chính pháp nhân tạng đã có truyền thụ thì ông lão mặt vàng chỉ nói gạt bà con lương thiện trong xóm. Còn nếu nói không truyền thụ thì tại sao chỉ truyền cho Ca Diếp?

TỤNG:

Hoa vừa đưa lên

Đuôi kia đã lộ

vũ thế ngọc / vô môn quan

*Ca Diếp mỉm cười,
Trời người mất thối.*

LUẬN:

Cổ Đàm là tên họ Đức Phật Thích Ca, Đức Phật lịch sử duy nhất của thời đại này. Đức Phật Thích Ca có tên là Sĩ Đạt Đa (Siddhartha) là thái tử dòng dõi Cổ Đàm (Gautama) của bộ tộc Thích Ca (Sakya) nước Magadha. Ngài Giáng sinh vào năm 565 trước Dương lịch, xuất gia năm 29 tuổi, hành đạo 35 năm và nhập Niết Bàn vào năm 486 trước Dương lịch. Theo truyền thuyết thì thân ngài có màu sắc như vàng (kim thân) nên người Trung Quốc còn gọi ngài là Kim Diện Lão Tử.

Ca Diếp hay Đại Ca Diếp (Maha Kasyapa) là một đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca. (Trong kinh điển Phật giáo Đại Thừa còn có nhiều vị Phật có tên là Ca Diếp. Sách thường gọi là Ca Diếp cổ Phật). Chính ngài Ca Diếp đã thay Đức Phật lãnh đạo tăng đoàn khi Phật nhập diệt.

Thiền Tông quen thuộc với điển tích truyền thừa này. Rằng tại pháp hội Linh Thứu, Đức Thế Tôn cầm hoa đưa lên, tất cả đại chúng đều im lặng, duy có ngài Đại Ca Diếp mỉm cười. Nhân đó Phật mới nói người có chính pháp Nhân Tạng nay đã giao cho Ca Diếp để truyền thừa.

Đó là điển tích quen thuộc của Thiền Tông. Từ đó Thiền cũng tự gọi là Tâm Tông, đời đời nối tiếp truyền thừa theo đường lối đã được các tổ đề ra:

*Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ chân tâm
Kiến tính thành Phật.*

vui thế ngọc / vô môn quan

Tại pháp hội Linh Thấu sự thực Đức Phật có truyền giao chánh pháp cho Ca Diếp hay không? Hầu như tất cả những người học Thiền đều thấy, toàn bộ ngữ ngôn văn liệu sử sách của Thiền Tông chỉ là các phương tiện giúp đỡ người tu học. Làm sao có thể phân tích hợp lý khi Thiền sư bảo rằng: Anh nói đúng cũng đánh 30 gậy, anh nói sai cũng đánh 30 gậy... Ngôn ngữ là gì? Khi người ta gọi vị giáo tổ của mình là miếng giấy chùi dít? Vì vậy trong công án này không đòi hỏi câu trả lời trên bình diện "khoa học khách quan lịch sử" về nghi vấn Đức Phật truyền gì cho Ca Diếp.

Cũng vì vậy ở đây thiền sư Vô Môn mới trào lộng mà đặt ra hai tử lộ:

– Giả như mấy ngàn ông sư ở pháp hội Linh Thấu đều cười cả thì chính pháp Nhân Tạng truyền hết cả hay sao?

– Lại giả như Ca Diếp không cười thì lấy ai truyền thụ?

Từ đó, Vô Môn lại đặt ra hai tử lộ khác:

– Nếu nói chánh pháp đã được truyền giao tại pháp hội này thì Đức Phật đã dối người.

– Nếu nói không truyền giao, thì tại sao lại truyền cho Ca Diếp?

Những tử lộ này Vô Môn đưa ra để cảnh giác người tham thoại đầu này đừng vướng mắc bởi mọi hình tướng tương đối của công án: Chính pháp Nhân Tạng không phải là một vật gì có thể cầm được giữ được thì làm gì có vấn đề trao hay giữ. Lại nữa, Giác Ngộ là một kinh nghiệm riêng biệt, làm sao có thể giao truyền...

Thiền luận thường ví cái tướng này như lông rùa sừng thỏ. Những hình tướng thật sự không bao giờ có

một cơ sở liên tục và tự tại (giáo lý vô thường và vô ngã). Kinh Kim Cương vẫn dạy rằng:

“Nhuộc dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo bất năng kiến như lai” cũng chẳng khác vậy.

7. ĐỆ THẤT TẮC
TRIỆU CHÂU TẨY BÁT
(Triệu Châu rửa bát)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Triệu Châu:

– Tôi mới vào chùa, xin ngài chỉ dạy.

Sư nói:

– Ăn cháo chưa?

Ông tăng đáp:

– Ăn cháo rồi.

Sư nói:

– Rửa bát đi.

Ông tăng liền ngộ.

BÌNH:

Triệu Châu mở miệng thấy mật, phơi cả tim gan.
Ông tăng nghe mà chẳng hiểu, gọi chuông là hũ.

TỤNG:

*Chỉ vì quá rõ rệt,
Càng thêm chậm ngờ đâu.
Sớm biết đèn là lửa,
Cơm đã chín từ lâu.*

vũ thê ngọc / vô môn quan

LUẬN:

Trong lịch sử truyền thừa của Thiền Tông, Lục Tổ Huệ Năng (638-713) và Mã Tổ Đạo Nhất (709-788) là hai trực quan trọng nhất.

Phật giáo Thiền tông đến đời Lục Tổ thì có thể nói là chính thức được xác nhận là một tông môn của Phật Giáo đại thừa. Chỉ đến giai đoạn này Thiền Tông mới chính thức “địa phương hóa” và đi vào đại chúng. Phong thái của Thiền tông bắt đầu chinh phục tâm trí con người Đông Độ. Đến thời ngài Mã Tổ thì có thể nói Phật Giáo chi phối toàn diện tri thức giới trung thổ và bông hoa đẹp nhất, trong sáng nhất của Phật giáo chính là Thiền tông, Mã Tổ có đến hơn 130 đệ tử đắc pháp. Số người đắc pháp nhiều hơn tất cả các đệ tử của tất cả các vị thầy tiền bối. Mã Tổ có ba đệ tử lỗi lạc: Bách Trượng, Nam Tuyền và Trí Tạng. Bách Trượng được coi là người trưởng tràng, thừa kế Mã Tổ. Bách Trượng (720-814) quả thật đã không phụ ủy thác của thầy. Tổ Bách Trượng là người được coi như là người đầu tiên sắp đặt nguyên tắc cho Thiền Tông với sách “*Bách Trượng Thanh Quy*” (Sách *Bách Trượng Thanh Quy* này đã mất nguyên bản, bản hiện có trong Tam Tạng Kinh là tác phẩm của Ngài Bách Trượng Đức Huy - vị này trụ trì tổ đường Bách Trượng vào thời nhà Nguyên, được khắc in năm 1282. Sách này chép lại và rất gần nguyên bản). *Bách Trượng Thanh Quy* từ đó đã trở nên giới luật cho chùa Thiền, với một cơ chế tổ chức khác hẳn các chùa Tịnh Độ hay các tông phái khác. Trước thời Bách Trượng, các tu sĩ Phật giáo không lao động sản xuất. Phần lớn theo tập tục từ Ấn Độ đi khất thực hoặc nhận đồ cúng dường mà thôi. Vì các chùa Thiền tự túc kinh tế và chủ trương Thiền quán trong tất cả mọi hành động bình thường, nên sau đó trong pháp nạn năm 840, đại đa số các tự viện tông

phái khác gần như bị dẹp bỏ trừ các thiền viện (Trong pháp nạn này hơn 4.600 tăng lâm, đạo trưởng bị phá, 40.000 ngôi chùa bị dẹp, 260 ngàn tu sĩ bị hoàn tục, 150 ngàn người bị bắt làm nô lệ cho chính quyền).

Chính hai dòng Thiền lấy lòng là Quy Ngưỡng và Lâm Tế là khởi từ hai đệ tử đời thứ hai của tổ đình Bách Trượng: Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (814-890), và Lâm Tế Nghĩa Huyền (? – 867).

Tuy nhiên, người đệ tử tâm đắc nhất của Mã Tổ phải nói là ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên. Có thể nói là ngài Mã Tổ đối với ngài Nam Tuyền giống như ngài Khổng Tử với Nhan Hối, có khác là Nhan Hối chết quá trẻ, trái lại Nam Tuyền sau trở nên một đại thiền sư lấy lòng với hàng ngàn đệ tử khắp nơi.

Sách *Truyền Đăng Lục* có ghi một hôm Mã Tổ cùng ba đại đệ tử tâm huyết nhất của ngài là Nam Tuyền Phổ Nguyên, Tây Đường Trí Tạng và Bách Trượng Hoài Hải xem trăng. Tổ hỏi “Đêm trăng này nên làm gì?” - Trí Tạng thưa: “Nên cúng thực”. Hoài Hải thưa: “Nên tu hành”. Riêng Phổ Nguyên im lặng phất tay áo bỏ đi. Mã Tổ nhân đó nói: “Kinh Nhập Tạng, Thiền nhập Hải, Duy hữu Phổ Nguyên độc chiếu vật ngoại.” – Kinh về kho (Tạng), Thiền về biển (Hải), Duy có Phổ Nguyên một mình chói lọi đứng ngoài mọi vật.

Khi ngài Nam Tuyền trụ sơn dậy chúng, thì đến lượt ngài có nhiều đệ tử lấy lòng nhưng giống như Mã Tổ, ngài chỉ có Triệu Châu Tung Thẩm là học trò tương đắc. Thiền thoại về thấy trò Nam Tuyền Triệu Châu cho thấy rõ điều đó (Xem Công án 14, 19). Triệu Châu ở với thầy gần một nửa thế kỷ, cho đến khi Nam Tuyền viên tịch, ngài đã 57 tuổi còn ở lại chùa cư tang thêm 4 năm nữa mới lên đường đi tham học các bậc cổ đức khác và sống đến hơn một trăm hai mươi tuổi.

Triệu Châu lại càng là một đại thiện sư lấy lòng và kỳ lạ, thiện giới gọi ngài là “Triệu Châu cổ Phật” từ khi ngài về trụ trì Quan Am Tự ở Triệu Châu. Khi đó Triệu Châu đã tám mươi tuổi, ngài trụ thế đến một trăm hai mươi năm.

Trong thiện giới, người ta thường nói đến hèo của Đức Sơn, tiếng hét của Lâm Tế và lời của Triệu Châu: “Lời của Triệu Châu bật ra lửa.”

Lời của Triệu Châu là lửa tam muội đốt mọi phiền não vô minh để giúp người tham học trực nhận được chân tâm của mình vốn tự tròn đầy viên mãn từ muôn ngàn kiếp đến nay. Vì vậy, Vô Môn mới than mỗi lần Triệu Châu nói là để lộ hết cả tâm can. Than ôi hạnh ngộ bao kiếp mới được gặp Ngài! Ta nên nhớ lời nguyện của Triệu Châu khi hành cước tham học: “Nếu có kẻ 7 tuổi mà có sở đắc sãi già này cũng xin tham học. Nếu gặp kẻ trăm tuổi mà sãi này có điều chỉ chỉ bảo được cũng xin dốc hết lòng chỉ dạy...”.

Trong công án này ta thấy lại cả một phong thái thiện trực tiếp, giản dị và trong sáng nhất của Triệu Châu.

Có một nhà sư xin được học đạo, ngài đã ân cần trả lời:

– Con đã ăn cháo chưa?

Không lý luận, không kinh điển. Câu hỏi của thiện sư sáng rực như ánh sáng ban ngày, trực tiếp như mũi tên chỉ thẳng vào cái tự tâm trong sáng đó đang tại đây, ở chính đây trong mọi hành động trong mọi hành vi của chính người học tăng. Đừng tìm đâu xa xôi.

Nhà sư trả lời:

– Dạ ăn cháo rồi!

Mũi tên đã bắn hụt, bởi nhà sư vô minh hỗn độn, không thấy được chân lý tối thượng trong câu hỏi của

thiền sư. Khi con người con không ý thức được rằng không khí chung quanh đó đang thực sự luân lưu sinh tử trong từng giây phút, thì làm sao thấy được chân tâm? Mình vẫn sáng vẫn tròn trong từng giây phút. Đó là thiền, là Đạo, là giác ngộ...

Triệu Châu ân cần nhắc nài cố gắng phơi mở cho nhà sư một lần nữa chân lý thực sự là ở đây, bây giờ. Không quá khứ, không tương lai.

– Rửa bát đi!

Từ lúc vào tham kiến thiền sư đến lúc này, chắc hẳn tâm thức nhà sư đã căng thẳng cùng độ. Lời hỏi của thiền sư đầu tiên như một mũi tên bắn trật vì ông đã vội trả lời “đã ăn cháo rồi”. Vừa trả lời xong, hẳn nhà sư đã biết mình lỡ lời. Đây là giây phút trực hội vấn đề sinh tử, trận chiến dứt khoát của công trình tu chứng, chứ đâu phải là vấn đề ăn uống, xã giao... và cùng lúc đó mũi tên thứ hai của Triệu Châu vừa buông. Sư ông bất giác thấm nhận và cùng lúc tấm màn vô minh vụt biến mất. Ông sư lạy thiền sư nhận lãnh tâm ấn và lui ra.

Trong *Công án 15* ta cũng thấy trường hợp tương tự giữa thầy trò Vân Môn và Động Sơn 100 năm sau:

Nhân Động Sơn đến tham học ngài Vân Môn hỏi:

– Từ đâu đến?

Động Sơn thưa:

– Tra Độ.

Sư lại hỏi:

– Hạ an cư ở đâu?

Động Sơn thưa:

– Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

Sư hỏi:

– Rời chùa hôm nào?

Động Sơn thưa:

– Hôm hai mươi lăm tháng tám.

Ngài Vân Môn đuổi lui:

– Tha cho người ba hèo.

Động Sơn ngẩn ngơ, sáng hôm sau lại lên tham hỏi.

– Hôm qua đội ơn hòa thượng tha cho ba hèo. Nhưng vẫn không biết lỗi con ở đâu?

Ngài Vân Môn nói:

– Cái túi cơm, cứ thế mà đi tới đi lui. Giang Tây với Hồ Nam.

Động Sơn nhân đó bèn đại ngộ.

Sư Động Sơn (910-990) sau trở nên một vị long trượng nổi tiếng trong thiền giới. Ngài trụ trì ở chùa Động Sơn - Triều Châu nên cũng có nhiều khi được gọi là Động Sơn, không phải là Động Sơn Lương Giới (808-869) tổ dòng Tào Động.

8. ĐỆ BÁT TẮC HÊ TRỌNG TẠO XA (Hê Trọng làm xe)

CỬ:

Hòa thượng Nguyệt Am hỏi một ông tăng:

– Hê Trọng chế ra bánh xe có trăm gong. Năm hai đầu, bỏ trục đi, nó sẽ là gì?

BÌNH:

Nếu hiểu được lập tức, mắt như sao băng, cơ như điện chớp.

TỤNG:

*Động cơ xe chuyển,
Người ngộ còn mê,
Bốn bề trên dưới,
Nam Bắc đông tây.*

LUẬN:

Trong truyền thuyết viết lại trong *Sơn Hải Kinh* thì Hê Trọng là người phát minh ra xe có bánh. Ông được thần thoại hóa biến thành một thiên tài về cơ giới. Một trong những sáng tạo của ông là một chiếc xe khổng lồ, mỗi bánh có đến hàng trăm cãm xe.

vũ thế ngọc/vô môn quan

Hòa thượng Nguyệt Am, thuộc thế hệ sư tổ của Vô Môn, một hôm thượng đường mới mang câu chuyện chiếc xe này ra hỏi:

– Ngày xưa, Hề Trọng làm ra chiếc xe khổng lồ. Bây giờ tháo bánh, tháo cãm, tháo trục tùm lum... thì xe bây giờ là cái gì?

Lẽ dĩ nhiên đây là một đề tài tham vấn của Thiền học, một công án chứ không phải là một câu hỏi về kỹ thuật hay cơ giới.

Công án này giống như một công án khác:

– Bản lai diện mục của ông khi ông chưa sinh ra đời là gì?

Hoặc như một công án khác:

– Cái bình này không được gọi là cái bình thì gọi là cái gì?

Trước khi có xe thì chỉ có gỗ, trước khi có gỗ chỉ có cây, trước khi có cây chỉ là một cái mầm nhỏ bé của cái hạt của cây. Luận lý học của tri thức luôn luôn dẫn đến cái giới hạn bất khả tri và vì thế xuất hiện thần học để giải thích về sự hiện hữu của một Thượng Đế toàn năng, như một hiện hữu đầu tiên, là tất cả các học phái thần học hay các quan niệm về Thượng Đế về *thiên đàng*, về thế giới vĩnh cửu... thì có thể nói không đâu phong phú như trong thế giới thần học trùng trùng ảnh hiện của Ấn Độ Giáo, một thế giới rộn ràng phong phú thiên la vạn tượng.

Phật giáo Đại Thừa cũng chia sẻ một phần cái thế giới này của Ấn Độ giáo, không phải chỉ có một thiên đàng mà là vô số thế giới của các vị Thượng Đế có những quyền năng khủng khiếp. Không cần đến 6 ngày mà chỉ cần trong một sát na đã có thể tạo lập hàng ngàn vạn thế giới...

Phật giáo Đại Thừa còn nói đến cái thế giới tuyệt đối, nơi không còn hình tướng mà chỉ còn là thế giới của tinh thần tuyệt đối, thế giới của một loại năng lực thuần túy... một thế giới có cái tên tạm gọi là “phi tướng, phi phi tướng” của vũ trụ vô sắc giới (Arupadhatu)...

Nhưng dưới cái nhìn của Phật giáo (bất cứ tông phái nào: Mật, Tịnh, Thiền... Bắc hay Nam tông) đều phủ nhận sự tự tại của tất cả thế giới này, vì tất cả các thế giới đó đều là đối tượng của điều kiện, của vận hành giới hạn trong không gian và thời gian.

Cứu cánh của Phật giáo là thoát ra khỏi tất cả những trói buộc những điều kiện. Cứu cánh đó của Phật giáo đó được tạm gọi là “Niết Bàn”. Niết Bàn không phải là Thiên Đường (như một trong các thế giới bên kia). Niết Bàn được hiểu như là một trạng thái “hết củi lửa tắt”. Rất khó có thể dùng ngôn ngữ để diễn tả.

Trong Nhân Minh Học (một loại Luận lý học Phật giáo), các luận gia Ấn Độ đã xây dựng những nguyên tắc lý luận chặt chẽ và vô cùng phức tạp để giải thích về quan điểm này của Phật Giáo. Ở Mật Tông các Đạo sư đã phải dùng đến các thần chú để vượt qua giới hạn của luận lý nhị nguyên, của ngôn ngữ nhị nguyên để truyền bá và thể hiện. Ở Thiền Tông, một tổng hợp sinh động kỳ thú nhất trong lịch sử nhân loại, ta sẽ thấy tâm thức cụ thể sống động của Trung Quốc đã hấp thụ cái tư duy sâu thẳm khủng khiếp của Ấn Độ bằng các công án “mâu thuẫn một cách thật thi vị nhẹ nhàng”:

– Cây gậy trúc này gọi là gậy trúc thì là xác định. Không gọi là gậy trúc thì là phủ định. Không xác định không phủ định thì gọi là gì? Nói mau! Nói mau!

hoặc:

– Các ông có gậy tôi cho ông gậy. Các ông không có gậy tôi lấy gậy của các ông...

Bây giờ nghe Hòa Thượng Nguyệt Am hỏi:

– Hề Trọng chế ra bánh xe có trăm gọng. Năm hai đầu, bỏ trục đi, nó sẽ là gì?

Câu hỏi “Nó sẽ là gì?” rõ rệt, trực tiếp... đẩy người bị hỏi đến thế giới bất nhị, đến thế giới vô phân biệt... Và nếu trong một sát na, người bị hỏi trực ngộ ra được ý nghĩa ở đây thì đồng thời cũng nhìn thấy chân tính của mình và muôn vật.

9. ĐỆ CỬU TẮC ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG (Phật Đại Thông Trí Thắng)

CỬ:

Một ông tăng hỏi hòa thượng Hưng Dương Nhượng:

– Phật Đại Thông Trí Thắng, mười kiếp ngồi tu ở đạo trường Phật pháp chẳng hiển hiện, không thành Phật đạo. Là thế nào?

Sư nói:

– Câu hỏi hay thật.

Ông tăng hỏi:

– Đã ngồi tu ở đạo trường, tại sao không thành Phật đạo?

Sư nói:

– Vì ông ấy không thành Phật.

BÌNH:

Chỉ cho lão Hồ biết, không cho lão Hồ hiểu. Phàm phu mà hiểu được thì tức là thánh nhân. Thánh nhân mà hiểu được thì tức là phàm phu.

TỤNG:

*Biết thân chẳng bằng chỉ biết tâm
Biết được tâm thì thân chẳng sầu
Tâm thân hai lẽ như biết cả,
Thần tiên nào cần đợi phong hầu.*

LUẬN:

Hưng Dương Nhượng là thiền sư thuộc đời thứ 4 của dòng Quy Ngưỡng. Đại Thông Trí Thắng Phật là một vị Phật thời quá khứ. Đại Thông có nghĩa là thông suốt, vô giới hạn, là giác ngộ. Trí Thắng là siêu thoát, tự tại, từ chúng, là vượt trên giáo nghĩa để thành tựu trí tuệ bờ bên kia, giác ngộ.

Ở đây ông tăng hỏi ngược lại:

– Đường đường là vị Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tu mười kiếp mà tại sao không thành Phật?

Đây không phải là một câu hỏi thuộc bình diện giáo nghĩa lịch sử. Lẽ dĩ nhiên ông tăng muốn chứng tỏ trình độ tu chứng của mình và chờ đợi sự ấn chứng của thiền sư.

Trong câu hỏi này, ta có thể hiểu một cách rất “tri thức” rằng:

– Phật Đại Thông Trí Thắng đã là Phật rồi thành ra không thể có chuyện Phật thành Phật.

– Giác ngộ vẫn được giảng giải như liễu giác được chân tinh, như “hết củi lửa tắt”, không thể là việc có thể “ngồi tu” mà “thành” được.

– Phật là một thực tại vũ trụ, phổ quát, vô nhiễm, bất tăng, bất giảm... Phật là một thực tại ngoài lý sự đối đãi, cho nên không thể có việc thành-Phật hay không-thành-Phật...

Hòa thượng Hưng Dương Nhượng là một người ngộ đạo hẳn thấy rõ cái nguy hiểm của trò chơi trí thức đó. Ngài nhẹ nhàng cắt bỏ tất cả các phân tích của thế giới nhị nguyên đó bằng câu trả lời phủ định:

– Vì ông Đại Thông Trí Thắng đó không thành Phật.

Phàm phu mà lý hội được lý đó ắt sẽ từng phàm nhập thánh tiêu dao tự tại vậy.

10. ĐỀ THẬP TẮC
THANH THOÁT CÔ BẦN
(Sư Thanh Thoát nghèo khó)

CỬ:

Một ông tăng hỏi hòa thượng Tào Sơn:

– Thanh Thoát này cô bản xin sư cứu giúp.

Sư gọi:

– Thấy Thoát!

Ông thấy Thoát đáp:

– Dạ.

Sư nói:

– Thanh Nguyên là vốn rượu nhà, đã xơi ba chén
mà còn than là chưa dính môi.

BÌNH:

Thanh Thoát trình cơ sự đó, tâm ý ra sao? Tào Sơn
nhạy mắt, hiểu rõ ngay cơ ý. Tuy nhiên như thế, tại
sao mà nói thầy Thoát uống rượu?

TỤNG:

*Nghèo như Phạm Nhiễm,
Khí tợ Hạng Vương.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

*Tuy không nghề nghiệp
Dám bì phú ông.*

LUẬN:

Tào Động là dòng Thiền do ngài Động Sơn Lương Giới (807-869) và đệ tử là Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch (840-901) thành lập.

Động Sơn Lương Giới từ bé đã tỏ ra có ý chí độc lập khác người. Ngay lúc còn là chú tiểu nhỏ, đọc Bát Nhã Tâm Kinh có câu "Vô nhân nhĩ tỷ thiết", chú tiểu Lương Giới đã phản đối... "Rõ ràng con có mắt có tai có mũi có lưỡi... mà tại sao kinh lại nói là không", thay vì chấp nhận một cách thụ động.

Đến năm hai mươi tuổi, sư bắt đầu đi tham bác các tổ đình danh tiếng để học đạo. Lần đầu tiên sư đến ngài Nam Tuyền, nhân dịp ngày kỵ Mã Tổ, ngài Nam Tuyền nói với đồ chúng:

– Ngày mai chúng ta cúng ngài Mã Tổ, không biết ngài có đến dự không?

Đại chúng còn đang im lặng thì sư thưa:

– Nếu có bạn thì sẽ tới.

Ngài Nam Tuyền khen:

– Chú nhỏ này là kẻ hậu sinh nhưng sẽ là viên ngọc lớn.

Sư không mắc phải lời khen mà tỏ ý độc lập:

– Hòa Thượng tại sao muốn biến người tự do thành kẻ tôi đòi?

Sau sư đến tham vấn ngài Quy Sơn (771-853). Ngài Quy Sơn cũng nhận ra sư là đồ pháp khí nhưng giới thiệu qua Ngài Vân Nham (782-841). Sư đến hầu ngài

vũ thế ngọc/vô môn quan

Vân Nham và hỏi câu hỏi về các giống vô tình (cây hoa cỏ lá) cũng biết thuyết pháp trong kinh Pháp Hoa.

– Vô tình thuyết pháp, ai có thể nghe được?

Ngài Vân Nham trả lời:

– Vô tình nghe được.

Sư hỏi tiếp:

– Ngài nghe được không?

Ngài Vân Nham đáp:

– Nếu ta nghe được, tức là người không nghe được ta nói pháp.

Sư vẫn chưa liễu ngộ. Ngài Vân Nham bèn đưa cây phất tử lên hỏi:

– Người nghe chưa?

Sư thưa:

– Thưa chưa.

Đến đây Vân Nham cười:

– Người chưa nghe được ta nói pháp thì còn mong gì nghe được vô tình thuyết pháp. Người không nhớ kinh A Di Đà có nói: “Vĩnh diệu thụ lâm giai niệm Phật niệm pháp” (Suối chim cây đều tụng niệm Phật pháp) sao?

Đến đây thì Động Sơn khế ngộ và nói bài kệ:

Giã đại kỳ giã đại kỳ

Vô tình thuyết pháp bất tư nghi

Nhược tương nhĩ thỉnh chung nan bội,

Nhân xứ vân thời phương đắc chi.

(Thật kỳ lạ, lạ thật sao!

Vô tình thuyết pháp chẳng còn nghi

vui thế ngộ/vô môn quan

*Nếu dùng tai nghe hoài chẳng thấy
Lắng nghe bằng mắt lại được ngay).*

Ngài tiếp tục đi tham học các thiền sư nổi tiếng đương thời cho đến ngoài năm mươi tuổi mới đến Động Sơn dựng thiền đường dạy chúng.

Tào Sơn Bản Tịch (858-919) là một đệ tử đích truyền của tổ Động Sơn. Động Sơn và Tào Sơn được coi là sáng lập ra dòng Thiền Tào Động, truyền mãi cho đến tận ngày nay.

Trong công án này, ta sẽ thấy sư Thanh Thoát xung trận bằng mũi tuyệt chiêu. Địch thủ tránh né hay chống trả cũng đều thảm bại.

– Thanh Thoát cô bản khất sư chần tể.

Khi sư Thanh Thoát nhận thấy mình nghèo khổ, ắt hẳn sư muốn nói đến điều tâm tròn đầy của mình vốn từ vô thủy đại kiếp đến giờ chẳng với chẳng thiếu.

Người được hỏi “cho” hay “không cho” ở đây cũng đều thua cuộc. Ở đây vị thấy xứng đáng phải làm gì?

Ta sẽ thấy vị tổ khai sơn của Tào Động thật đúng là một thiền sư vĩ đại. Trí cơ nhất hợp, nhanh hơn điện chớp, thiền sư đã chủ động, đẩy sư Thanh Thoát về khách vị:

– Thoát xà lê! (Này thầy Thoát!)

– Dạ!

Tâm cơ sư Thanh Thoát tan tành, bị dồn vào tử địa, phục gối xin thua.

Chỉ da một tiếng, bao nhiêu tâm cơ của sư Thanh Thoát tan bay. Thị ra chỗ thấy của sư dường như chưa phải là thấy. Đó là trạng thái của người ở ngưỡng cửa. Như Duyên Môn thua với Bồ Đề Đạt Ma “Tại sao con

chợt tự thấy rồi lại như không?" (*Tuyệt Quán Luận*). Chỗ thấy của sư Thanh Thoát cũng vậy, gặp thấy vừa thốt một lời, cái công phu tưởng rằng tuyệt học đó vỡ vụn như ngôi bể băng tan.

Đến đây, tâm cơ của sư Thanh Thoát dao động tột độ. Một lời của Tào Sơn đẩy sư rơi xuống vực thẳm.

Trong trạng thái buông xuôi tất cả những thành tựu tri thức tâm linh đó của người học trò, Thiền sư Tào Sơn đã thấy đúng lúc khai ngộ cái tâm của Thanh Thoát.

– Rượu nhà đã uống ba ly mà còn than nghèo khổ.

Câu nói khẳng định chỗ thấy của Thanh Thoát sau khi đã phủ nhận toàn diện cái thấy của Thanh Thoát trong câu trước, đã đẩy trí tuệ Thanh Thoát vào một cảnh giới cao hơn, chân xác hơn. Đến lúc này, Thanh Thoát hẳn sẽ thoát được cái thấy dường như có đường như không của Duyên Môn.

Sự thành tựu của Thiền sinh luôn luôn được các bậc thầy đẩy tới xa hơn nữa là vì thế.

Ngài Đại Mai xưa kia đắc pháp với Mã Tổ Đạo Nhất bởi câu nói “tức tâm tức Phật” (Tâm là Phật) – Xem *Công án 30* – Sau khi đắc pháp, Đại Mai bỏ vào rừng sâu trui luyện.

Mã Tổ vẫn không quên người học trò thân yêu đó. Một lần ngài cho người tìm đến tận chỗ của Đại Mai thăm dò. Sư giả đến nơi hỏi ngài Đại Mai:

– Đại sư đã đắc được pháp gì từ ngài Mã Tổ?

Đại Mai trả lời:

– Tổ dạy “tức tâm tức Phật”. Bản tăng đã ngộ ra được lời đó và tu theo lời đó.

Sư giả nói:

vì thế ngọc / vô môn quan

– Nay tổ dạy khác rồi.

Đại Mai hỏi:

– Tổ dạy ra sao?

Sứ giả nói:

– “Vô tâm vô Phật”.

Đại Mai bèn nói:

– Kệ ông già đó trào lộng thiên hạ với “vô tâm vô Phật”. Bần tăng chỉ biết “tức tâm tức Phật”.

Sứ giả về thưa lại. Mã Tổ khen ngợi: “Trái mận lớn đã chín rồi.” Một lần nữa Đại Mai đã khẳng định cái thấy của mình một cách sâu sắc, chủ động và độc lập.

11. ĐỀ THẬP NHẤT TẮC TRIỆU CHÂU KHÁM AM CHỦ (Triệu Châu khám phá am chủ)

CỬ:

Triệu Châu đến một ông am chủ hỏi:

– Có chăng? Có chăng?

Am chủ đưa nắm tay lên. Sư nói:

– Nước cạn không phải chỗ đậu thuyền.

Rồi đi.

Lại đến một am chủ khác hỏi:

– Có chăng? Có chăng?

Am chủ cũng đưa một nắm tay lên. Sư nói:

– Thả được, bắt được, giết được, cứu được. Bèn bái lạy.

BÌNH:

Đều đưa nắm tay lên, sao lại nhận một bỏ một? Thử hỏi lời nói điêu ngoa ở đâu? Nếu nói được rành mạch một câu ở đây, thì thấy ngay Triệu Châu đầu lười không xương, mặc tình điên đảo mà đắc được tự tại. Tuy nhiên nỗi khổ là Triệu Châu lại bị hai am chủ khám phá. Nếu bảo rằng hai chủ am có hơn có kém, thì chưa

có mắt tham học. Còn nếu nói hai ông không hơn không kém thì cũng là chưa có mắt tham học.

TỤNG:

*Mắt như sao,
Cơ như điện,
Dao giết người,
Kém cứu người.*

12. ĐỆ THẬP NHỊ TẮC
NHAM HOÁN CHỦ NHÂN
(Thoại Nham Ngạn gọi ông chủ)

CỬ:

Hòa thượng Thoại Nham mỗi ngày tự kêu:

– Ông chủ!

Rồi tự đáp:

– Dạ.

Lại nói:

– Tỉnh táo nhé!

– Dạ.

– Mai mốt đừng để người ta dối gạt nhé!

– Dạ, dạ.

BÌNH:

Lão già Thoại Nham, tư bán tư mua. Xuất lộng nhiều trò đầu thần mặt quỷ. Tại sao vậy? Một gã kêu, một gã đáp, một gã tỉnh táo, một gã không để người ta dối gạt. Ngó ra chẳng gã nào thật. Nếu lại bắt chước, thì đều là lỗi thấy của bọn chồn hoang.

TỤNG:

*Chân thực người tu chẳng biết xem,
Lần theo thần thức đã bao đời,
Vô lượng kiếp qua bao sinh tử,
Người mê vẫn tưởng chính chân thân.*

CHÚ: Hòa thượng Thoại Nham Ngạn là đệ tử của thiền sư Nham Đẩu (828-887), một đệ tử lỗi lạc của tổ Đức Sơn (xem Công án 13). "Thần thức" ở bài tụng chỉ tri thức của người ta, Thần thức là khả năng hiểu biết, thông minh của con người, nên con người tin vào nó là chân ngã của mình. Thật ra đây chỉ là cái biết còn bị nghiệp lực chi phối, trôi nổi ở trong luân hồi sinh tử (xem thêm Huyết Mạch Luận).

12. ĐỆ THẬP NHỊ TẮC
NHAM HOÁN CHỦ NHÂN
(Thoại Nham Ngạn gọi ông chủ)

CỬ:

Hòa thượng Thoại Nham mỗi ngày tự kêu:

– Ông chủ!

Rồi tự đáp:

– Dạ.

Lại nói:

– Tỉnh táo nhé!

– Dạ.

– Mai một đừng để người ta dối gạt nhé!

– Dạ, dạ.

BÌNH:

Lão già Thoại Nham, tự bán tự mua. Xuất lộng nhiều trò đầu thần mặt quỷ. Tại sao vậy? Một gã kêu, một gã đáp, một gã tỉnh táo, một gã không để người ta dối gạt. Ngó ra chẳng gã nào thật. Nếu lại bắt chước, thì đều là lối thấy của bọn chốn hoang.

13. ĐỆ THẬP TAM TẮC ĐỨC SƠN THÁC BÁT (Đức Sơn bưng bát)

CỬ:

Một hôm ngài Đức Sơn bưng bát ra thiền đường. Tuyết Phong thấy bèn hỏi:

– Ông già, chuông chưa gióng, trống chưa điểm mà bưng bát đi đâu?

Sư liền trở về phương trượng.

Tuyết Phong nói lại cho Nham Đầu nghe. Nham Đầu nói:

– Đường đường là Đức Sơn mà chưa hiểu câu nói tối hậu.

Sư nghe, sai thị giả gọi Nham Đầu lại nói:

– Ông chẳng khứng lão tăng à?

Nham Đầu nói nhỏ ý mình, sư cho lui.

Hôm sau, sư thăng tòa, quả khác thường. Nham Đầu tiến ra vỗ tay cười lớn:

– Thật may cho ông già hội được câu nói tối hậu. Mai sau thiên hạ không ai làm gì nổi ông nữa.

BÌNH:

Nếu là câu nói tối hậu, cả Nham Đẩu và Đức Sơn có mộng cũng không thấy được. Xét kỹ lại, thật giống như một bầy tượng gỗ.

TỤNG:

Biết câu khởi đầu

Hiếu câu cuối cùng

Cuối cùng, khởi đầu.

Nào phải câu cùng.

CHÚ: Thiền sư Đức Sơn (779-865) pháp danh là Tuyên Giám môn đệ của Long Đàm. Sau được vua mời trụ trì Đức Sơn thiền viện nên còn gọi là ngài Đức Sơn. Thiền sư Đức Sơn có lối giáo hóa rất độc đáo. Học tăng đến tham hỏi dù nói đúng nói sai hay im lặng cũng đều bị đánh. Tuyết Phong Nghĩa Tồn và Nham Đẩu đều là học trò của Đức Sơn. Nhưng Tuyết Phong Nghĩa Tồn khi đi hành cước với sư huynh Nham Đẩu (828-887) thì được chính sư huynh mình khai ngộ. Nghĩa Tồn (882-908) sau dựng am bên cạnh tháp thấy là Đức Sơn để tu, học trò tụ họp đến hơn cả ngàn người. Đó là chùa ở giữa đỉnh núi tuyết phủ bốn mùa nên Thiền sư Nghĩa Tồn còn được gọi là ngài Tuyết Phong.

14. ĐỆ THẬP TỨ TẮC
NAM TUYỀN TRĂM MIÊU
(Nam Tuyền chém mèo)

CỬ:

Nhân tăng chúng hai đường đông tây tranh nhau con mèo, hòa thượng Nam Tuyền giờ con mèo lên nói:

– Các ông nói được thì tha, không nói được thì chém.
Chẳng ai biết nói gì. Sư bèn chém mèo.

Đến tối Triệu Châu về, sư kể chuyện lại cho nghe.
Triệu Châu bèn cởi dép, để lên đầu đi ra.

Sư nói:

– Nếu có ông thì cứu được con mèo rồi!

BÌNH:

Thử hỏi Triệu Châu đội dép có ý gì? Nếu ở đây mà nói được một lời thì Nam Tuyền hành lệnh không uổng. Còn nếu không, hừ!

TỤNG:

*Nếu có Triệu Châu,
Làm ngược lệnh đó.
Đoạt lấy dao kia,
Nam Tuyền xin bỏ.*

vũ thạch ngọc / vô môn quan

**15. ĐỆ THẬP NGŨ TẮC
ĐỘNG SƠN TAM ĐỐN
(Ba hèo của Động Sơn)**

CỬ:

Ngài Vân Môn nhân khi Động Sơn đến tham học, sư nói:

– Mới từ đâu đến?

Động Sơn thưa:

– Tra Độ.

Lại hỏi:

– Hạ an cư ở đâu?

Động Sơn thưa:

– Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

Hỏi tiếp:

– Rời chùa hôm nào?

Động Sơn thưa:

– Hai mươi lăm tháng tám.

Sư nói:

– Tha cho người ba hèo.

Sáng hôm sau, Động Sơn lại lên tham hỏi:

vũ thế ngọc/vô môn quan

– Hôm qua đội ơn ngài tha ba hèo, không biết lỗi con ở đâu?

Sư nói:

– Cái túi cơm, cứ thế mà đi Giang Tây, Hồ Nam.

Động Sơn nhân đó đại ngộ.

BÌNH:

Vân Môn bấy giờ giở ngón sở trường, khiến Động Sơn mở riêng được con đường sống, tông môn không đến nỗi tịch liêu. Qua một đêm hợp lặn trong biển thị phi, hôm sau trở lại được phá giải, Động Sơn bèn ngộ, thế cũng chưa mau lẹ. Xin hỏi các người, ba hèo của Động Sơn đáng chịu hay không? Nếu bảo là đáng, thì cây cỏ cũng đều đáng chịu đòn? Còn nếu bảo là không thì ra Vân Môn chỉ nói bậy. Hiểu được chỗ ấy thì có thể thấy được khẩu khí của Động Sơn.

TỤNG:

*Sư tử dạy con thật lạ lùng
Vừa chồm ra trước lại quay sau
Vô duyên tự gõ đầu hai cái
Cái trước thì nhẹ, cái sau đau.*

CHÚ: Vân Môn là tên núi nơi ngài Văn Yển (864-949) mở thiền đường dạy chúng. Ngài Vân Môn là đệ tử ngài Tuyết Phong Nghĩa Tổn, sau về núi Vân Môn lập ra dòng Thiền Vân Môn. Động Sơn trong công án này là đệ tử đời thứ nhất của dòng Vân Môn, không phải là ngài Động Sơn Lương Giới (808-869) tổ dòng Thiền Tào Động.

16. ĐỆ THẬP LỤC TẮC
CHUNG THANH THẤT ĐIỀU
(Nghe chuông mặc áo thất điều)

CỬ:

Ngài Vân Môn nói:

– Thế giới rộng lớn bao la. Tại sao nghe chuông lại mặc áo thất điều?

BÌNH:

Đại phạm tham Thiền học đạo, kỳ nhất là việc theo tiếng đuổi màu. Dù cho nghe tiếng mà ngộ đạo, thấy sắc mà sáng tâm, cũng là chuyện tầm thường. Phải biết rằng người tu cõi tiếng, đập màu, đầu đầu cũng rõ, chi chi cũng hay. Tuy thế, thử hỏi tiếng đến bên tai, tai qua bên tiếng, đạt đến chỗ cả hai đều quên thì thế nào?

Nếu lấy tai mà nghe thì khó được. Lấy mắt mà nghe, chùng đó lại được.

TỤNG:

*Hiếu thì vốn chuyện trong nhà
Không thì vạn lạ ngàn sai tức thì
Không thì cũng chuyện trong nhà
Hiếu thì vạn lạ ngàn sai tức thì.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

17. ĐỆ THẬP THẤT TẮC QUỐC SƯ TAM HOÁN (Quốc sư gọi ba lần)

CỬ:

Quốc sư ba lần gọi thị giả, thị giả dạ ba lần.

Sư nói:

– Tưởng ta phụ người, nguyên do lại là người phụ ta.

BÌNH:

Quốc sư ba lần gọi, đầu lười rơi xuống đất. Thị giả ba lần thưa, hảo hợp tự nhiên. Quốc sư tuổi già lòng cỗi, dè dặt bỏ bắt ăn cỏ. Thị giả nào chịu. Của ngon chẳng vừa bụng kẻ no. Thử hỏi ai phụ ai ở đâu:

Nước yên người tài được trọng,

Nhà giàu con trẻ được chiều.

TỤNG:

Gông sắt không lỗ giam người

Buồn phiền lụy đến cháu con cả nhà

Muốn cho gia sự yên lành

Phải tu lấy phép chân trần đập dao.

CHÚ: Quốc sư ở đây là ngài Quốc Nhất thiền sư Huệ Trung (695-775). Ngài là đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng. Được vua Đường Đại Tông phong tặng danh hiệu Quốc sư.

vũ thế ngọc / vô môn quan

**18. ĐỆ THẬP BÁT TẮC
ĐỘNG SƠN TAM CÂN
(Ba cân mè của Động Sơn)**

CỬ:

Một ông tăng hỏi hòa thượng Động Sơn:

– Phật là gì?

Sư đáp:

– Ba cân mè.

BÌNH:

Ông lão Động Sơn, tham đắc được chút thiền sò thiền hến, mở miệng là lộ ngay gan ruột. Tuy nhiên như thế, thử nói là Động Sơn ở đâu.

TỤNG:

Chợt thốt “ba cân mè”

Lời quê dễ hiểu ý.

Còn cứ phân trái phải

Mới là người thị phi

vũ thế ngọc / vô môn quan

19. ĐỆ THẬP CỬU TẮC BÌNH THƯỜNG THỊ ĐẠO (Bình thường là Đạo)

CỬ:

Triệu Châu hỏi thầy là ngài Nam Tuyền:

– Đạo là gì?

Sư đáp:

– Tâm bình thường là đạo.

Lại hỏi:

– Đến đó được không?

Sư nói:

– Nghĩ đến đã sai.

Triệu Châu tiếp:

– Không nghĩ, làm sao biết đó là đạo?

Sư nói:

– Đạo không thuộc chuyện biết hay không biết. Biết là biết sai, không biết là vô tri. Nếu quả đến được đạo, bấy giờ cũng như thái hư, trống không bao la. Lúc đó há còn có thể cố phân biệt phải trái chăng?

Triệu Châu liền ngộ.

vũ thế ngọc / vô môn quan

Nam Tuyền bị Triệu Châu cật vấn thật là ngói bể
băng tan, bất phân bất biện. Triệu Châu dù cho có ngộ
cũng phải tham thêm ba mươi năm nữa mới đắc.

TỤNG:

*Xuân có trăm hoa thụ có trăng
Hạ gió lạnh và đông tuyết băng
Nếu lòng thanh thản không vương bận
Thời tiết nhân gian luôn dịu dàng.*

20. ĐỆ NHỊ THẬP TẮC
ĐẠI LỰC LƯỢNG NHÂN
(Đại lực sĩ)

CỬ:

Hòa thượng Tùng Nguyên nói:

– Đại lực sĩ, sao nhắc chân không nổi?

Lại nói:

– Nói không do miệng.

BÌNH:

Tùng Nguyên thật là móc ruột bấy gan, chỉ hiềm không ai lãnh thọ. Hễ nghe mà lãnh thọ được ngay thì đáng đến đây chịu đòn của Vô Môn tôi. Có sao? Muốn biết vàng thực, phải dùng lửa.

TỤNG:

*Đưa chân đá đổ biển Hương Thủy
Cúi xem cùng khắp trời Tử Thiển
Sừng sững một thân không chỗ tựa,
Xin nổi một câu!*

vũ thế ngọc / vô môn quan

21. ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT TẮC VÂN MÔN THỈ QUYẾT (Que cút của Vân Môn)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Vân Môn:

– Phật là gì?

Sư đáp:

– Que cút khô.

BÌNH:

Vân Môn có thể nói là nghèo đến độ không thể có một bữa cơm thường. Bận đến nỗi không có thì giờ viết thư. Tiện tay vớ lấy que cút chống cửa nhà. Xem đó thì thấy Phật pháp thịnh suy ra sao.

TỤNG:

Điện chớp lòe

Lửa đá tóe

Vừa nháy mắt

Đã qua vèo.

vũ thế ngọc / vô môn quan

22. ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ TẮC CA DIẾP SẮT CAN (Trụ cờ của Ca Diếp)

CỬ:

Ngài A Nan hỏi ngài Ca Diếp:

– Ngoài bộ y vàng, Thế Tôn còn truyền gì cho ngài nữa?

Ca Diếp gọi:

– A Nan!

A Nan dạ. Ca Diếp nói:

– Hãy lật ngược cây sắt can ngoài cửa.

BÌNH:

Nếu ở đây mà hạ được một lời cho xác thiết thì thấy được pháp hội Linh Sơn chưa tan. Còn nếu chẳng đáng, thì quả là Phật Tỷ Bà Thi đã sớm lo, mãi cho đến giờ vẫn chưa đáng.

TỤNG:

*Hỏi thật còn xa đáp mới gần.
Tráo trở mắt trắng ấy nhân gian
Anh la em đáp phôi thôi xấu.
Lọ phải âm dương cũng có xuân.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

CHÚ: Cây sất can là trụ cờ ở trước chùa. Khi có thuyết pháp thì kéo phướn lên để mọi người biết mà tụ hội. Phật Tỳ Bà Thi (Vipacyi) là một trong 7 vị cổ Phật thời quá khứ.

23. ĐỆ NHỊ THẬP TAM TẮC BẤT TƯ THIỆN ÁC (Không nghĩ thiện không nghĩ ác)

CỬ:

Thượng tọa Huệ Minh đuổi theo Lục Tổ đến núi Đại Diểu Lĩnh. Tổ thấy Huệ Minh, liền quăng y bát trên tảng đá mà nói:

– Áo này vốn để làm tin, há tranh đoạt được ư? Ông cứ lấy đi.

Huệ Minh cầm áo, thấy nặng như núi, run sợ nói:

– Tôi đến cầu Pháp, chẳng phải vì áo. Xin hành giả khai thị.

Tổ nói:

– Không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Ngay lúc ấy thì mặt mũi xua nay của Thượng tọa Huệ Minh là gì?

Huệ Minh liền ngộ, mình dẫm mổ hôi, khóc lóc sụp lạy:

– Ngoài mặt ý, mặt ngữ đó ra, ngài còn truyền ý chỉ gì nữa chẳng?

Tổ nói:

– Điều tôi nói với ông không có chi là mật. Nếu ông quay nhìn mặt mũi chính mình, thì bí mật chính là ở bên ông.

Huệ Minh thưa:

– Tôi tuy ở trong tầng chúng bên ngài Hoàng Mai, nhưng chưa từng xét kỹ mặt mũi mình. Nay đội ơn Ngài trở cho lối vào, như người uống nước, nóng lạnh tự hay. Giờ đây ngài là thấy tôi vậy.

Tổ nói:

– Nếu được như thế, tất tôi và ông đều là học trò của Hoàng Mai. Nên tự giữ gìn cho khéo.

BÌNH:

Lục Tổ vì việc nhà quá gấp như Lão bà cung con cháu, trái vải đầu mùa, lột vỏ bỏ hột nhét vô miệng, chỉ nuốt một cái là xong.

TỤNG:

*Vẽ chẳng nên hể tả chẳng thành,
Khen không kịp hể thôi cũng đành
Bản lai diện mục không chỗ dấu
Thế giới dù tan vẫn chẳng tan.*

CHÚ: Lục Tổ tức Lục Tổ Huệ Năng (638-713) đắc đạo từ Ngũ Tổ Hoàng Mai (610-674). Pháp Bảo Đàn Kinh tương truyền là lời của Lục Tổ và là một tác phẩm duy nhất của chư tổ được sắp vào hàng “Kinh” (Kinh chỉ dùng để ghi lời giảng của Đức Phật). Huệ Minh trước khi đi tu còn là một võ tướng.

24. ĐỀ NHỊ THẬP TỨ TẮC
LY KHƯỚC NGŨ NGÔN
(Lìa xa ngũ ngôn)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Phong Huyệt:

– Nói hay im lặng đều là việc nhỏ nhặt, làm sao khỏi vướng mắc?

Sư đáp:

*Giang Nam nhớ mãi mùa xuân ấm,
Trâm hoa hương ngát chá cô kêu.*

BÌNH:

Thiền cơ của Phong Huyệt như điện chớp, gặp đường là đi, ngắt lại không phá được khuôn sáo của người xưa. Nếu chỗ này mà thấy được xác thiết thì tự vạch được lối đi. Bây giờ thử rời bỏ *ngôn ngữ tam muội*, hãy đáp một câu xem!

TỤNG:

*Câu cú không lộ ruột,
Chưa nói đã rõ lời.
Chân bước miệng lẩm bẩm,
Biết ông đã sai rồi.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

CHÚ: Phong Huyết Thiền sư (896-973) trước là một nho sĩ nổi tiếng, sau đi tu Phật đắc pháp với ngài Nam Viện (đệ tử Lâm Tế đời thứ hai). Ngài Phong Huyết là thầy của Thủ Sơn (Công án 43). “Ngôn ngữ tam muội” là một từ ngữ Phật học chỉ ngôn ngữ ở trạng thái nguyên sơ, Logos. “Chá cô” là một loài chim trốn tuyết, mùa đông bay về phương nam.

25. ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ TẮC TAM TÒA THUYẾT PHÁP (Tòa thứ ba thuyết pháp)

CỬ:

Hòa Thượng Ngưỡng Sơn mộng thấy đến chỗ Phật Di Lặc, ngồi tòa thứ ba. Có một tôn giả gõ hiệu thưa:

– Hôm nay đến phiên tòa thứ ba thuyết pháp.

Sư liễn đứng dậy gõ bàn nói:

– Pháp Đại Thừa. Ly tứ cú, tuyệt bách phi. Nghe kỹ! Nghe kỹ!

BÌNH:

Thử hỏi đó là thuyết pháp hay không thuyết pháp? Mở miệng là sai, ngậm miệng là mất. Không mở không ngậm, mười vạn tám ngàn.

TỤNG:

*Thanh thiên bạch nhật,
Trông mộng nói mơ
Nghĩ xằng nghĩ bậy,
Lừa bác lừa cô.*

CHÚ: Hòa Thượng Ngưỡng Sơn (814-890) pháp danh Huệ Tịch. Đắc pháp với ngài Quy Sơn Linh Hựu (xem Công án thứ 40). cùng với thầy được xem là tổ dòng

vũ thê ngọc / vô môn quan

Thiền Quy Ngưỡng "Tứ cú Bách phi" là thuật ngữ của Phật giáo. Tứ cú (bốn câu lý luận): có, không, vừa có vừa không, không có không không. Bách phi (trăm lối phủ nhận). Tứ cú Bách phi là chỉ những khả năng tối đa của ngôn ngữ để nêu rõ thực tại tuyệt đối.

26. ĐỆ NHỊ THẬP LỤC TẮC NHỊ TĂNG QUYẾN LIÊM (Hai tăng cuốn rèm)

CỬ:

Trước giờ trai, nhân có các tăng đến tham hỏi, ngài Thanh Lương Đại Pháp Nhân mới chỉ tấm màn tre. Tức thì có hai ông cùng đi ra cuốn rèm.

Su nói:

– Một được, một mất.

BÌNH:

Thử nói ai được ai mất? Nếu có mắt nhận ra chỗ này thì cũng biết được chỗ khiếm khuyết của Quốc sư Thanh Lương. Tuy như thế, rất kỳ việc so đo được mất.

TỤNG:

*Cuốn rèm trông khắp cả thái không,
Thái không nào sánh kịp nguồn tống.
Sao bằng buông hết từ xưa đó,
Chặt chẽ dạn dày gió chẳng thông.*

CHÚ: Ngài Đại Pháp Nhân (888-958) còn có Pháp danh là Văn Ích, đắc pháp với ngài La Hán Quế. Sau trụ trì chùa Thanh Lương, lập ra dòng Thiền Pháp Nhân.

vũ thế ngọc / vô môn quan

27. ĐỆ NHỊ THẬP THẤT TẮC
BẤT THỊ TÂM PHẬT
(Không phải tâm không phải Phật)

CỬ:

Một ông tăng hỏi hòa thượng Nam Tuyền:

– Có pháp nào chưa dạy nữa không?

Sư đáp:

– Có.

Ông tăng hỏi:

– Pháp chưa dạy là pháp gì?

Sư nói:

– Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật.

BÌNH:

Nam Tuyền bị hỏi một câu, phải dốc hết vốn liếng gia tư, thật là lận đận.

TỤNG:

*Dạy kỹ làm tổn đức,
Không lời mới thật công.
Dù cho biến dẫu đổi
Không vì người khai thông.*

vũ thế ngọc/vô môn quan

28. ĐỆ NHỊ THẬP BÁT TẮC CỬU HƯỚNG LONG ĐÀM (Cây đuốc của Long Đàm)

CỬ:

Đức Sơn tham hỏi ngài Long Đàm cho đến tối.
Sư nói:

– Đã khuya, ông về đi.

Đức Sơn vái chào, vén rèm ra, thấy bên ngoài trời tối đen, quay trở vào thưa:

– Bên ngoài tối quá.

Sư thắp một cây đèn giấy trao cho. Đức Sơn toan cầm, Sư liền thổi tắt. Đức Sơn tỉnh ngộ, sụp lạy.

Sư nói:

– Ông thấy được đạo lý chi?

Đức Sơn đáp:

– Tôi từ nay trở đi, hết nghi hoặc những lời dạy của chư hòa thượng trong thiên hạ.

Hôm sau Sư thăng đường nói:

– Trong đây có một kẻ rãng như rừng gươm, miệng như chậu máu, bị đánh một hèo mà chẳng quay đầu, mai kia mốt nọ leo lên đỉnh núi cao dựng đạo của ta.

Đức Sơn đem mấy bộ số sao đến trước pháp đường, cầm một bó thuốc giò lên nói:

– Hết thầy mọi biện giải cao thâm chỉ như một cái lông tơ nơi thái hư, hết thầy mọi yếu quyết chỉ như một giọt nước đổ xuống vực sâu.

Bèn đốt hết các bộ số sao rồi lạy mà đi.

BÌNH:

Đức Sơn trước khi ra cửa, tâm hừng hực, miệng hăm hăm, rong ruổi về Nam, quyết tâm dập tắt yếu chỉ Giáo ngoại biệt truyền. Trên đường đến Lễ Châu, Đức Sơn hỏi một bà lão để mua đồ ăn điểm tâm. Bà lão nói: “Trong xe của Đại Đức có chở sách vở gì?” Đức Sơn đáp: “Mấy bộ số sao kinh Kim Cương”. Bà lão nói: “Cứ như trong Kinh Kim Cương dạy, tâm bữa qua bắt không được, tâm bữa nay bắt không được, tâm bữa mai bắt không được, vậy Đại Đức điểm tâm là điểm cái tâm nào?”. Đức Sơn bị hỏi một câu như vậy mà vẫn không chịu chết quách đi, lại còn hỏi: “Gần đây có Tông sư nào không?”. Bà lão đáp: “Cách đây ngoài năm dặm có Hòa Thượng Long Đàm”. Đức Sơn bèn tới Long Đàm, giở hết trò bẽ bối, Long Đàm thực như người thương con không sợ bẩn xấu, thấy kẻ kia có đôi chút lửa, vội lấy nước dơ dập tắt liền. Xét lại, thực đáng cười.

TỤNG:

*Nghe tên chẳng bằng thấy mặt,
Thấy mặt chẳng bằng nghe tên.
Mới vừa khai thông mũi nọ,
Chẳng dè đui liến mắt kia.*

* “Số Sao” chỉ chung các bản chú giải và sao chép Kinh Luận (Số là chú giải. Sao là sao chép).

CHÚ: Đức Sơn (779-865) nguyên là một Đại luận sư, một tăng sĩ học giả được Phật giới Kinh đô Trường An tặng biệt hiệu Kim Cương Tổ, vì sư họ Tô nổi tiếng về luận giải kinh Kim Cương. Khi nghe Thiền Tông ở phương Nam thịnh hành, sư quyết chí nam du để trừ độc, bảo vệ chánh pháp. Nào ngờ đến gần vùng ngải Long Đàm (ngải Long Đàm Sùng Tín là đệ tử đặc pháp của Thiền sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ, đồ tôn của ngài Thạch Đầu Hy Thiên) bị một bà bán quán hỏi một câu làm sư tiêu tan hùng khí. Nên đến ngài Long Đàm cầu học Thiền đạo. Sau sư đặc pháp trở nên một thiền sư vĩ đại, có nhiều học trò giỏi như Tuyết Phong, Nham Đầu...

29. ĐỆ NHỊ THẬP CỬU TẮC

PHI PHONG PHI PHIÊN

(Không phải gió không phải phướn)

CỬ:

Gió thổi lay phướn, có hai ông tăng tranh luận.
Một nói:

– Phướn động.

Một nói:

– Gió động.

Cãi qua cãi lại không ra. Lục Tổ nói:

– Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động.
Tâm các ông động đấy thôi.

Hai tăng run sợ.

BÌNH:

Không phải gió động, không phải phướn động, không phải tâm động, thấy Tổ sư ở đâu? Nếu chỗ này xác thiết, thì biết hai ông tăng đổi sắt được vàng. Lục Tổ nhìn không được, phải một phen lặn dận.

TỤNG:

Gió? Phướn? Tâm động?

Nhận liễu một khi.

Nào hay mỡ miệng,

Thì lời đã sai.

vũ thế ngọc / vô môn quan

30. ĐỆ TAM THẬP TẮC TỨC TÂM TỨC PHẬT (Tâm tức là Phật)

CỬ:

Đại Mai hỏi ngài Mã Tổ:

– Phật là gì?

Tổ đáp:

– Tâm tức là Phật!

BÌNH:

Nếu lĩnh hội được tức thời, thì có thể mặc áo Phật, ăn cơm Phật, nói lời Phật, làm việc Phật. Tức là Phật vậy. Tuy nhiên, Đại Mai đã khiến bao người nhận lầm phương hướng. Đâu biết rằng nói một chữ Phật, phải ba ngày súc miệng. Nếu là người lĩnh hội được, thì nghe nói *tức tâm tức Phật* ắt là bịt tai mà chạy.

TỤNG:

*Thanh thiên bạch nhật
Vẫn tìm loanh quanh
Tay cầm tang vật,
Miệng còn kêu oan.*

CHÚ: Đại Mai Pháp Thường là đệ tử ngài Mã Tổ Đạo Nhất (707-786). Sau khi ngộ với Mã Tổ, ngài Đại Mai vào núi sống ẩn dật, không nhận đệ tử (xem lời bình ở Công án 10).

vũ thế ngọc / vô môn quan

31. ĐỆ TAM THẬP NHẤT TẮC
TRIỆU CHÂU KHÁM BÀ
(Triệu Châu khám phá lão bà)

CỬ:

Có một tăng hỏi một lão bà:

– Đường nào đến núi Đái Sơn?

Bà lão đáp:

– Cứ đi thẳng.

Ông tăng vừa bước năm ba bước, bà lại nói:

– Đường đường một ông thầy tu, cứ thế mà đi!

Sau có người kể lại cùng Triệu Châu. Sư nói:

– Để ta tới xem bà lão này ra sao.

Hôm sau sư đến, cũng hỏi như vậy, bà lão cũng đáp như vậy.

Sư trở về nói với tăng chúng:

– Bà lão ở Đái Sơn, ta đã khám phá cho các ông rồi.

vũ thê ngọc/vô môn quan

BÌNH:

Bà lão chỉ biết ngồi trong trường điều binh, bị giặc đến mà không biết. Còn lão Triệu Châu giỏi việc cướp trại, lại không ra vẻ đại nhân. Xét kỹ, cả hai đều có lỗi. Thử hỏi Triệu Châu khám phá bà lão ở đâu?

TỤNG:

*Hỏi đã rành rành,
Đáp cũng chẳng sai.
Trong cơ có sạn,
Trong bùn có gai.*

32. ĐỀ TAM THẬP NHỊ TẮC NGOẠI ĐẠO VẤN PHẬT (Kẻ ngoại đạo hỏi Phật)

CỬ:

Một kẻ ngoại đạo hỏi Phật:

– Không hỏi lễ hữu ngôn, không hỏi lễ vô ngôn.

Phật vẫn ngồi tòa.

Kẻ ngoại đạo tán thán:

– Đức Thế Tôn đại từ đại bi, vén lớp mây mê mờ khiến tôi vào được.

Rồi lay mà đi.

Ngài A Nan bèn bạch Phật:

– Kẻ ngoại đạo chứng được điều gì mà tán thán rồi đi như vậy?

Phật dạy:

– Như ngựa giỏi, nhìn bóng roi mà chạy.

vũ thế ngọc / vô môn quan

BÌNH:

A Nan là đệ tử của Phật mà kiến giải không bằng kẻ ngoại đạo. Thử hỏi kẻ ngoại đạo cùng đệ tử của Phật khác nhau nhiều ít?

TỤNG:

*Đi trên gươm bén,
Chạy giữa bờ bằng
Bước thêm bước nữa,
Thông tay xuống vực.*

33. ĐỆ TAM THẬP TAM TẮC
PHI TÂM PHI PHẬT
(Chẳng tâm, chẳng Phật)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Mã Tổ:

– Phật là gì?

Sư đáp:

– Chẳng tâm chẳng Phật.

BÌNH:

Nếu thấy được chỗ đó. Tham học đã hoàn tất.

TỤNG:

*Gặp kiếm khách hãy nên khoe kiếm
Có thi nhân thì mới đưa thơ
Gặp người gượng nói ba phân
Chớ nên nói hớ để phần mai sau.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

34. ĐỆ TAM THẬP TỨ TẮC
TRÍ BẤT THỊ ĐẠO
(Trí không phải là Đạo)

CỬ:

Ngài Nam Tuyền nói:

– Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.

BÌNH:

Nam Tuyền thiết là già không biết thẹn. Mới mở miệng hôi, thói nhà đã lộ. Tuy nhiên như vậy, kẻ biết ơn cũng ít.

TỤNG:

*Tạnh ráo mặt trời hiện,
Mưa rơi mặt đất ướt
Tận tình dù nói hết
Chỉ sợ chẳng ai tin.*

vũ thê ngọc / vô môn quan

35. ĐỆ TAM THẬP NGŨ TẮC
THANH NỮ LY HỒN
(Cô Thanh lìa hồn)

CỬ:

Ngài Ngũ Tổ nói:

– Cô Thanh lìa hồn, cô nào là thật?

BÌNH:

Nếu ở đây mà hiểu xác thiết thì thấy rằng thoát xác, nhập xác như ra vào quán trọ. Còn như chưa hiểu, chớ nên chạy bậy. Một mai tứ đại phân tán, như cua bị thả vào nước sôi, chân tay luống cuống. Lúc ấy chớ bảo rằng ta không nói trước.

TỤNG:

*Mây trắng thì giống
Núi khe lại sai
Ngàn phúc vạn phúc
Là một? Là hai?*

CHÚ: Ngũ Tổ ở đây là ngài Pháp Diễn (1019-1099), đệ tử của ngài Thủ Doan. Ngài Pháp Diễn sau trụ trì ở tổ đình Hoàng Mai (tức nơi hoàng đạo của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn xưa kia), nên còn được gọi là Ngũ Tổ.

vũ thế ngọc / vô môn quan

Cô Thanh là một nhân vật nổi tiếng trong truyện truyền kỳ ở Trung Hoa. Cô yêu người anh cô cậu là bạn từ bé, sau bị gả cho người khác, cô bỗng mê man. Hồn lìa khỏi xác đi theo người anh cô cậu. Hai người lấy nhau sinh con. Rồi sau nhớ nhà, cả hai trở về chịu tội. Người nhà bỗng thấy có hai cô Thanh, một cô mới về và một cô hôn mê từ ngày đó còn nằm trong nhà. Thì bỗng hai cô nhập lại làm một. Gia đình đoàn viên như xưa.

36. ĐỆ TAM THẬP LỤC TẮC
LỘ PHÙNG ĐẠT ĐẠO
(Gặp người đắc đạo giữa đường)

CỬ:

Ngài Ngũ Tổ Pháp Diễn nói:

– Giữa đường gặp người đắc đạo, không nói không im. Thử hỏi đối đãi ra làm sao?

BÌNH:

Nếu ở đây mà đối đãi xác thiết, há chẳng thích thú sao? Còn nếu chưa được thì phải lắm cẩn thận ngó chừng.

TỤNG:

*Lộ phùng đạt đạo nhân,
Chẳng nói mà chẳng im.
Giữa mặt cho một đấm,
Hiếu được tất hiếu liền.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

37. ĐỆ TAM THẬP THẤT TẮC
ĐÌNH TIỀN BÁCH THỤ
(Cây bách trước sân)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Triệu Châu:

– Ý tổ sư sang đông là gì?

Sư đáp:

– Cây tùng trước sân.

BÌNH:

Nếu thấy được chỗ đáp của Triệu Châu, thì thấy rõ là trước không có Thích Ca, sau không có Di Lặc.

TỤNG:

*Lời không nên việc,
Tiếng chẳng thành cơ.
Theo lời mất mạng,
Vướng tiếng hóa mê.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

38. ĐỆ TAM THẬP BÁT TẮC
NGŨ QUÁ SONG LINH
(Trâu qua cửa sổ)

CỬ:

Ngũ Tổ Pháp Diễn nói:

– Ví như trâu già đi qua cửa. Đầu, sừng, bốn chân đã lọt, sao đuôi lại không lọt?

BÌNH:

Nếu thấy được chỗ điên đảo này, nói được đúng một lời, thì trên báo được bốn ơn, dưới độ được ba cõi. Còn nếu chưa, phải nên lưu ý đến cái đuôi kia.

TỤNG:

*Bước tới lọt hố
Bước lui mất mạng.
Cái đuôi nho nhỏ
Thật là quá lăm.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

39. ĐỆ TAM THẬP CỬU TẮC VÂN MÔN THOẠI ĐẠO (Vân Môn lỡ lời)

CỬ:

Một ông tăng hỏi ngài Vân Môn:

– Quang minh tịch chiếu biến hà sa.

Lời nói chưa dứt, sư vụt hỏi:

– Phải thơ của tú tài Trương Chuyết chăng?

Ông tăng đáp:

– Phải.

Sư nói:

– Sẩy lời rồi!

Về sau Tử Tâm nhắc chuyện lại, bàn rằng:

– Thử hỏi đâu là chỗ ông tăng bị sẩy lời?

vũ thế ngọc / vô môn quan

BÌNH:

Nếu mà thấy được chỗ dụng của Vân Môn cùng chỗ sẩy lời của ông tăng, thì có thể làm thấy ở hai cõi trời, người. Còn nếu chưa rõ thì cứu mình cũng không xong.

TỤNG:

Nước xiết buông cần

Tham mỗi mắc câu

Miệng vừa mới mổ.

Tính mạng còn đâu.

CHÚ: “Quang minh tịch chiếu biến hà sa”: có nghĩa là ánh sáng tịch tĩnh chiếu rọi khắp mọi thế giới (nhiều như cát sông – hà sa –). Trương Thuyết là một Thiền sư học trò của ngài Thạch Sưong Khánh Chu (807-888). Tử Tâm là môn đệ Hòa thượng Mai Đường (1025-1100).

40. ĐỆ TỬ THẬP TẮC DUỘC ĐẢO TỊNH BÌNH (Đá đổ tịnh bình)

CỬ:

Hòa Thượng Quy Sơn lúc còn ở với ngài Bách Trượng, giữ chức điển tọa. Khi Bách Trượng chọn người đến núi Đại Quy trụ trì, bèn dạy Sư cùng ông thủ tòa ra đối đáp trước chúng, ai đối đáp giỏi sẽ được phái đi.

Bách Trượng cầm tịnh bình đặt xuống đất, hỏi:

– Không được gọi là tịnh bình thì các ông gọi là gì?

Ông thủ tòa đáp:

– Không thể gọi là khúc gỗ.

Bách Trượng quay sang hỏi Sư. Sư đá đổ tịnh bình mà bỏ đi. Bách Trượng cười nói:

– Ông đệ nhất tòa thua mất hòn núi rồi.

Bèn phái sư đi làm tổ khai sơn.

BÌNH:

Quy Sơn một phen hăng hái, ngật rằng vẫn không vượt qua được cái bẫy của Bách Trượng. Xét lại cho kỹ, té ra bỏ nhẹ lựa nặng. Sao vậy chớ? Tránh bung mâm, lại bị mang gông sắt.

TỤNG:

*Thuốc đo gió đếm bỏ hết thôi,
Hãng hái một phen phá buộc ràng
Bách Trọng trùng quan ngăn nào kịp,
Đưa chân đá quách, Phật chẳng màng.*

CHÚ: Quy Sơn là Ngài Linh Hựu (771-853), một đệ tử lầy lùng của ngài Bách Trọng. Sau vắng lời thấy đến trụ trì và dạy chúng ở núi Đại Quy, Hồ Bắc. Ngài ở đây hơn 40 năm có đến hàng ngàn đệ tử. Trong số này có Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (807-883) – Xem Công án 25 – Ngài được coi là Sư tổ dòng Thiền Quy Ngưỡng, còn để lại sách Quy Sơn Chính Sách dạy về giới luật và thiền tọa.

Điển tọa: là một trong 6 chức vụ ở chùa, coi về ẩm thực. Thủ tọa: là người đứng đầu tăng chúng, giống như chức trưởng tràng ở trường học ngoài đời, thay thầy lo việc học.

41. ĐỆ TỬ THẬP NHẤT TẮC
ĐẠT MA AN TÂM
(Tổ Đạt Ma an tâm cho Huệ Khả)

CỬ:

Tổ Đạt Ma ngồi nhìn vách. Nhị tổ đứng giữa tuyết, chặt tay thưa:

– Đệ tử tâm chưa an, xin thầy an tâm cho.

Tổ Đạt Ma nói:

– Đưa tâm đây ta sẽ vì người mà an cho.

Nhị tổ thưa:

– Đệ tử tìm tâm mãi mà chẳng được.

Tổ Đạt Ma nói:

– Ta an tâm cho người rồi đó.

BÌNH:

Ông Hồ già gãy răng vượt mười vạn dặm biển mà đến. Thật là không gió mà nổi sóng. Sau cùng truyền được cho một người, lại sáu căn không đủ. Than ôi, Ta tam tạng chẳng biết đến chữ tú.

TỤNG:

*Từ Tây phương đến,
Đặt chuyện truyền trao
Náo loạn chùa chiến,
Nguyên lai tại lão.*

CHÚ: Ngài Bồ Đề Đạt Ma được coi là Sư tổ, Nhị tổ ở đây là ngài Huệ Khả (486-593). Nhị tổ là người Lạc Dương, có tên là Thần Quang, là một tu sĩ bác học, thông thạo kinh điển mọi tông phái Phật Giáo và cả ngoại điển Nho Lão. Đến năm 41 tuổi mới đến Thiếu Lâm cầu học với Đạt Ma tổ sư. Cuối cùng sư ngộ được đạo và được truyền y bát làm tổ thứ hai Thiền tông Đông Độ.

42. ĐỆ TỬ THẬP NHỊ TẮC NỮ TỬ XUẤT ĐỊNH (Nữ nhân xuất định)

CỬ:

Đức Phật cùng chư Phật mười phương tụ hội. Ngài Văn Thù đến đó, gặp lúc chư Phật vị nào đều trở về quốc độ của họ, chỉ còn lại một nữ nhân đến gần Phật tòa mà nhập định. Văn Thù bạch Phật:

– Nữ nhân nào mà lại đến gần được Phật tòa.

Phật dạy Văn Thù:

– Ông khiến nàng xuất khỏi tam muội mà hỏi.

Văn Thù đi quanh nữ nhân ba vòng, búng tay một cái, rồi nâng lên trời Phạm Thiên lại dùng đủ hết các môn thần lực mà không làm nàng xuất định được.

Phật dạy:

– Dù cho trăm ngàn Văn Thù cũng không thể khiến nàng ra khỏi định được. Ở phương dưới, qua khỏi số quốc lộ nhiều bằng số cát của mười hai ức sông Hằng, có Bồ Tát Vông Minh mới có thể khiến nàng xuất định.

Liền đó, ngài Vông Minh từ dưới đất vọt lên chấp tay bái Phật. Phật sai Vông Minh đánh thức nữ nhân. Vông Minh đến bên, búng tay một cái, nàng liền xuất khỏi định.

BÌNH:

Ông già Thích Ca dựng tượng vẽ như chẳng hiểu chi. Thử hỏi, Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, sao lại không thể làm nằng kia xuất định? Vọng Minh mới chỉ là Bồ Tát Sơ Địa sao lại làm được việc ấy? Nếu chỗ này mà thấy được xác thiết, thì dù nghiệp thức mệnh mang, vẫn Na Già đại định.

TỤNG:

Xuất được, xuất không được.

Hai đường vẫn tự do

Đầu thần dương mặt quỷ,

Bại khuyết vẫn phong lưu.

CHÚ: Văn Thù (Manjushri), vị đại Bồ Tát trong kinh Đại Thừa, tượng trưng cho trí tuệ, thường được vẽ, tạc ngồi trên mãnh sư.

“Bảy vị Phật” gồm 3 vị ở Trang Nghiêm Kiếp là Tỳ Bà Thi, Thi Khí, Tỳ Xá Phù và 4 vị trong Hiện Kiếp là Ca La Tôn Đại, Câu Na Hàm Mẫu Ni, Ca Diếp và Thích Ca Mẫu Ni.

“Bồ Tát Sơ Địa” là quả vị đầu tiên trong 10 bậc mà Bồ Tát phải chứng nhập.

“Na Già đại định”, kinh Bốn Hạnh có câu “Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời” (Chúa Rỗng thường định, không lúc nào không định). Ở đây chỉ định lực viên mãn.

43. ĐỆ TỬ THẬP TAM TẮC
THỦ SƠN TRÚC BỀ
(Gậy trúc của Thủ Sơn)

CỬ:

Hòa Thượng Thủ Sơn đưa gậy trúc trước tăng chúng mà nói:

– Này tất cả các ông, nếu gọi là gậy trúc thì xúc phạm. Nếu không gọi là gậy, trúc thì sai trái. Vậy các ông gọi là gì?

BÌNH:

Gọi là gậy trúc thì phạm. Không gọi là gậy trúc thì sai. Không nói có, không nói không. Nói nhanh! Nói nhanh!

TỤNG:

*Gậy trúc đưa ra,
Lệnh giết cho tha
Phải trái giao hòa,
Phật, Tổ xin thua.*

CHÚ: Hòa thượng Thủ Sơn (926-993) đặc pháp với ngài Phong Huyệt (Công án 24). Như vậy, hòa thượng là đệ tử đời thứ tư của dòng Thiền Lâm Tế.

vũ thế ngọc/vô môn quan

44. ĐỆ TỬ THẬP TỬ TẮC
BA TIÊU TRỤ TRƯỢNG
(Cây gậy của Ba Tiêu)

CỬ:

Hòa thượng Ba Tiêu nói với tăng chúng:

– Các ông có cây gậy, ta cho ông cây gậy. Các ông không có gậy, ta lấy gậy của các ông.

BÌNH:

Chống nó qua khe lúc cầu gãy, tựa nó khi tìm về xóm lúc không trăng. Nếu gọi nó là cây gậy thì vào địa ngục nhanh như tên bắn.

TỤNG:

*Khắp phương dù sâu cạn,
Cũng trong bàn tay thôi.
Chọc trời hay chống đất,
Tông phong tỏ rạng ngời.*

CHÚ: Hòa thượng Ba Tiêu có pháp danh là Huệ Thanh, đệ tử đời thứ hai của dòng thiền Quy Ngưỡng. Ngài là người Triều Tiên.

vũ thế ngọc/vô môn quan

45. ĐỆ TỬ THẬP NGŨ TẮC
THA THỊ A THỦY
(Người đó là ai?)

CỬ:

Ngài Pháp Diễn ở Đông Sơn nói:

– Thích Ca, Di Lặc còn là tôi tớ cho người đó. Thủ
hỏi người đó là ai?

BÌNH:

Nếu thấy rõ người đó, ví như giữa ngã tư mà gặp
ngay cha mình. Chẳng cần hỏi ai xem phải hay không.

TỤNG:

*Cung người chớ giường
Ngựa người chớ cỡi.
Lỗi người chớ cãi,
Việc người chớ hay.*

vũ thê ngọc / vô môn quan

46. ĐỆ TỬ THẬP LỤC TẮC CAN ĐẦU TIẾN BỘ (Đầu sào tiến thêm)

CỬ:

Hòa thượng Thạch Sưông nói:

– Đầu sào trăm thước làm sao tiến hơn?

Lại có vị cổ đức nói:

- Đầu sào trăm thước đã ngồi yên,
Nhập đạo nhưng chưa thật thấy chân.
Đầu sào trăm thước cần tiến nữa,
Thập phương thế giới hiện toàn thân.

BÌNH:

Tiến thêm bước nữa, nghiêng được thân. Còn ngại gì mà không tự tôn xưng? Tuy vậy, thử hỏi đã đứng đầu sào trăm thước, làm sao để tiến thêm? Hừ!

vũ thế ngọc / vô môn quan

TỤNG:

Mắt trên trán đã mù,
Cân đo cũng lắm sai.
Liều thân để bỏ mạng,
Kẻ mù dẫn lũ đui.

CHÚ: Hòa thượng Thạch Sưông (986-1039) còn gọi là Sở Viên, đắc pháp với ngài Phần Dương. Hòa thượng là đệ tử đời thứ sáu của dòng Thiền Lâm Tế. Bài kệ "Bách Trượng can đầu bất động nhân" là của ngài Trường Sa Cảnh Sảm (trong Truyền Đăng Lục).

47. ĐỆ TỬ THẬP THẤT TẮC ĐÂU SUẤT TAM QUAN (Ba cửa của Đâu Suất)

CỬ:

Hòa thượng Đâu Suất Nguyệt đặt ra ba cửa để hỏi người tham học:

– Lặn lội tìm đạo, chỉ mong kiến tánh. Ngay lúc này tánh ông ở chỗ nào?

– Biết được tánh mình thì thoát sinh tử. Vậy khi nhắm mắt lìa đời, làm sao để thoát?

– Thoát được sinh tử thì biết chốn đi về. Vậy khi tứ đại tan rã, thì đi về đâu?

BÌNH:

Nếu nơi này nói được dăm ba câu, thì ở đâu cũng làm chủ được, nơi nào cũng là nhà được. Nếu chẳng được vậy, đồ ăn thô dễ no, nhai kỹ khó đói.

TỤNG:

*Một niệm nhìn xuyên vạn kiếp xưa
Vạn kiếp mà như giây phút đây
Phút đây – một niệm như thấy được.
Là thấy ngay người của phút giây.*

CHÚ: Hòa thượng Đâu Suất Nguyệt (1044-1091) đặc pháp với ngài Bảo Phong, hòa thượng là truyền nhân đời thứ 9 của dòng Lâm Tế.

vũ thố ngọc / vô môn quan

**48. ĐỆ TỬ THẬP BÁT TẮC
CÀN PHONG NHẤT LỘ
(Một đường của Càn Phong)**

CỬ:

Một ông tăng hỏi hòa thượng Càn Phong:

– Mười phương chư Phật Bạc Già Phạm chỉ có một đường nhập Niết Bàn. Không biết đầu đường ở chỗ nào?

Sư cầm trượng vạch một vạch mà nói:

– Đây!

Sau đó ông tăng đem chuyện hỏi ngài Vân Môn. Vân Môn cầm quạt nói:

– Quạt này nhảy lên tận tầng trời ba mươi ba, gõ mũi lão Đế Thích. Ra biển đông đánh con lý ngư một gậy. Trời mưa đổ nước.

BÌNH:

Một người đi giữa biển sâu bụi bay mù mịt. Một người đứng chót vót tận đỉnh núi, sóng trắng tới bờ. Năm yên, buông đi, mỗi bên trở đòn nêu rõ tông phong. Thật giống hai đứa trẻ chạy đụng vào nhau. Trên đời khó có người thật sự biết được. Nhìn kỹ trở lại, cả hai ông già đều không biết đầu đường ở đâu.

vũ thế ngọc/vô môn quan

TỤNG:

*Chân chưa bước, đã đến trước
Lưỡi chưa động, đã nói xong
Dù cho trăm việc đều trên, trước
Vẫn còn đường để gắng leo cao.*

Hậu tự

Phật và chư tổ theo cơ duyên mà chỉ dạy, không có dư lời, chỉ nhằm lột sọ mở mắt cho người. Người học nhận thẳng ngay đó, không tìm đâu xa. Bậc thượng sĩ vừa nghe lời đã thấy ý. Chẳng có cửa ngõ nào để vào, chẳng có tầng bậc nào để lên. Vẫy tay qua ải khỏi cần hỏi han quan lại. Há chẳng nghe Huyền Sa nói: “Không-cửa là cửa giải thoát. Không-ý là ý của đạo”. Bạch Vân Thủ Đoan cũng nói: “Biết rõ rành rành chỉ là cái đó, sao nói là không qua lọt?”.

Nói như vậy thật giống như lấy đất đỏ nhồi vào sữa bò. Qua được cửa Vô Môn thì sớm đã đè bẹp Vô Môn tôi, mà qua được thì cũng tự mình cô độc. Cho nên nói là “Tâm Niết Bàn dễ tỏ, trí sai biệt khó sáng”. Trí sai biệt mà sáng, nước nhà tự an ninh.

*Năm ngày trước thời giải hạ
đầu niên hiệu Thiệu Đinh
Đệ tử đời thứ tám dòng Dương Kỳ
tỳ kheo Vô Môn Huệ Khai cẩn trí.*

vũ thế ngọc / vô môn quan

Mục lục

Tự	5
Thiền công án thiền	7
Phổ hệ các thiền sư xuất hiện trong các công án của vô môn quan	33
Năm thiền phái	35
Tác giả và tác phẩm	37
Vô môn quan	41
Tựa của vô môn	43
Hậu tự	155

TỔNG PHÁT HÀNH

Công ty Văn hóa Phương Nam

940 Đường Ba tháng Hai, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
ĐT: (08) 8663447 - 8663448 * Fax: (84.8) 8663449

TP. HỒ CHÍ MINH: * Nhà sách Phú Thọ: 940 Đường Ba tháng Hai, Q.11. ĐT 8644444-8639205 * Nhà sách Đại Thế Giới: 41B Trần Phú, Q.5. ĐT. 8570407-9508175 * Nhà sách Phương Nam 2A Lê Duẩn, Q.1. ĐT. 8229650-8234542 * Nhà sách Phương Nam 65 Lê Lợi, Q.1. ĐT 8217131 * Nhà sách Nguyễn Danh: 03 Nguyễn Danh, Q.Gò Vấp, ĐT.8944835-8946561 * Nhà sách Nguyễn Thái Sơn: 86A Nguyễn Thái Sơn, Q. Gò Vấp. ĐT.8943246-9850287 * Nhà sách Phương Nam (Coopmart Nguyễn Kiệm): 571 Nguyễn Kiệm, Q.Gò Vấp, ĐT. 9972476 * Nhà sách Phương Nam (Coopmart Xa lộ Hà Nội): 191 Quang Trung, Q.9. ĐT: 7307558.

HÀ NỘI: - Chi nhánh Hà Nội: 108 Tầng Bạt Hố. ĐT (04) 9.724834 - Nhà sách Tiến Phong: 175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội - ĐT (04)7 336.235 Fax (04)7 336236 ■ **HẢI PHÒNG:** Nhà sách Tiến Phong: 55 Lạch Tray, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng - ĐT (031) 641812. Fax (031) 641814.

HUẾ: Nhà sách Phú Xuân: 131 Trần Hưng Đạo, TP.Huế - ĐT (054)522000-522001 Fax. (054)522002 ■ **ĐÀ NẴNG:** Nhà sách Phương Nam: 68 Phan Chu Trinh, Đà Nẵng - ĐT (0511)817017-817027, Fax. (0511)817037 ■ **QUẢNG NAM:** - Hội An thư quán: 06 Nguyễn Trãi Minh Khai, TX Hội An, Quảng Nam - ĐT (0510)916272, Fax (0510)916271 ■ **BÌNH THUẬN:** Nhà sách Phương Nam: 70 Nguyễn Huệ, Phan Thiết - ĐT (062)817070.

CẦN THƠ: Nhà sách Phương Nam: 06 Hòa Bình, TP Cần Thơ - ĐT: (071)813436. Fax. (071)813437.

Vô môn quan

THIỀN SƯ VÔ MÔN

VŨ THẾ NGỌC Dịch và luận chú

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập:

ĐÀO TRỌNG ĐỨC

Bìa và trình bày:

AZ DESIGN

Sửa bản in:

VÂN ANH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1

ĐT: 8225340 - 8296764 - 8220405 - 8296713 - 8223637

Fax: 84.8.8222726 * Email: nxbtphcm@bdvn.vnd.net

Đơn vị liên doanh:

CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Khổ 13 x 21cm, Số ĐKKHXB: 125-2006/CXB/17-14/THTPHCM.

Quyết định xuất bản số 1261/QĐ-2006 THTPHCM ngày 15.11.2006.

In 1.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Công ty Văn hóa Phương Nam.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2006.

Cùng một tác giả:

- TRÀ KINH
Eastwest Institute Press.
California 1987
- VƯƠNG DUY
CHÂN DIỆN MỤC
Eastwest Institute Press.
California 1987
- NGUYỄN DU NHỮNG
PHƯƠNG TRỜI HUYỀN
MỘNG
Eastwest Institute Press.
California 1987
- NGHIÊN CỨU CHỮ HÁN
Eastwest Institute Press.
California 1985
- TỰ HỌC CHỮ HÁN
Eastwest Institute Press.
California 1985
- BỒ ĐỀ ĐẠT MA:
TUYỆT QUẢN LUẬN
Eastwest Institute Press.
California 1983
- THẬP NGƯU ĐỒ
Eastwest Institute Press.
California 1980
- THẦN THOẠI VIỆT NAM
Eastwest Institute Press.
California 1980
- VÔ MÔN QUAN
Eastwest Institute Press.
California 1983
- HUYẾT MẠCH LUẬN
Eastwest Institute Press.
California 1984
- LESSONS OF
EMPTINESS
Eastwest Institute Press.
California 1990
- VIETNAMESE ZEN
BUDDHISM
Eastwest Institute Press.
California 1989
- KINH DỊCH KHOA HỌC
Eastwest Institute Press.
California 1992



VÔ MÔN QUAN

Phật dạy lấy tâm làm gốc, không-cửa làm cửa pháp. Đã không cửa, làm sao qua? Há chẳng nghe: “Theo cửa mà vào thì không phải là đồ quý báu. Do duyên mà có, rồi thủy chung cũng có thành có bại”. Nói như vậy thật chẳng khác như không gió mà nổi sóng, thịt lành mà nổi độc. Hướng chỉ chấp vào lời vào văn mà mong tìm lý giải, thì như quơ gậy đập trống, gãi ngứa ngoài giày. Có ăn nhằm chi?

Huệ Khai tôi vào năm Thiệu Định, mùa hạ năm Mậu Tý làm thủ chúng ở chùa Long Tường, huyện Đông Gia; nhân vì học chúng tham hỏi, nên lấy công án của người xưa mượn làm viên ngọc cửa. Tùy căn cơ của người học mà dẫn dắt. Sao lục mãi ngẫu nhiên mà thành tập. Mới đầu chưa có thứ tự trước sau, nay gôm lại thành 48 bài gọi là Vô Môn Quan...

Vô môn quan



8

Giá: 20.000Đ